



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI MÁY TÍNH HỌC VIỆN
HỌC KỲ III (2024-2025)**

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1	2152210039	Nguyễn Trần Anh	Thư	Nữ	21ĐHNATM	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2	2431720062	Trần Nguyễn Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
3	2431720076	Liên Quốc	Quân	Nam	24ĐHNA02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
4	2431720093	Tiêu Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNA02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
5	2431720095	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
6	2431730105	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	Nữ	24ĐHDLC2	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
7	2431730112	Nguyễn Phúc Hoàng	Như	Nữ	24ĐHDLC2	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
8	2431730143	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyết	Nữ	24ĐHDLC2	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
9	2431310405	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
10	2431730181	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	24ĐHDLC2	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
11	2433510023	Vũ Phong	Thái	Nam	24ĐHĐT01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
12	2431720273	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA05	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
13	2431720291	Tô Hoàng Thảo	Nhi	Nữ	24ĐHNA05	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
14	2431720292	Nguyễn Kiều	Vy	Nữ	24ĐHNA05	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
15	2431720297	Hồ Ngọc Cát	Tường	Nữ	24ĐHNA05	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
16	2431720369	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHNA07	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
17	2431720388	Tạ Minh	Tâm	Nam	24ĐHNA07	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
18	2431720417	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
19	2431310229	Trần Phương	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
20	2431720321	Vũ Tuấn	Bình	Nam	24ĐHNA06	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
21	2431720356	Nguyễn Trương Phương	Trinh	Nữ	24ĐHNA06	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
22	2431310006	Hà Trần Minh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
23	2431320028	Huỳnh Trọng	An	Nam	24ĐHNL01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
24	2431730108	Trần Minh Kim	Loan	Nữ	24ĐHDLC2	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
25	2431320042	Nguyễn Cao	Thành	Nam	24ĐHNL01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
26	2431730110	Võ Nguyễn Yến	My	Nữ	24ĐHDLC2	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
27	2431310320	Vũ Thúy	Hằng	Nữ	24ĐHQTT06	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
28	2431310322	Nguyễn Ánh	Tuyết	Nữ	24ĐHQTT06	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
29	2431310400	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQTT07	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
30	2431310431	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQTT07	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
31	2431730182	Đinh Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHDLCT2	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
32	2431730325	Trần Hàn Bảo	Ân	Nữ	24ĐHDLH3	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
33	2431720416	Hoàng Minh	Ánh	Nữ	24ĐHNA07	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
34	2431310007	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHQTT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
35	2431310011	Lê Thị Hồng	Hào	Nữ	24ĐHQTT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
36	2433510008	Phạm Đăng Ngọc	Hiền	Nam	24ĐHDT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
37	2433530021	Trần Lê Khánh	Hung	Nam	24ĐHTĐ01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
38	2431310428	Lê Nguyễn Hoàng Quỳnh	Ni	Nữ	24ĐHQTT07	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
39	2431310432	Nguyễn Khánh	Trang	Nữ	24ĐHQTT07	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
40	2431720245	Đoàn Hiếu	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
41	2433510045	Đỗ Việt	Tuấn	Nam	24ĐHDT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
42	2431720001	Trần Thị Thanh	Ngọc	Nữ	24ĐHNA01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
43	2431720006	Võ Hoàng Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHNA01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
44	2431720018	Nguyễn Võ Chang	Mi	Nữ	24ĐHNA01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
45	2431720033	Cù Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
46	2431720035	Lê Thị Ngọc	Giàu	Nữ	24ĐHNA01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
47	2431720040	Đặng Thùy	Linh	Nữ	24ĐHNA01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
48	2431720041	Đỗ Ngọc	Khánh	Nữ	24ĐHNA01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
49	2431720080	Hồ Nguyễn Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
50	2431310243	Phan Mai	Linh	Nữ	24ĐHQTT04	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
51	2431310314	Biện Gia	Huy	Nam	24ĐHQTT09	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
52	2431310403	Văn Thị Mỹ	Quỳnh	Nữ	24ĐHQTT07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
53	2431720156	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNA03	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
54	2431720270	Võ Trần Diễm	My	Nữ	24ĐHNA05	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
55	2431720367	Nhâm Thị Mai	Hoa	Nữ	24ĐHNA07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
56	2431720374	Đào Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHNA07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
57	2431720381	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	24ĐHNA07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
58	2431720382	Mai Nguyễn Thu	Huệ	Nữ	24ĐHNA07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
59	2431720396	Dương Trương Nhã	Linh	Nữ	24ĐHNA07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
60	2431310081	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQTT02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
61	2431720061	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
62	2431720070	Phạm Đỗ Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
63	2431720075	Võ Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
64	2431720084	Nguyễn Ngọc	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
65	2431720085	Nguyễn Như	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
66	2431720098	Trần Thị Ngọc	Thanh	Nữ	24ĐHNA02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
67	2431720105	Phạm Hà Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
68	2431720113	Nguyễn Lý Huyền	Trân	Nữ	24ĐHNA02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
69	2431720280	Lê Hoài	My	Nữ	24ĐHNA05	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
70	2431720346	Ngô Thị Mỹ	Diễm	Nữ	24ĐHNA06	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
71	2431720443	Trương Thái	Như	Nữ	24ĐHNA08	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
72	2431720468	Nguyễn Phương Mai	Thi	Nữ	24ĐHNA08	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
73	2433530106	Phạm Công	Trung	Nam	24DHTĐ03	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
74	2431720548	Trần Ngân	Hằng	Nữ	24ĐHNA06	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
75	2255200001	Trần Thái	Toàn	Nam	22ĐHKT01	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
76	2331310217	Lê Thị Cẩm	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
77	2431720022	Phan Ngọc Khả	Nhu	Nữ	24ĐHNA01	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
78	2431720037	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	24ĐHNA01	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
79	2431720042	Trần Mạnh	Cường	Nam	24ĐHNA01	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
80	2431720044	Huỳnh Gia	Hân	Nữ	24ĐHNA01	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
81	2431310083	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	24ĐHQT02	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
82	2431720051	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	24ĐHNA01	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
83	2431310089	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT02	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
84	2431720055	Nguyễn Nhật Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
85	2431310100	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	24ĐHQT02	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
86	2431310104	Lê Nguyễn Hiếu	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
87	2431310110	Đinh Thiện	Tâm	Nữ	24ĐHQT02	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
88	2431310125	Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	24ĐHQT02	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
89	2431730091	Nguyễn Nhật	Vy	Nữ	24ĐHDLKN	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
90	2431730137	Ngô Thị Cẩm	Tú	Nữ	24ĐHDLH2	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
91	2431310236	Hồ Cẩm	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
92	2431720257	Lê Ngọc Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNA05	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
93	2431720261	Nguyễn Xuân Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
94	2431720269	Phạm Khánh	Trân	Nữ	24ĐHNA05	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
95	2431720287	Võ Hoàng Nam	Phuong	Nữ	24ĐHNA05	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
96	2431720295	Huỳnh Minh	Tiến	Nam	24ĐHNA05	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
97	2431720373	Bùi Minh	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
98	2431720375	Võ Thị Mỹ	Dung	Nữ	24ĐHNA07	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
99	2433530122	Phạm Hữu	Thịnh	Nam	24ĐHTĐ03	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
100	2431730417	Lương Bảo	Thư	Nữ	24ĐHDLH2	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
101	2431310079	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHQT02	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
102	2431310103	Huỳnh Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHQT02	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
103	2431720136	Lương Kim Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA03	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
104	2431720349	Đậu Thị Thanh	Thúy	Nữ	24ĐHNA06	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
105	2433530100	Khổng Trần Thiên	Son	Nam	24ĐHTĐ03	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
106	2331720257	Nguyễn Phạm Uyên	Thy	Nữ	23ĐHNAHK2	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
107	2431310128	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT09	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
108	2431310419	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	24ĐHQT07	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
109	2433530027	Phan Đăng	Dũng	Nam	24ĐHTĐ01	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
110	2431720365	Cao Nguyễn Gia	Khang	Nam	24ĐHNA07	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
111	2433550037	Trần Thanh	Tuấn	Nam	24ĐHXDC1	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
112	2433550044	Huỳnh Tấn	Lợi	Nam	24ĐHXDC1	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
113	2433550046	Phạm Hữu Hải	Đăng	Nam	24ĐHXDC1	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
114	2433550056	Đoàn Anh Thư	Kỳ	Nữ	24ĐHXDC1	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
115	2433550097	Dương Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHXDC1	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
116	2433550117	Phan Hải	Yến	Nữ	24ĐHXDC1	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
117	2433550120	Võ Gia	Khiêm	Nam	24ĐHXDC1	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng
118	2431310031	Nguyễn Kiều Mai	Trâm	Nữ	24ĐHQT01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng
119	2433520026	Nguyễn Mai	Hiền	Nữ	24ĐHKT01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng
120	2431310453	Vũ Đức	Thiện	Nam	24ĐHQT08	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng
121	2431730346	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	24ĐHDLH3	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng
122	2431730351	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	24ĐHDLKN	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng
123	2431320218	Nguyễn Thị Phước	Lộc	Nữ	24ĐHNL04	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng
124	2431310020	Ngô Ngọc Thanh	Vi	Nữ	24ĐHQT01	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
125	2431310026	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
126	2431310027	Dương Cát Tường	Vy	Nữ	24ĐHQT01	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
127	2431730039	Nguyễn Bình	An	Nam	24ĐHDLKN	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
128	2431310053	Phan Thị Thảo	Vy	Nữ	24ĐHQT01	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
129	2431310054	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHQTT01	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
130	2431310055	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	24ĐHQTT01	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
131	2431310062	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQTT01	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
132	2431310063	Lê Nguyễn Thanh	Thương	Nữ	24ĐHQTT01	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
133	2431310065	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQTT01	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
134	2431310151	Mai Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQTT03	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
135	2431730104	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	Nữ	24ĐHDLC2	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
136	2431730163	Phạm Lê Minh	Thùy	Nữ	24ĐHDLC2	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
137	2433520090	Võ Trung	Văn	Nam	24ĐHKT02	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng
138	2152210093	Lý Thị Kim	Hằng	Nữ	21ĐHNAHK	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
139	2431310139	Đoàn Phương	Ngân	Nữ	24ĐHQTT03	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
140	2431310163	Phạm Gia	Phước	Nam	24ĐHQTT03	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
141	2431730138	Hà Thị	Thương	Nữ	24ĐHDLLH2	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
142	2431310247	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	24ĐHQTT04	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
143	2431720193	Trần Ngọc Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA04	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
144	2431720200	Nguyễn Diệu	Thanh	Nữ	24ĐHNA04	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
145	2431720205	Trần Phương	Anh	Nữ	24ĐHNA04	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
146	2431720208	Lê Bảo	Nghi	Nữ	24ĐHNA04	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
147	2431720238	Phạm Thanh	Hà	Nữ	24ĐHNA04	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
148	2431730385	Nguyễn Thị Yến	Vy	Nữ	24ĐHDLLH2	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
149	2431730404	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLLH3	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
150	2431720555	Mai Ngọc Bảo	Châu	Nữ	24ĐHNA04	010100000112	Tổng quan về Hàng không dân dụng
151	2331720093	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	23ĐHNAHK1	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
152	2431310068	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQTT09	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
153	2431310094	Trần Phước	Hiệp	Nam	24ĐHQTT02	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
154	2431310106	Lê	Quỳnh	Nữ	24ĐHQTT02	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
155	2431310111	Trịnh Quốc	Huy	Nam	24ĐHQTT02	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
156	2431310155	Nguyễn Võ Mỹ	An	Nữ	24ĐHQTT03	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
157	2431310195	Phan Nguyễn Minh	Anh	Nữ	24ĐHQTT09	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
158	2431310207	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQTT04	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
159	2431310209	Lê Phước	Nguyên	Nam	24ĐHQTT04	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
160	2431310416	Phạm Đỗ Khánh	Ngân	Nữ	24ĐHQTT07	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
161	2431310425	Tăng Phước	Thịnh	Nam	24ĐHQTT07	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
162	2431310433	Trần Hoàng Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQTT07	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
163	2431310441	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHQQT09	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
164	2431720188	Nguyễn Lê Lan	Anh	Nữ	24ĐHNA04	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
165	2431310555	Lê Ngọc Mỹ	Hương	Nữ	24ĐHQQT09	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
166	2431310568	Nguyễn Trần Châu	Anh	Nữ	24ĐHQQT01	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng
167	2431310036	Trần Văn	Duy	Nam	24ĐHQQT01	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
168	2431310070	Lê Thị Trúc	Phương	Nữ	24ĐHQQT02	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
169	2431310150	Tạ Bích	Hồng	Nữ	24ĐHQQT03	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
170	2431730094	Lương Phi	Trường	Nam	24ĐHDDLH1	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
171	2431310166	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	Nữ	24ĐHQQT03	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
172	2431720134	Châu Huệ	Trần	Nữ	24ĐHNA03	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
173	2431310413	Phan Đoàn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHQQT07	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
174	2431730234	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	24ĐHDLC3	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
175	2431730240	Hà Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC3	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
176	2431730254	Nguyễn Trương Phương	Nghi	Nữ	24ĐHDLC3	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
177	2431730255	Trần Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLC3	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
178	2431730267	Nguyễn Huỳnh Tú	My	Nữ	24ĐHDLC3	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
179	2431730275	Ngô Thị Tuyết	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
180	2431730279	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
181	2431720258	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	24ĐHNA05	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
182	2431320122	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
183	2431720264	Nguyễn Thành	Long	Nam	24ĐHNA05	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
184	2431720267	Nguyễn Phan Thảo	Linh	Nữ	24ĐHNA05	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
185	2431720268	Dương Phước	Sang	Nam	24ĐHNA05	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
186	2431720271	Đỗ Võ Tường	Vi	Nữ	24ĐHNA05	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
187	2431720282	Bùi Trần Nhật	Minh	Nam	24ĐHNA05	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
188	2431720364	Bùi Hương	Giang	Nữ	24ĐHNA07	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng
189	2431720036	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
190	2431720039	Phan Hoài Diễm	Phúc	Nữ	24ĐHNA01	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
191	2431720045	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	Nữ	24ĐHNA01	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
192	2431720094	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	24ĐHNA02	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
193	2431720122	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
194	2431310423	Trương Tấn	Phong	Nam	24ĐHQQT07	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
195	2431730309	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24ĐHDLC4	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
196	2431320123	Nguyễn Yến	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
197	2431720293	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
198	2431720301	Ngô Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
199	2433530117	Vũ Sỹ	Thành	Nam	24ĐHTĐ03	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
200	2433530132	Nguyễn Đỗ Thái	An	Nam	24ĐHTĐ03	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng
201	2431310073	Trương Nguyễn Nhật	Phong	Nam	24ĐHQT02	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
202	2431720072	Phan Trần Ngọc	Trần	Nữ	24ĐHNA02	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
203	2431310187	Hà Thị Thanh	Tâm	Nữ	24ĐHQT03	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
204	2431720097	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24ĐHNA02	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
205	2431720108	Võ Nguyễn Ngọc	Thương	Nữ	24ĐHNA02	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
206	2431720111	Nguyễn Ngọc Thái	Như	Nữ	24ĐHNA02	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
207	2431720115	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	Nữ	24ĐHNA02	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
208	2431720116	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	24ĐHNA02	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
209	2431720119	Quách Trần Hoàng	Vy	Nữ	24ĐHNA02	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
210	2431310412	Phạm Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT07	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
211	2431320141	Lưu Hoàng	Vũ	Nam	24ĐHNL03	010100000117	Tổng quan về Hàng không dân dụng
212	2431720390	Từ Gia	Hào	Nam	24ĐHNA07	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng
213	2431720419	Trịnh Đoàn Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng
214	2433550061	Nguyễn Minh	Quân	Nam	24ĐHXDC1	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng
215	2433530111	Trần Nguyễn Anh	Minh	Nam	24ĐHTĐ03	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng
216	2331740026	Lê Thị Khả	Ái	Nữ	23ĐHKVKH	010100001301	Pháp luật về hàng không
217	2331740041	Từ Võ Minh	Thư	Nữ	23ĐHKVKH	010100001301	Pháp luật về hàng không
218	2331740046	Lê Thị Ngọc	Diệp	Nữ	23ĐHKVKH	010100001301	Pháp luật về hàng không
219	2331740092	Mai Thị Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100001301	Pháp luật về hàng không
220	2331740167	Nguyễn Trúc	Huỳnh	Nữ	23ĐHKVKH	010100001301	Pháp luật về hàng không
221	2331740234	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	23ĐHKVKH	010100001301	Pháp luật về hàng không
222	2331740247	Phan Thị Huyền	Trần	Nữ	23ĐHKVKH	010100001301	Pháp luật về hàng không
223	2331740248	Trần Anh	Thư	Nữ	23ĐHKVKH	010100001301	Pháp luật về hàng không
224	2331310387	Đào Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100001301	Pháp luật về hàng không
225	2331720188	Nguyễn Hiền	Linh	Nữ	23ĐHNAHK2	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
226	2331720193	Lê Phương	Uyên	Nữ	23ĐHNATM3	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
227	2331720248	Nguyễn Thanh	Phát	Nam	23ĐHNATM3	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
228	2331720260	Trịnh Ngọc Bảo	Trần	Nữ	23ĐHNATM3	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
229	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
230	2331530065	Lại Lê Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHTĐ02	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
231	2331720332	Phạm Hoài Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNADL	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
232	2331720405	Trần Hồng	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
233	2331720436	Võ Mai	Thi	Nữ	23ĐHNAHK1	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
234	2431730137	Ngô Thị Cẩm	Tú	Nữ	24ĐHDLLH2	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
235	2431730138	Hà Thị	Thương	Nữ	24ĐHDLLH2	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
236	2431730310	Lâm Mỹ	Tuyển	Nữ	24ĐHDLLH2	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
237	2431730336	Hoàng Mạnh Minh	Tâm	Nữ	24ĐHDLCL4	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
238	2431730417	Lương Bảo	Thư	Nữ	24ĐHDLLH2	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
239	2253440091	Nguyễn Vinh	Quang	Nam	22ĐHKT01	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
240	2331310033	Phan Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC1	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
241	2331720013	Lê Thị Tuyết	Anh	Nữ	23ĐHNAHK1	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
242	2331310318	Phan Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
243	2331720025	Trần Trung	Đạt	Nam	23ĐHNAHK1	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
244	2331720027	Đặng Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
245	2331510013	Đặng Trọng	Khôi	Nam	23ĐHĐT01	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
246	2331720051	Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	23ĐHNAHK1	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
247	2331720067	Bùi Ái	Thi	Nữ	23ĐHNATM1	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
248	2331720082	Nguyễn Quang	Huy	Nam	23ĐHNATM1	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
249	2331720211	Hoàng Hải	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
250	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM3	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
251	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	Nữ	23ĐHNATM3	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
252	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
253	2331720284	Lê Thị Thảo	Tiên	Nữ	23ĐHNATM4	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
254	2331720292	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	23ĐHNATM3	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
255	2431730229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLCL4	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
256	2431740354	Nguyễn Phú	Hiệp	Nam	24ĐHKVLQ2	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
257	2331310232	Nguyễn Nhật	Thanh	Nữ	23ĐHQTC2	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh
258	2331720024	Lê Đặng Quốc	Bảo	Nam	23ĐHNATM1	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh
259	2331740054	Đỗ Phương	Vy	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh
260	2331720161	Đoàn Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM2	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh
261	2331710092	Lê Cao	Bằng	Nam	23ĐHKL02	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh
262	2331310390	Hồ Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh
263	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
264	2431540101	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	24ĐHTT02	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
265	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
266	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	Nữ	24ĐHTT03	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
267	2431540271	Phan Minh	Trí	Nam	24ĐHTT05	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
268	2431540277	Nguyễn Đàm	Chi	Nam	24ĐHTT05	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
269	2431540245	Giang Gia	Mẫn	Nữ	24ĐHTT05	010100001704	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
270	2331540070	Bùi Doanh	Nghiệp	Nam	23ĐHTT02	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
271	2331540161	Lương Thế	Phong	Nam	23ĐHTT03	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
272	2331540297	Lại Gia	Kiệt	Nam	23ĐHTT05	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
273	2331540306	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	23ĐHTT02	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
274	2431540280	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	24ĐHTT05	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
275	2431540322	Nguyễn Nam	Phương	Nữ	24ĐHTT06	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
276	2431540203	Trần Lê Nam	Giang	Nam	24ĐHTT04	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
277	2431540263	Đỗ Việt	Hoàn	Nam	24ĐHTT05	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
278	2431540270	Phùng Văn	Võ	Nam	24ĐHTT05	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
279	2331310119	Trương Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC1	010100008101	An toàn hàng không
280	2331310136	Nguyễn Thuý	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100008101	An toàn hàng không
281	2331310420	Phan Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTC2	010100008101	An toàn hàng không
282	2331310421	Vương Ngọc	Thảo	Nữ	23ĐHQTC3	010100008101	An toàn hàng không
283	2331310428	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100008101	An toàn hàng không
284	2331310504	Phạm Thị Ánh	Hà	Nữ	23ĐHQTC3	010100008101	An toàn hàng không
285	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100008101	An toàn hàng không
286	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100008101	An toàn hàng không
287	2331310044	Nguyễn Trường Lan	Trình	Nữ	23ĐHQTC1	010100008102	An toàn hàng không
288	2331310349	Phạm Thanh	Hiền	Nữ	23ĐHQTC2	010100008102	An toàn hàng không
289	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	010100008102	An toàn hàng không
290	2331710108	Nguyễn Thế	Quốc	Nam	23ĐHKL02	010100008102	An toàn hàng không
291	2331710135	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	23ĐHKL03	010100008102	An toàn hàng không
292	2331710140	Lê Thị Thu	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	010100008102	An toàn hàng không
293	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHKL03	010100008102	An toàn hàng không
294	2331710148	Bùi Thị Phi	Nhi	Nữ	23ĐHKL03	010100008102	An toàn hàng không
295	2331710149	Đỗ Thái	My	Nữ	23ĐHKL03	010100008102	An toàn hàng không
296	2331710152	Trần Hồng Phúc	An	Nữ	23ĐHKL03	010100008102	An toàn hàng không
297	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100008102	An toàn hàng không
298	2331310571	Nguyễn Phan Minh	Hạnh	Nữ	23ĐHQTC2	010100008102	An toàn hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
299	2331310580	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100008102	An toàn hàng không
300	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100008102	An toàn hàng không
301	2258420020	Lê Quốc Nhật	Nguyên	Nam	22ĐHKL01	010100008103	An toàn hàng không
302	2331310033	Phan Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC1	010100008103	An toàn hàng không
303	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100008103	An toàn hàng không
304	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	Nữ	23ĐHKL01	010100008103	An toàn hàng không
305	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	010100008103	An toàn hàng không
306	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	010100008103	An toàn hàng không
307	2331310519	Mai Phương	Anh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100008103	An toàn hàng không
308	2331310194	Trần Anh	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100008105	An toàn hàng không
309	2331310217	Lê Thị Cẩm	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100008105	An toàn hàng không
310	2331720138	Nguyễn Trần Yến	My	Nữ	23ĐHQTC1	010100008105	An toàn hàng không
311	2331720160	Trần Ngọc Yến	Vy	Nữ	23ĐHQTC1	010100008105	An toàn hàng không
312	2331310366	Phan Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHQTC3	010100008105	An toàn hàng không
313	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100008105	An toàn hàng không
314	2331310373	Nguyễn Hiền	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100008105	An toàn hàng không
315	2331310380	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100008105	An toàn hàng không
316	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100008105	An toàn hàng không
317	2331310384	Trịnh Thu	Ngân	Nữ	23ĐHQTC3	010100008105	An toàn hàng không
318	2331710092	Lê Cao	Bằng	Nam	23ĐHKL02	010100008105	An toàn hàng không
319	2331310390	Hồ Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100008105	An toàn hàng không
320	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100008105	An toàn hàng không
321	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTVT1	010100008105	An toàn hàng không
322	2331310584	Phạm Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTVT1	010100008105	An toàn hàng không
323	2331310033	Phan Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC1	010100008201	Quản trị nhân lực
324	2431310021	Cao Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	24ĐHQT01	010100008201	Quản trị nhân lực
325	2431310032	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100008201	Quản trị nhân lực
326	2431310074	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100008201	Quản trị nhân lực
327	2431310075	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100008201	Quản trị nhân lực
328	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100008201	Quản trị nhân lực
329	2431310108	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT02	010100008201	Quản trị nhân lực
330	2431310110	Đinh Thiện	Tâm	Nữ	24ĐHQT02	010100008201	Quản trị nhân lực
331	2431310155	Nguyễn Võ Mỹ	An	Nữ	24ĐHQT03	010100008201	Quản trị nhân lực
332	2431310187	Hà Thị Thanh	Tâm	Nữ	24ĐHQT03	010100008201	Quản trị nhân lực

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
333	2431310239	Quách Thị Xuân	Đào	Nữ	24ĐHQTT04	010100008201	Quản trị nhân lực
334	2431310310	Trần Hoài Như	Ý	Nữ	24ĐHQTT05	010100008201	Quản trị nhân lực
335	2431310567	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	24ĐHQTT01	010100008201	Quản trị nhân lực
336	2331310360	Ngô Hoàng Kiều	Oanh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100008202	Quản trị nhân lực
337	2331310383	Tạ Phương	Lan	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100008202	Quản trị nhân lực
338	2331310387	Đào Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100008202	Quản trị nhân lực
339	2331310399	Tô Hồng	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100008202	Quản trị nhân lực
340	2431310020	Ngô Ngọc Thanh	Vi	Nữ	24ĐHQTT01	010100008202	Quản trị nhân lực
341	2431310027	Dương Cát Tường	Vy	Nữ	24ĐHQTT01	010100008202	Quản trị nhân lực
342	2431310031	Nguyễn Kiều Mai	Trâm	Nữ	24ĐHQTT01	010100008202	Quản trị nhân lực
343	2431310033	Diệp Phương	Nghi	Nữ	24ĐHQTT01	010100008202	Quản trị nhân lực
344	2431310034	Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	24ĐHQTT01	010100008202	Quản trị nhân lực
345	2431310055	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	24ĐHQTT01	010100008202	Quản trị nhân lực
346	2431320148	Huỳnh Khả	Vy	Nữ	24ĐHNLT03	010100008202	Quản trị nhân lực
347	2431310568	Nguyễn Trần Châu	Anh	Nữ	24ĐHQTT01	010100008202	Quản trị nhân lực
348	2331310050	Trần Ngọc Yến	My	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100008203	Quản trị nhân lực
349	2431310045	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQTT01	010100008203	Quản trị nhân lực
350	2431310053	Phan Thị Thảo	Vy	Nữ	24ĐHQTT01	010100008203	Quản trị nhân lực
351	2431310079	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHQTT02	010100008203	Quản trị nhân lực
352	2431310103	Huỳnh Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHQTT02	010100008203	Quản trị nhân lực
353	2431310139	Đoàn Phương	Ngân	Nữ	24ĐHQTT03	010100008203	Quản trị nhân lực
354	2431310163	Phạm Gia	Phước	Nam	24ĐHQTT03	010100008203	Quản trị nhân lực
355	2431310247	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	24ĐHQTT04	010100008203	Quản trị nhân lực
356	2431310054	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHQTT01	010100008204	Quản trị nhân lực
357	2431310062	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQTT01	010100008204	Quản trị nhân lực
358	2431310063	Lê Nguyễn Thanh	Thương	Nữ	24ĐHQTT01	010100008204	Quản trị nhân lực
359	2431310065	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQTT01	010100008204	Quản trị nhân lực
360	2431310166	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	Nữ	24ĐHQTT03	010100008204	Quản trị nhân lực
361	2431310315	Võ Ngọc Hải	Yến	Nữ	24ĐHQTT09	010100008204	Quản trị nhân lực
362	2431320061	Nguyễn Vân	Dung	Nữ	24ĐHNLT02	010100008204	Quản trị nhân lực
363	2431310403	Văn Thị Mỹ	Quyên	Nữ	24ĐHQTT07	010100008204	Quản trị nhân lực
364	2431310429	Khổng Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQTT07	010100008204	Quản trị nhân lực
365	2431310440	Tô Hoàng Triệu	Vy	Nữ	24ĐHQTT09	010100008204	Quản trị nhân lực
366	2431310441	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHQTT09	010100008204	Quản trị nhân lực

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
367	2431320116	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHNL02	010100008204	Quản trị nhân lực
368	2431310006	Hà Trần Minh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100008205	Quản trị nhân lực
369	2431310007	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHQT01	010100008205	Quản trị nhân lực
370	2431310011	Lê Thị Hồng	Hảo	Nữ	24ĐHQT01	010100008205	Quản trị nhân lực
371	2431310229	Trần Phương	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100008205	Quản trị nhân lực
372	2431320154	Đỗ Nguyễn Thu	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100008205	Quản trị nhân lực
373	2331310419	Mai Thị Kim	Mỹ	Nữ	23ĐHQTQK2	010100008206	Quản trị nhân lực
374	2331310488	Võ Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTQK2	010100008206	Quản trị nhân lực
375	2431310068	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT09	010100008206	Quản trị nhân lực
376	2431310094	Trần Phước	Hiệp	Nam	24ĐHQT02	010100008206	Quản trị nhân lực
377	2431310195	Phan Nguyễn Minh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100008206	Quản trị nhân lực
378	2431310230	Đoàn Thị Thu	Uyên	Nữ	24ĐHQT04	010100008206	Quản trị nhân lực
379	2431310238	Vương Minh	Hoàng	Nam	24ĐHQT04	010100008206	Quản trị nhân lực
380	2431310405	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100008206	Quản trị nhân lực
381	2431310407	Phạm Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT07	010100008206	Quản trị nhân lực
382	2431310423	Trương Tấn	Phong	Nam	24ĐHQT07	010100008206	Quản trị nhân lực
383	2431310428	Lê Nguyễn Hoàng Quỳnh	Ni	Nữ	24ĐHQT07	010100008206	Quản trị nhân lực
384	2431310432	Nguyễn Khánh	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100008206	Quản trị nhân lực
385	2431320079	Phan Thanh	Phát	Nam	24ĐHNL02	010100008206	Quản trị nhân lực
386	2431310555	Lê Ngọc Mỹ	Hương	Nữ	24ĐHQT09	010100008206	Quản trị nhân lực
387	2431310012	Trương Thiện	Tài	Nam	24ĐHQT01	010100008207	Quản trị nhân lực
388	2431310036	Trần Văn	Duy	Nam	24ĐHQT01	010100008207	Quản trị nhân lực
389	2431310081	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	010100008207	Quản trị nhân lực
390	2431310109	Phan Minh	Hòa	Nữ	24ĐHQT02	010100008207	Quản trị nhân lực
391	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	010100008207	Quản trị nhân lực
392	2431310314	Biện Gia	Huy	Nam	24ĐHQT09	010100008207	Quản trị nhân lực
393	2431310317	Ngô Thị Thanh	Kiều	Nữ	24ĐHQT09	010100008207	Quản trị nhân lực
394	2431310439	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT09	010100008207	Quản trị nhân lực
395	2431320085	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100008207	Quản trị nhân lực
396	2431310073	Trương Nguyễn Nhật	Phong	Nam	24ĐHQT02	010100008208	Quản trị nhân lực
397	2431310080	Trần Khánh	Trình	Nam	24ĐHQT02	010100008208	Quản trị nhân lực
398	2431310111	Trịnh Quốc	Huy	Nam	24ĐHQT02	010100008208	Quản trị nhân lực
399	2431310194	Phan Thị Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100008208	Quản trị nhân lực
400	2431310245	Phạm Thành	Dương	Nam	24ĐHQT04	010100008208	Quản trị nhân lực

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
401	2431310320	Vũ Thúy	Hằng	Nữ	24ĐHQT06	010100008208	Quản trị nhân lực
402	2431310322	Nguyễn Ánh	Tuyết	Nữ	24ĐHQT06	010100008208	Quản trị nhân lực
403	2431310416	Phạm Đỗ Khánh	Ngân	Nữ	24ĐHQT07	010100008208	Quản trị nhân lực
404	2431310453	Vũ Đức	Thiện	Nam	24ĐHQT08	010100008208	Quản trị nhân lực
405	2431310542	Trịnh Ý	Nhi	Nữ	24ĐHQT09	010100008208	Quản trị nhân lực
406	2431310547	Ngô Như	Ý	Nữ	24ĐHQT09	010100008208	Quản trị nhân lực
407	2431310128	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT09	010100008209	Quản trị nhân lực
408	2431310234	Nguyễn Hoàng Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQT04	010100008209	Quản trị nhân lực
409	2431310419	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	24ĐHQT07	010100008209	Quản trị nhân lực
410	2431310433	Trần Hoàng Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT07	010100008209	Quản trị nhân lực
411	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100008701	Toán chuyên đề
412	2433510008	Phạm Đặng Ngọc	Hiền	Nam	24ĐHĐT01	010100008702	Toán chuyên đề
413	2433510011	Nguyễn Trần Thiên	Vũ	Nam	24ĐHĐT01	010100008702	Toán chuyên đề
414	2433510012	Đào Nguyễn Khoa	Đăng	Nam	24ĐHĐT01	010100008702	Toán chuyên đề
415	2433510023	Vũ Phong	Thái	Nam	24ĐHĐT01	010100008702	Toán chuyên đề
416	2433510045	Đỗ Việt	Tuấn	Nam	24ĐHĐT01	010100008702	Toán chuyên đề
417	2431540203	Trần Lê Nam	Giang	Nam	24ĐHTT04	010100008702	Toán chuyên đề
418	2431540101	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	24ĐHTT02	010100008703	Toán chuyên đề
419	2431540322	Nguyễn Nam	Phương	Nữ	24ĐHTT06	010100008703	Toán chuyên đề
420	2431540280	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	24ĐHTT05	010100008704	Toán chuyên đề
421	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	Nữ	24ĐHTT03	010100008705	Toán chuyên đề
422	2431540245	Giang Gia	Mẫn	Nữ	24ĐHTT05	010100008705	Toán chuyên đề
423	2431540263	Đỗ Việt	Hoàn	Nam	24ĐHTT05	010100008705	Toán chuyên đề
424	2431540271	Phan Minh	Trí	Nam	24ĐHTT05	010100008705	Toán chuyên đề
425	2431540277	Nguyễn Đàm	Chi	Nam	24ĐHTT05	010100008705	Toán chuyên đề
426	2331510004	Lã Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHĐT01	010100008706	Toán chuyên đề
427	2331510048	Nguyễn Chí	Bảo	Nam	23ĐHĐT01	010100008706	Toán chuyên đề
428	2431540270	Phùng Văn	Võ	Nam	24ĐHTT05	010100008706	Toán chuyên đề
429	2331310179	Trần Phạm Thanh	Vy	Nữ	23ĐHQTC2	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh
430	2331310219	Bùi Dương Tố	Như	Nữ	23ĐHQTC2	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh
431	2331740247	Phan Thị Huyền	Trân	Nữ	23ĐHKVKH	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh
432	2331310534	Dương Phạm Tường	Anh	Nữ	23ĐHQTC2	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh
433	2331310044	Nguyễn Trường Lan	Trinh	Nữ	23ĐHQTC1	010100011702	Phân tích hoạt động kinh doanh
434	2331310128	Nguyễn Thị Thuý	Dương	Nữ	23ĐHQTC1	010100011702	Phân tích hoạt động kinh doanh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
435	2331310315	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQGTAN	010100011702	Phân tích hoạt động kinh doanh
436	2331310432	Phạm Thị Minh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100011702	Phân tích hoạt động kinh doanh
437	2331310439	Trần Thanh	Thanh	Nữ	23ĐHQTC3	010100011702	Phân tích hoạt động kinh doanh
438	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100011702	Phân tích hoạt động kinh doanh
439	2431740326	Lê Hà Minh	Vy	Nữ	24ĐHKVC2	010100011702	Phân tích hoạt động kinh doanh
440	2250000121	Nguyễn Thùy	Vy	Nữ	22ĐHKVLQ2	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh
441	2250000124	Cao Thục	Uyên	Nữ	22ĐHKVLĐ	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh
442	2250000145	Phan Thị Minh	Thư	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh
443	2331310033	Phan Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC1	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh
444	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh
445	2331310443	Nguyễn Minh Chí	Hào	Nam	23ĐHQTTTH2	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh
446	2331310519	Mai Phương	Anh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh
447	2331710007	Nguyễn Lê Ngọc	Phụng	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh
448	2331310199	Võ Ngọc Phương	Uyên	Nữ	23ĐHQTC2	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh
449	2331310320	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh
450	2331310366	Phan Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHQTC3	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh
451	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh
452	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh
453	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh
454	2331310429	Nguyễn Hà An	Thái	Nam	23ĐHQTTTH2	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh
455	2331310037	Nguyễn Thị Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh
456	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh
457	2231310368	Võ Thị Bích	Ngọc	Nữ	22ĐHQTTTH	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh
458	2331310018	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23ĐHQTVT1	010100011707	Phân tích hoạt động kinh doanh
459	2331310119	Trương Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC1	010100011707	Phân tích hoạt động kinh doanh
460	2331310136	Nguyễn Thuý	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100011707	Phân tích hoạt động kinh doanh
461	2331310140	Phan Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011707	Phân tích hoạt động kinh doanh
462	2331310147	Phan Thị Mỹ	Kim	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011707	Phân tích hoạt động kinh doanh
463	2331310349	Phạm Thanh	Hiền	Nữ	23ĐHQTC2	010100011707	Phân tích hoạt động kinh doanh
464	2331310360	Ngô Hoàng Kiều	Oanh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011707	Phân tích hoạt động kinh doanh
465	2331310383	Tạ Phương	Lan	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011707	Phân tích hoạt động kinh doanh
466	2331310384	Trịnh Thu	Ngân	Nữ	23ĐHQTC3	010100011707	Phân tích hoạt động kinh doanh
467	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100011708	Phân tích hoạt động kinh doanh
468	2331310369	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011708	Phân tích hoạt động kinh doanh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
469	2331310420	Phan Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTC2	010100011708	Phân tích hoạt động kinh doanh
470	2331310421	Vương Ngọc	Thảo	Nữ	23ĐHQTC3	010100011708	Phân tích hoạt động kinh doanh
471	2331310428	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100011708	Phân tích hoạt động kinh doanh
472	2331310455	Nguyễn Dương Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100011708	Phân tích hoạt động kinh doanh
473	2331310580	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100011708	Phân tích hoạt động kinh doanh
474	2331310050	Trần Ngọc Yến	My	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
475	2331310056	Lê Thị Ngọc	Diễm	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
476	2331310306	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
477	2331310317	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
478	2331310318	Phan Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
479	2331310329	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
480	2331310399	Tô Hồng	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
481	2331310419	Mai Thị Kim	Mỹ	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
482	2331310488	Võ Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
483	2331310571	Nguyễn Phan Minh	Hạnh	Nữ	23ĐHQTC2	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
484	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100011709	Phân tích hoạt động kinh doanh
485	2331310194	Trần Anh	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
486	2331310217	Lê Thị Cẩm	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
487	2331720138	Nguyễn Trần Yến	My	Nữ	23ĐHQTC1	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
488	2331720160	Trần Ngọc Yến	Vy	Nữ	23ĐHQTC1	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
489	2331310373	Nguyễn Hiền	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
490	2331310378	Mai Thị	Huong	Nữ	23ĐHQTC3	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
491	2331310380	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
492	2331310385	Nguyễn Ngọc Phú	Linh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
493	2331310390	Hồ Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
494	2331310434	Đào Thị Thuỳ	Linh	Nữ	23ĐHQTC2	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
495	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTVT1	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
496	2331310584	Phạm Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTVT1	010100011710	Phân tích hoạt động kinh doanh
497	2331310033	Phan Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC1	010100011901	Quản trị Marketing
498	2331310232	Nguyễn Nhật	Thanh	Nữ	23ĐHQTC2	010100011901	Quản trị Marketing
499	2431330002	Phạm Ngọc Trúc	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
500	2431330003	Đinh Ngô Khánh	Linh	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
501	2431330007	Lê Thị Mỹ	Phụng	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
502	2431330008	Lê Nhật	Tiên	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
503	2431330009	Trương Quang	Huy	Nam	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
504	2431330010	Huỳnh Ngọc Khánh	Như	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
505	2431330017	Trương Thị Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
506	2431330019	Trần Ngọc Phương	Trình	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
507	2431330022	Nguyễn Ngọc An	Tâm	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
508	2431330023	Nguyễn Hoàng Tinh	Thuận	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
509	2431330025	Phạm Thiên	Phúc	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
510	2431330026	Trần Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
511	2431330027	Thân Tùng	Lâm	Nam	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
512	2431330030	Võ Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
513	2431330032	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
514	2431330036	Trần Thị Hiền	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
515	2431330037	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
516	2431330039	Thái Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
517	2431330042	Lâm Tân	Lợi	Nam	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
518	2431330043	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
519	2431330044	Phạm Thúy	An	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
520	2431330046	Nguyễn La Hân	Hân	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
521	2431330049	Huỳnh Như	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
522	2431330054	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
523	2431330057	Nguyễn Chi	Lan	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
524	2431330070	Nguyễn Bảo Gia	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
525	2431330071	Đặng Ngọc Kim	Thanh	Nữ	24ĐHKQ01	010100011901	Quản trị Marketing
526	2331310119	Trương Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC1	010100012101	Quản trị rủi ro
527	2331310136	Nguyễn Thuý	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100012101	Quản trị rủi ro
528	2331310140	Phan Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100012101	Quản trị rủi ro
529	2331310419	Mai Thị Kim	Mỹ	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100012101	Quản trị rủi ro
530	2331310472	Thạch Thị Kim	Xuyến	Nữ	23ĐHQTC3	010100012101	Quản trị rủi ro
531	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100012101	Quản trị rủi ro
532	2331310488	Võ Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100012101	Quản trị rủi ro
533	2331310504	Phạm Thị Ánh	Hà	Nữ	23ĐHQTC3	010100012101	Quản trị rủi ro
534	2331310519	Mai Phương	Anh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100012101	Quản trị rủi ro
535	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTVT1	010100012101	Quản trị rủi ro
536	2331310037	Nguyễn Thị Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100012102	Quản trị rủi ro

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
537	2331310420	Phan Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTC2	010100012102	Quản trị rủi ro
538	2331310421	Vương Ngọc	Thảo	Nữ	23ĐHQTC3	010100012102	Quản trị rủi ro
539	2331310428	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100012102	Quản trị rủi ro
540	2331310429	Nguyễn Hà An	Thái	Nam	23ĐHQTTTH2	010100012102	Quản trị rủi ro
541	2331310432	Phạm Thị Minh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100012102	Quản trị rủi ro
542	2331310439	Trần Thanh	Thanh	Nữ	23ĐHQTC3	010100012102	Quản trị rủi ro
543	2331310455	Nguyễn Dương Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100012102	Quản trị rủi ro
544	2331310018	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23ĐHQTVT1	010100012103	Quản trị rủi ro
545	2331310050	Trần Ngọc Yến	My	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100012103	Quản trị rủi ro
546	2331310385	Nguyễn Ngọc Phú	Linh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100012103	Quản trị rủi ro
547	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100012103	Quản trị rủi ro
548	2331310128	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	Nữ	23ĐHQTC1	010100012104	Quản trị rủi ro
549	2331310199	Võ Ngọc Phương	Uyên	Nữ	23ĐHQTC2	010100012104	Quản trị rủi ro
550	2331310317	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100012104	Quản trị rủi ro
551	2331310318	Phan Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100012104	Quản trị rủi ro
552	2331310329	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100012104	Quản trị rủi ro
553	2331310378	Mai Thị	Hương	Nữ	23ĐHQTC3	010100012104	Quản trị rủi ro
554	2331310044	Nguyễn Trường Lan	Trinh	Nữ	23ĐHQTC1	010100012105	Quản trị rủi ro
555	2331310194	Trần Anh	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100012105	Quản trị rủi ro
556	2331310306	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100012105	Quản trị rủi ro
557	2331310349	Phạm Thanh	Hiền	Nữ	23ĐHQTC2	010100012105	Quản trị rủi ro
558	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100012105	Quản trị rủi ro
559	2331310373	Nguyễn Hiền	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100012105	Quản trị rủi ro
560	2331310380	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100012105	Quản trị rủi ro
561	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100012105	Quản trị rủi ro
562	2331310384	Trịnh Thu	Ngân	Nữ	23ĐHQTC3	010100012105	Quản trị rủi ro
563	2331310390	Hồ Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100012105	Quản trị rủi ro
564	2331310179	Trần Phạm Thanh	Vy	Nữ	23ĐHQTC2	010100012106	Quản trị rủi ro
565	2331310219	Bùi Dương Tổ	Như	Nữ	23ĐHQTC2	010100012106	Quản trị rủi ro
566	2331310232	Nguyễn Nhật	Thanh	Nữ	23ĐHQTC2	010100012106	Quản trị rủi ro
567	2331310320	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100012106	Quản trị rủi ro
568	2331310360	Ngô Hoàng Kiều	Oanh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100012106	Quản trị rủi ro
569	2331310366	Phan Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHQTC3	010100012106	Quản trị rủi ro
570	2331310369	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100012106	Quản trị rủi ro

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
571	2331310383	Tạ Phương	Lan	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100012106	Quản trị rủi ro
572	2331310387	Đào Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100012106	Quản trị rủi ro
573	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100012106	Quản trị rủi ro
574	2331310399	Tô Hồng	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100012106	Quản trị rủi ro
575	2331310434	Đào Thị Thuý	Linh	Nữ	23ĐHQTC2	010100012106	Quản trị rủi ro
576	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100012106	Quản trị rủi ro
577	2331310534	Dương Phạm Tường	Anh	Nữ	23ĐHQTC2	010100012106	Quản trị rủi ro
578	2331310584	Phạm Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTVT1	010100012106	Quản trị rủi ro
579	2331310056	Lê Thị Ngọc	Diễm	Nữ	23ĐHQTTH1	010100012108	Quản trị rủi ro
580	2331310147	Phan Thị Mỹ	Kim	Nữ	23ĐHQTTH1	010100012108	Quản trị rủi ro
581	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100012108	Quản trị rủi ro
582	2331720138	Nguyễn Trần Yến	My	Nữ	23ĐHQTC1	010100012108	Quản trị rủi ro
583	2331720160	Trần Ngọc Yến	Vy	Nữ	23ĐHQTC1	010100012108	Quản trị rủi ro
584	2331310546	Nguyễn Thị Tú	Viên	Nữ	23ĐHQTVT2	010100012108	Quản trị rủi ro
585	2331310443	Nguyễn Minh Chí	Hào	Nam	23ĐHQTTH2	010100012109	Quản trị rủi ro
586	2331310179	Trần Phạm Thanh	Vy	Nữ	23ĐHQTC2	010100013701	Khai thác thương mại tàu bay
587	2331310219	Bùi Dương Tổ	Như	Nữ	23ĐHQTC2	010100013701	Khai thác thương mại tàu bay
588	2331310232	Nguyễn Nhật	Thanh	Nữ	23ĐHQTC2	010100013701	Khai thác thương mại tàu bay
589	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100013701	Khai thác thương mại tàu bay
590	2331310519	Mai Phương	Anh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100013701	Khai thác thương mại tàu bay
591	2331310534	Dương Phạm Tường	Anh	Nữ	23ĐHQTC2	010100013701	Khai thác thương mại tàu bay
592	2331310546	Nguyễn Thị Tú	Viên	Nữ	23ĐHQTVT2	010100013702	Khai thác thương mại tàu bay
593	2331730014	Phạm Thị Kim	Thi	Nữ	23ĐHDL01	010100017101	Quản trị tài chính
594	2331730018	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	23ĐHDL01	010100017101	Quản trị tài chính
595	2331730033	Chiêm Nguyễn Minh	Thư	Nữ	23ĐHDL01	010100017101	Quản trị tài chính
596	2331730037	Lê Ngọc Như	Ý	Nữ	23ĐHDL01	010100017101	Quản trị tài chính
597	2331740092	Mai Thị Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100017101	Quản trị tài chính
598	2431330019	Trần Ngọc Phương	Trinh	Nữ	24ĐHKQ01	010100017101	Quản trị tài chính
599	2431330032	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKQ01	010100017101	Quản trị tài chính
600	2431330036	Trần Thị Hiền	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100017101	Quản trị tài chính
601	2431330039	Thái Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKQ01	010100017101	Quản trị tài chính
602	2431330043	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHKQ01	010100017101	Quản trị tài chính
603	2431740354	Nguyễn Phú	Hiệp	Nam	24ĐHKVLQ2	010100017101	Quản trị tài chính
604	2331320001	Hồ Ngọc Thuy	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100017102	Quản trị tài chính

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
605	2331740065	Phan Thị Cẩm	Thi	Nữ	23ĐHKVLQ1	010100017102	Quản trị tài chính
606	2331740108	Trần Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKVLQ2	010100017102	Quản trị tài chính
607	2431330022	Nguyễn Ngọc An	Tâm	Nữ	24ĐHKQ01	010100017102	Quản trị tài chính
608	2431330028	Phùng Như Bảo	Nghi	Nữ	24ĐHKQ01	010100017102	Quản trị tài chính
609	2431330053	Vũ Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHKQ01	010100017102	Quản trị tài chính
610	2431330002	Phạm Ngọc Trúc	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
611	2431330003	Đinh Ngô Khánh	Linh	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
612	2431330007	Lê Thị Mỹ	Phụng	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
613	2431330008	Lê Nhật	Tiên	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
614	2431330009	Trương Quang	Huy	Nam	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
615	2431330010	Huỳnh Ngọc Khánh	Như	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
616	2431330017	Trương Thị Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
617	2431330023	Nguyễn Hoàng Tinh	Thuận	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
618	2431330025	Phạm Thiên	Phúc	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
619	2431330026	Trần Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
620	2431330027	Thân Tùng	Lâm	Nam	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
621	2431330030	Võ Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
622	2431330037	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
623	2431330042	Lâm Tấn	Lợi	Nam	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
624	2431330044	Phạm Thúy	An	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
625	2431740249	Lương Hồng	Huế	Nữ	24ĐHKVLĐ	010100017103	Quản trị tài chính
626	2431330046	Nguyễn La Hân	Hân	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
627	2431330049	Huỳnh Như	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
628	2431330054	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
629	2431330057	Nguyễn Chi	Lan	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
630	2431330070	Nguyễn Bảo Gia	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
631	2431330071	Đặng Ngọc Kim	Thanh	Nữ	24ĐHKQ01	010100017103	Quản trị tài chính
632	2253410234	Lê Nguyễn Hoàng	Trâm	Nữ	22ĐHQTTTH	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
633	2231310368	Võ Thị Bích	Ngọc	Nữ	22ĐHQTTTH	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
634	2431740043	Cao Trà	My	Nữ	24ĐHKVLQ1	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
635	2431310166	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	Nữ	24ĐHQTT03	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
636	2431310400	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQTT07	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
637	2431320078	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
638	2431740326	Lê Hà Minh	Vy	Nữ	24ĐHKVC2	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
639	2331310136	Nguyễn Thuỳ	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
640	2331310349	Phạm Thanh	Hiền	Nữ	23ĐHQTC2	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
641	2331310384	Trịnh Thu	Ngân	Nữ	23ĐHQTC3	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
642	2331310420	Phan Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTC2	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
643	2331310421	Vương Ngọc	Thảo	Nữ	23ĐHQTC3	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
644	2331310428	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
645	2331310432	Phạm Thị Minh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
646	2331310434	Đào Thị Thuỳ	Linh	Nữ	23ĐHQTC2	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
647	2331310439	Trần Thanh	Thanh	Nữ	23ĐHQTC3	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
648	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
649	2331720138	Nguyễn Trần Yến	My	Nữ	23ĐHQTC1	010100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
650	2331720160	Trần Ngọc Yến	Vy	Nữ	23ĐHQTC1	010100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
651	2331310571	Nguyễn Phan Minh	Hạnh	Nữ	23ĐHQTC2	010100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
652	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
653	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
654	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
655	2331310044	Nguyễn Trường Lan	Trình	Nữ	23ĐHQTC1	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
656	2331310119	Trương Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC1	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
657	2331310128	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	Nữ	23ĐHQTC1	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
658	2331310199	Võ Ngọc Phương	Uyên	Nữ	23ĐHQTC2	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
659	2331310320	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
660	2331310366	Phan Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
661	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
662	2331310373	Nguyễn Hiền	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
663	2331310378	Mai Thị	Hương	Nữ	23ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
664	2331310380	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
665	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
666	2331310390	Hồ Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
667	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
668	2331310504	Phạm Thị Ánh	Hà	Nữ	23ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK
669	2431730003	Nguyễn Phạm Anh	Thư	Nữ	24ĐHD LKN	010100022401	Kinh tế du lịch
670	2431730012	Võ Minh	Hung	Nam	24ĐHD LLH1	010100022401	Kinh tế du lịch
671	2431730034	Lê Hứa Triết	Vỹ	Nam	24ĐHD LLH1	010100022401	Kinh tế du lịch
672	2431730040	Phan Nguyễn Minh	Linh	Nữ	24ĐHD LLH1	010100022401	Kinh tế du lịch

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
673	2431730086	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	24ĐHDLLH1	010100022401	Kinh tế du lịch
674	2431730094	Lương Phi	Trường	Nam	24ĐHDLLH1	010100022401	Kinh tế du lịch
675	2431730137	Ngô Thị Cẩm	Tú	Nữ	24ĐHDLLH2	010100022401	Kinh tế du lịch
676	2431730139	Tây Liên	My	Nữ	24ĐHDLKN	010100022401	Kinh tế du lịch
677	2431730170	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	24ĐHDLLH2	010100022401	Kinh tế du lịch
678	2431730310	Lâm Mỹ	Tuyền	Nữ	24ĐHDLLH2	010100022401	Kinh tế du lịch
679	2431730346	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	24ĐHDLLH3	010100022401	Kinh tế du lịch
680	2431730351	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	24ĐHDLKN	010100022401	Kinh tế du lịch
681	2431730400	Lê Quỳnh Quế	Trâm	Nữ	24ĐHDLKN	010100022401	Kinh tế du lịch
682	2431730417	Lương Bảo	Thư	Nữ	24ĐHDLLH2	010100022401	Kinh tế du lịch
683	2431730007	Trần Lê Băng	Châu	Nữ	24ĐHDLLH1	010100022405	Kinh tế du lịch
684	2431730014	Nguyễn Thục	Hiền	Nữ	24ĐHDLLH1	010100022405	Kinh tế du lịch
685	2431730037	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	24ĐHDLLH1	010100022405	Kinh tế du lịch
686	2431730056	Hồ Quốc	An	Nam	24ĐHDLLH1	010100022405	Kinh tế du lịch
687	2431730064	Hoàng Ngọc Tường	Vy	Nữ	24ĐHDLLH1	010100022405	Kinh tế du lịch
688	2431730069	Hoàng Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHDLLH1	010100022405	Kinh tế du lịch
689	2431730090	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	24ĐHDLCL4	010100022405	Kinh tế du lịch
690	2431730096	Nguyễn Hoàng Trung	Nam	Nam	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
691	2431730104	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	Nữ	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
692	2431730105	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	Nữ	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
693	2431730108	Trần Minh Kim	Loan	Nữ	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
694	2431730109	Nguyễn Quang	Huy	Nam	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
695	2431730112	Nguyễn Phúc Hoàng	Như	Nữ	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
696	2431730116	Ngô Nguyễn Như	Thanh	Nữ	24ĐHDLLH1	010100022405	Kinh tế du lịch
697	2431730119	Lê Bá	Long	Nam	24ĐHDLLH1	010100022405	Kinh tế du lịch
698	2431730131	Ngô Thị Hương	Mơ	Nữ	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
699	2431730147	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
700	2431730149	Phạm Phúc	Thọ	Nam	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
701	2431730159	Tổng Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
702	2431730164	Phạm Tấn	Phát	Nam	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
703	2431730175	Võ Thị Hồng	Thắm	Nữ	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
704	2431730179	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLKN	010100022405	Kinh tế du lịch
705	2431730181	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch
706	2431730186	Đinh Hoàng Bảo	Trân	Nữ	24ĐHDLCL2	010100022405	Kinh tế du lịch

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
707	2431730198	Nguyễn Trần Gia	Bảo	Nữ	24ĐHDLC2	010100022405	Kinh tế du lịch
708	2431730200	Đặng Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDLLH2	010100022405	Kinh tế du lịch
709	2431730229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLC4	010100022405	Kinh tế du lịch
710	2431730325	Trần Hàn Bảo	Ân	Nữ	24ĐHDLLH3	010100022405	Kinh tế du lịch
711	2431730039	Nguyễn Bình	An	Nam	24ĐHDLKN	010100022406	Kinh tế du lịch
712	2431730194	Hồ Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC2	010100022406	Kinh tế du lịch
713	2431730204	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	24ĐHDLLH1	010100022406	Kinh tế du lịch
714	2431730233	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	24ĐHDLC3	010100022406	Kinh tế du lịch
715	2431730240	Hà Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC3	010100022406	Kinh tế du lịch
716	2431730250	Hồ Lê Cẩm	Quyên	Nữ	24ĐHDLC3	010100022406	Kinh tế du lịch
717	2431730279	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100022406	Kinh tế du lịch
718	2431730295	Liên Liễu	Trúc	Nữ	24ĐHDLC3	010100022406	Kinh tế du lịch
719	2431730297	Lưu Minh	Quân	Nam	24ĐHDLC3	010100022406	Kinh tế du lịch
720	2431730302	Nguyễn Hạnh Bảo	Trúc	Nữ	24ĐHDLC4	010100022406	Kinh tế du lịch
721	2431730347	Trần Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLLH3	010100022406	Kinh tế du lịch
722	2431730390	Đỗ Hải	Nguyên	Nam	24ĐHDLLH3	010100022406	Kinh tế du lịch
723	2431730138	Hà Thị	Thương	Nữ	24ĐHDLLH2	010100022407	Kinh tế du lịch
724	2431730177	Nguyễn Vũ Phương	Trình	Nữ	24ĐHDLLH2	010100022407	Kinh tế du lịch
725	2431730227	Nguyễn Mỹ	Phương	Nữ	24ĐHDLC4	010100022407	Kinh tế du lịch
726	2431730230	Lê Đặng Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHDLC4	010100022407	Kinh tế du lịch
727	2431730235	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHDLC3	010100022407	Kinh tế du lịch
728	2431730244	Nguyễn Phạm Quốc	Bảo	Nam	24ĐHDLC3	010100022407	Kinh tế du lịch
729	2431730254	Nguyễn Trương Phương	Nghi	Nữ	24ĐHDLC3	010100022407	Kinh tế du lịch
730	2431730255	Trần Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLC3	010100022407	Kinh tế du lịch
731	2431730258	Nguyễn Trần Nhật	My	Nữ	24ĐHDLC3	010100022407	Kinh tế du lịch
732	2431730264	Đường Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100022407	Kinh tế du lịch
733	2431730267	Nguyễn Huỳnh Tú	My	Nữ	24ĐHDLC3	010100022407	Kinh tế du lịch
734	2431730293	Trần Hoàng Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC3	010100022407	Kinh tế du lịch
735	2431730303	Trang Thảo	Lam	Nữ	24ĐHDLKN	010100022407	Kinh tế du lịch
736	2431730385	Nguyễn Thị Yến	Vy	Nữ	24ĐHDLLH2	010100022407	Kinh tế du lịch
737	2431730404	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLLH3	010100022407	Kinh tế du lịch
738	2431730409	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	24ĐHDLC4	010100022407	Kinh tế du lịch
739	2431730410	Trần Lê	Vy	Nữ	24ĐHDLC4	010100022407	Kinh tế du lịch
740	2431730412	Phạm Thị	Lan	Nữ	24ĐHDLLH3	010100022407	Kinh tế du lịch

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
741	2431730002	Trần Ái	Phụng	Nữ	24ĐHDLH1	010100022408	Kinh tế du lịch
742	2431730091	Nguyễn Nhật	Vy	Nữ	24ĐHDLKN	010100022408	Kinh tế du lịch
743	2431730101	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHDLH2	010100022408	Kinh tế du lịch
744	2431730162	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	24ĐHDLH2	010100022408	Kinh tế du lịch
745	2431730185	Hồng	Quân	Nam	24ĐHDLH2	010100022408	Kinh tế du lịch
746	2431730316	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHDLH3	010100022408	Kinh tế du lịch
747	2431730319	Trần Mai Trâm	Anh	Nữ	24ĐHDLH3	010100022408	Kinh tế du lịch
748	2431730340	Nguyễn Quỳnh Phương	An	Nữ	24ĐHDLH3	010100022408	Kinh tế du lịch
749	2431730343	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLKN	010100022408	Kinh tế du lịch
750	2431730353	Nguyễn Hoàng Ánh	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLKN	010100022408	Kinh tế du lịch
751	2431730354	Tạ Mỹ	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLH3	010100022408	Kinh tế du lịch
752	2431730382	Tô Hữu	Thành	Nam	24ĐHDLKN	010100022408	Kinh tế du lịch
753	2431730418	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHDLKN	010100022408	Kinh tế du lịch
754	2331510004	Lã Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHĐT01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
755	2331720195	Lê Thị Mai	Linh	Nữ	23ĐHNATM2	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
756	2331510048	Nguyễn Chí	Bảo	Nam	23ĐHĐT01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
757	2331510064	Phạm Bảo	Đăng	Nam	23ĐHĐT01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
758	2331720441	Nguyễn Nhựt	Trường	Nam	23ĐHNATM3	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
759	2431730057	Nguyễn Lê Uyên	My	Nữ	24ĐHDLH1	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
760	2431730064	Hoàng Ngọc Tường	Vy	Nữ	24ĐHDLH1	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
761	2431310079	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHQT02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
762	2431310103	Huỳnh Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHQT02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
763	2431320028	Huỳnh Trọng	An	Nam	24ĐHNL01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
764	2431730107	Trần Tấn	Phước	Nam	24ĐHDLH2	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
765	2433520064	Ngô Tấn	Phát	Nam	24ĐHKT01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
766	2431310236	Hồ Cẩm	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
767	2433520076	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	24ĐHKT02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
768	2431310441	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHQT09	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
769	2433510023	Vũ Phong	Thái	Nam	24ĐHĐT01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
770	2431320089	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
771	2431320098	Lê Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
772	2431320107	Tô Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHNL02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
773	2431320109	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	24ĐHNL02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
774	2431320115	La Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
775	2431730385	Nguyễn Thị Yến	Vy	Nữ	24ĐHDLLH2	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
776	2431730412	Phạm Thị	Lan	Nữ	24ĐHDLLH3	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
777	2431540322	Nguyễn Nam	Phuong	Nữ	24ĐHTT06	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
778	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học
779	2331710094	Tòng Bùi Thành	Long	Nam	23ĐHKL02	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
780	2431310073	Trương Nguyễn Nhật	Phong	Nam	24ĐHQT02	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
781	2433710056	Nguyễn Trần Tuệ	Anh	Nữ	24ĐAKL01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
782	2433530027	Phan Đăng	Dũng	Nam	24ĐHTĐ01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
783	2433710101	Dương Ngọc Cẩm	Tuyền	Nữ	24ĐHKL02	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
784	2431330030	Võ Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHKQ01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
785	2433520167	Lưu Tiến	Phát	Nam	24ĐHKT03	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
786	2431330046	Nguyễn La Hân	Hân	Nữ	24ĐHKQ01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
787	2433710151	Nguyễn Phạm Mai	Phuong	Nữ	24ĐHKL02	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
788	2431540203	Trần Lê Nam	Giang	Nam	24ĐHTT04	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
789	2433550061	Nguyễn Minh	Quân	Nam	24ĐHXDC1	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
790	2433530099	Trần Mạnh	Duy	Nam	24ĐHTĐ03	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
791	2433530100	Khổng Trần Thiên	Son	Nam	24ĐHTĐ03	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
792	2331720221	Nguyễn Lê Ý	Nhi	Nữ	23ĐHNAHK2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
793	2331740199	Huỳnh Lê Phương	Trúc	Nữ	23ĐHKVLD02	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
794	2431310110	Đinh Thiện	Tâm	Nữ	24ĐHQT02	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
795	2433710051	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	24ĐHKL01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
796	2431310166	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	Nữ	24ĐHQT03	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
797	2431310207	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT04	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
798	2431310209	Lê Phước	Nguyên	Nam	24ĐHQT04	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
799	2431330023	Nguyễn Hoàng Tinh	Thuận	Nữ	24ĐHKQ01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
800	2431730159	Tổng Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
801	2431740101	Lê Ngọc Như	Đoan	Nữ	24ĐHKVC1	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
802	2431730175	Võ Thị Hồng	Thắm	Nữ	24ĐHDLC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
803	2431730186	Đinh Hoàng Bảo	Trân	Nữ	24ĐHDLC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
804	2431730194	Hồ Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
805	2431730198	Nguyễn Trần Gia	Bảo	Nữ	24ĐHDLC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
806	2431730200	Đặng Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDLLH2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
807	2431730287	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	24ĐHDLC3	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
808	2431730298	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHDLC3	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
809	2431740209	Nguyễn Hoàng Tố	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
810	2431330044	Phạm Thúy	An	Nữ	24ĐHKQ01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
811	2431740242	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24ĐHKVC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
812	2431740253	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
813	2431740320	Phạm Thị Quỳnh	Hương	Nữ	24ĐHKVC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
814	2431740321	Hoàng Gia	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
815	2431740326	Lê Hà Minh	Vy	Nữ	24ĐHKVC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
816	2431740339	Tăng Thủy	Trúc	Nữ	24ĐHKVC2	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
817	2433520209	Trần Gia	Thái	Nam	24ĐHKT03	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
818	2431540245	Giang Gia	Mẫn	Nữ	24ĐHTT05	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
819	2431540270	Phùng Văn	Võ	Nam	24ĐHTT05	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
820	2431540271	Phan Minh	Trí	Nam	24ĐHTT05	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
821	2431540277	Nguyễn Đàm	Chi	Nam	24ĐHTT05	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học
822	2331720138	Nguyễn Trần Yến	My	Nữ	23ĐHQTC1	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
823	2431310033	Diệp Phương	Nghi	Nữ	24ĐHQT01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
824	2431310034	Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	24ĐHQT01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
825	2431310045	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
826	2431310053	Phan Thị Thảo	Vy	Nữ	24ĐHQT01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
827	2431310063	Lê Nguyễn Thanh	Thương	Nữ	24ĐHQT01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
828	2431310065	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
829	2431330019	Trần Ngọc Phương	Trình	Nữ	24ĐHKQ01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
830	2431310310	Trần Hoài Như	Ý	Nữ	24ĐHQT05	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
831	2431320058	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
832	2431310419	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	24ĐHQT07	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
833	2431320070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
834	2431330025	Phạm Thiên	Phúc	Nữ	24ĐHKQ01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
835	2431330032	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKQ01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
836	2433520135	Đồng Gia	Thuận	Nam	24ĐHKT02	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
837	2431320154	Đỗ Nguyễn Thu	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
838	2431330039	Thái Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKQ01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
839	2431740240	Nguyễn Hoàng Kim	Yến	Nữ	24ĐHKVC2	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
840	2431740325	Nguyễn Phương	Thoa	Nữ	24ĐHKVC2	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
841	2431310568	Nguyễn Trần Châu	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học
842	2331720257	Nguyễn Phạm Uyên	Thy	Nữ	23ĐHNAHK2	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
843	2431310020	Ngô Ngọc Thanh	Vi	Nữ	24ĐHQT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
844	2433520011	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
845	2431310027	Dương Cát Tường	Vy	Nữ	24ĐHQT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
846	2431310031	Nguyễn Kiều Mai	Trâm	Nữ	24ĐHQT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
847	2433520020	Lưu Bảo	Anh	Nam	24ĐHKT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
848	2431310054	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHQT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
849	2431310055	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	24ĐHQT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
850	2433520026	Nguyễn Mai	Hiền	Nữ	24ĐHKT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
851	2431310106	Lê	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT02	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
852	2431310128	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT09	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
853	2433520054	Trần Phú	Cường	Nam	24ĐHKT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
854	2433520069	Hà Minh	Thư	Nữ	24ĐHKT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
855	2431310432	Nguyễn Khánh	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
856	2431310453	Vũ Đức	Thiện	Nam	24ĐHQT08	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
857	2431320078	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
858	2431320081	Nguyễn Khoa Chiêu	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
859	2431320116	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHNL02	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
860	2431320148	Huỳnh Khả	Vy	Nữ	24ĐHNL03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
861	2431320155	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
862	2431740208	Lê Ngọc Bảo	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
863	2431320165	Võ Bảo	Khánh	Nữ	24ĐHNL03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
864	2431320167	Phan Trinh Yến	Ngọc	Nữ	24ĐHNL03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
865	2431320173	Phạm Trần Mai	Phương	Nữ	24ĐHNL03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
866	2431740330	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHKVC2	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
867	2431740347	Trần Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	24ĐHKVC2	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học
868	2331310419	Mai Thị Kim	Mỹ	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
869	2331310488	Võ Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
870	2431310012	Trương Thiện	Tài	Nam	24ĐHQT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
871	2431310021	Cao Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	24ĐHQT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
872	2431310026	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
873	2431310032	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
874	2431310062	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
875	2431310089	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT02	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
876	2433520035	Đỗ Thành	An	Nam	24ĐHKT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
877	2431310100	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	24ĐHQT02	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
878	2431310104	Lê Nguyễn Hiếu	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
879	2433520037	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	24ĐHKT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
880	2433520039	Lại Trung	Hiếu	Nam	24ĐHKT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
881	2431310125	Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	24ĐHQT02	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
882	2433520055	Nguyễn Quang	Đạt	Nam	24ĐHKT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
883	2431310195	Phan Nguyễn Minh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
884	2431310208	Bùi Khánh	Vy	Nữ	24ĐHQT04	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
885	2431310221	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT04	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
886	2431310230	Đoàn Thị Thu	Uyên	Nữ	24ĐHQT04	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
887	2431310243	Phan Mai	Linh	Nữ	24ĐHQT04	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
888	2431310248	Nguyễn Đỗ Bảo	Châu	Nữ	24ĐHQT04	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
889	2431310315	Võ Ngọc Hải	Yến	Nữ	24ĐHQT09	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
890	2431730147	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC2	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
891	2431730149	Phạm Phúc	Thọ	Nam	24ĐHDLC2	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
892	2431310412	Phạm Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT07	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
893	2431310440	Tô Hoàng Triệu	Vy	Nữ	24ĐHQT09	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
894	2431320091	Bùi Ngọc	Ngân	Nữ	24ĐHNL02	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
895	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
896	2431540101	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	24ĐHTT02	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
897	2431740196	Lý Thị Huyền	Trinh	Nữ	24ĐHKVC2	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
898	2431740224	Đào Bùi Anh	Thư	Nữ	24ĐHKVC2	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
899	2431740255	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKVC2	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
900	2431740310	Nguyễn Hải	Dương	Nam	24ĐHKVC2	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
901	2431740327	Võ Thủy Triều	Tiên	Nữ	24ĐHKVC2	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
902	2431740336	Nguyễn Hải	Ngân	Nữ	24ĐHKVC2	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
903	2431310555	Lê Ngọc Mỹ	Hương	Nữ	24ĐHQT09	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
904	2431310567	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	24ĐHQT01	010100024409	Chủ nghĩa xã hội khoa học
905	2331720050	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	23ĐHNATM1	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
906	2433710013	Hồ Trần Phương	Như	Nữ	24ĐAKL01	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
907	2431330009	Trương Quang	Huy	Nam	24ĐHKQ01	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
908	2431730138	Hà Thị	Thương	Nữ	24ĐHDLLH2	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
909	2431310314	Biện Gia	Huy	Nam	24ĐHQT09	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
910	2431310429	Khổng Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT07	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
911	2431310433	Trần Hoàng Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT07	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
912	2431320085	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
913	2431320102	Võ Hiền	Hậu	Nữ	24ĐHNL02	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
914	2431730382	Tô Hữu	Thành	Nam	24ĐHDLKN	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
915	2431730398	Đỗ Hoàng Trâm	Anh	Nữ	24ĐHDLCL4	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
916	2431730404	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLH3	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
917	2431540280	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	24ĐHTT05	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học
918	2431330003	Đinh Ngô Khánh	Linh	Nữ	24ĐHKQ01	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
919	2431730007	Trần Lê Băng	Châu	Nữ	24ĐHDLH1	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
920	2431310036	Trần Văn	Duy	Nam	24ĐHQT01	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
921	2433510008	Phạm Đăng Ngọc	Hiền	Nam	24ĐHĐT01	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
922	2433510012	Đào Nguyễn Khoa	Đăng	Nam	24ĐHĐT01	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
923	2431330007	Lê Thị Mỹ	Phụng	Nữ	24ĐHKQ01	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
924	2431730056	Hồ Quốc	An	Nam	24ĐHDLH1	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
925	2431310070	Lê Thị Trúc	Phương	Nữ	24ĐHQT02	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
926	2431310074	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
927	2431310075	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
928	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
929	2431730069	Hoàng Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHDLH1	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
930	2431310108	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT02	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
931	2431310109	Phan Minh	Hòa	Nữ	24ĐHQT02	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
932	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
933	2431310150	Tạ Bích	Hồng	Nữ	24ĐHQT03	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
934	2431310151	Mai Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT03	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
935	2431310155	Nguyễn Võ Mỹ	An	Nữ	24ĐHQT03	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
936	2431730105	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	Nữ	24ĐHDLCL2	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
937	2431730108	Trần Minh Kim	Loan	Nữ	24ĐHDLCL2	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
938	2431730112	Nguyễn Phúc Hoàng	Như	Nữ	24ĐHDLCL2	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
939	2433520061	Dương Thị Phương	Duy	Nữ	24ĐHKT01	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
940	2431730116	Ngô Nguyễn Như	Thanh	Nữ	24ĐHDLH1	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
941	2431730119	Lê Bá	Long	Nam	24ĐHDLH1	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
942	2431730131	Ngô Thị Hương	Mơ	Nữ	24ĐHDLCL2	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
943	2431310234	Nguyễn Hoàng Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQT04	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
944	2431310238	Vương Minh	Hoàng	Nam	24ĐHQT04	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
945	2431310239	Quách Thị Xuân	Đào	Nữ	24ĐHQT04	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
946	2431320061	Nguyễn Văn	Dung	Nữ	24ĐHNL02	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
947	2431310413	Phan Đoàn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHQT07	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
948	2431310416	Phạm Đỗ Khánh	Ngân	Nữ	24ĐHQT07	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
949	2431310418	Trần Tuấn	Phi	Nam	24ĐHQT07	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
950	2431730178	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDLC2	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
951	2431730181	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	24ĐHDLC2	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
952	2431730182	Đinh Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHDLC2	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
953	2431730325	Trần Hàn Bảo	Ân	Nữ	24ĐHDLLH3	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
954	2431330028	Phùng Như Bảo	Nghi	Nữ	24ĐHKQ01	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
955	2431320122	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
956	2431320123	Nguyễn Yến	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
957	2433510045	Đỗ Việt	Tuấn	Nam	24ĐHĐT01	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
958	2431320218	Nguyễn Thị Phước	Lộc	Nữ	24ĐHNL04	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
959	2431740241	Nguyễn Lê Bảo	Hân	Nữ	24ĐHKVC2	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
960	2431740244	Nguyễn Tuyết	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
961	2431330053	Vũ Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHKQ01	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
962	2431330057	Nguyễn Chi	Lan	Nữ	24ĐHKQ01	010100024411	Chủ nghĩa xã hội khoa học
963	2431310006	Hà Trần Minh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
964	2431310007	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHQT01	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
965	2431310011	Lê Thị Hồng	Hào	Nữ	24ĐHQT01	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
966	2431740029	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	24ĐHKVC1	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
967	2431310068	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT09	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
968	2431740043	Cao Trà	My	Nữ	24ĐHKVLQ1	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
969	2431730092	Đào Hoàng Gia	Hân	Nữ	24ĐHDLC4	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
970	2431730096	Nguyễn Hoàng Trung	Nam	Nam	24ĐHDLC2	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
971	2431310187	Hà Thị Thanh	Tâm	Nữ	24ĐHQT03	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
972	2431730109	Nguyễn Quang	Huy	Nam	24ĐHDLC2	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
973	2431310194	Phan Thị Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
974	2431330017	Trương Thị Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKQ01	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
975	2431310226	Nguyễn Quách Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
976	2431310247	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT04	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
977	2431730164	Phạm Tấn	Phát	Nam	24ĐHDLC2	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
978	2431320079	Phan Thanh	Phát	Nam	24ĐHNL02	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
979	2431330026	Trần Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
980	2431730244	Nguyễn Phạm Quốc	Bảo	Nam	24ĐHDL03	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
981	2431730308	Thân Thị Hơ	Mây	Nữ	24ĐHDL04	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
982	2431730336	Hoàng Mạnh Minh	Tâm	Nữ	24ĐHDL04	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
983	2433520098	Mai Xuân	Tùng	Nam	24ĐHKT02	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
984	2433520102	Đỗ Phan Thành	Khoa	Nam	24ĐHKT02	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
985	2431740148	Mai Thị Thiên	Thanh	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
986	2433520105	Trần Anh	Tuấn	Nam	24ĐHKT02	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
987	2431740162	Quách Tiểu	Bích	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
988	2433520111	Phạm Xuân	Sang	Nam	24ĐHKT02	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
989	2433520119	Phạm Minh	Quân	Nam	24ĐHKT02	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
990	2431730371	Nguyễn Thị Minh	Khuê	Nữ	24ĐHDL04	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
991	2433520123	Nguyễn Hữu Hoàng	Nguyên	Nam	24ĐHKT02	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
992	2433520146	Nguyễn Gia	Huy	Nam	24ĐHKT02	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
993	2431330043	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHKQ01	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
994	2431320250	Dương Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHNL05	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
995	2431320272	Đỗ Nguyễn Phương	Trinh	Nữ	24ĐHNL05	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
996	2431740356	Tăng Ái	Quân	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
997	2431310542	Trịnh Ý	Nhi	Nữ	24ĐHQT09	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
998	2433530122	Phạm Hữu	Thịnh	Nam	24ĐHTĐ03	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
999	2431310547	Ngô Như	Ý	Nữ	24ĐHQT09	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1000	2331510010	Nguyễn Đăng	Khiêm	Nam	23ĐHĐT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1001	2331510014	Phạm Quang	Vinh	Nam	23ĐHĐT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1002	2331730035	Lê Minh	Giàu	Nam	23ĐHDL01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1003	2331720160	Trần Ngọc Yến	Vy	Nữ	23ĐHQTC1	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1004	2331720348	Mai Liêng Mỹ	Trà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1005	2331720351	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHNAHK2	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1006	2331510073	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐHĐT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1007	2431310004	Hoàng Thủy Ngọc	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1008	2431730014	Nguyễn Thục	Hiền	Nữ	24ĐHDLH1	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1009	2431730039	Nguyễn Bình	An	Nam	24ĐHDLKN	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1010	2431310077	Nguyễn Ngọc	Hoàng	Nam	24ĐHQT02	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1011	2431310081	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1012	2431310083	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	24ĐHQT02	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1013	2433710047	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	24ĐHKL01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1014	2431310139	Đoàn Phương	Ngân	Nữ	24ĐHQT03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1015	2431730090	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	24ĐHDL04	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1016	2431310163	Phạm Gia	Phước	Nam	24ĐHQT03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1017	2431320042	Nguyễn Cao	Thành	Nam	24ĐHNL01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1018	2431740065	Nguyễn Thiên	Phú	Nam	24ĐHKVC1	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1019	2431310245	Phạm Thành	Dương	Nam	24ĐHQT04	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1020	2431320074	Huỳnh Kim	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1021	2431310459	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAQT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1022	2431310461	Trần Gia	Hân	Nữ	24ĐAQT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1023	2431310471	Phạm Thùy	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1024	2431730255	Trần Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDL03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1025	2431730278	Trần Trịnh Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDL03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1026	2431730302	Nguyễn Hạnh Bảo	Trúc	Nữ	24ĐHDL04	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1027	2431730316	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHDL03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1028	2431730319	Trần Mai Trâm	Anh	Nữ	24ĐHDL03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1029	2431730340	Nguyễn Quỳnh Phương	An	Nữ	24ĐHDL03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1030	2431730346	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	24ĐHDL03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1031	2431730353	Nguyễn Hoàng Ánh	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLKN	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1032	2431730354	Tạ Mỹ	Quỳnh	Nữ	24ĐHDL03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1033	2431320141	Lưu Hoàng	Vũ	Nam	24ĐHNL03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1034	2431330034	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	24ĐHKQ01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1035	2433520156	Nguyễn Đình	Long	Nam	24ĐHKT03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1036	2431730399	Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	24ĐHDL04	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1037	2431730406	Trương Thị Phương	Hà	Nữ	24ĐHDL04	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1038	2433530111	Trần Nguyễn Anh	Minh	Nam	24ĐHTĐ03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1039	2433530117	Vũ Sỹ	Thành	Nam	24ĐHTĐ03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1040	2433710042	Trần Đăng Hải	Long	Nam	24ĐAKL01	010100024414	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1041	2431330022	Nguyễn Ngọc An	Tâm	Nữ	24ĐHKQ01	010100024414	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1042	2431730309	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24ĐHDL04	010100024414	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1043	2431730359	Nguyễn Thị Vân	Khánh	Nữ	24ĐHDL04	010100024414	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1044	2431740190	Phan Tấn	Đạt	Nam	24ĐHKVC2	010100024414	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1045	2431730379	Chênh Vòng Gia	Hân	Nữ	24ĐHDL04	010100024414	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1046	2431740259	Nguyễn Minh	Khang	Nam	24ĐHKVC2	010100024414	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1047	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	Nữ	24ĐHTT03	010100024414	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1048	2431730003	Nguyễn Phạm Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLKN	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1049	2431730012	Võ Minh	Hung	Nam	24ĐHDLH1	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1050	2431730034	Lê Hứa Triết	Vỹ	Nam	24ĐHDLH1	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1051	2431730040	Phan Nguyễn Minh	Linh	Nữ	24ĐHDLH1	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1052	2431730086	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	24ĐHDLH1	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1053	2431730091	Nguyễn Nhật	Vy	Nữ	24ĐHDLKN	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1054	2431730094	Lương Phi	Trường	Nam	24ĐHDLH1	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1055	2431730102	Nguyễn Đỗ Khánh	Vy	Nữ	24ĐHDLKN	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1056	2431730139	Tây Liên	My	Nữ	24ĐHDLKN	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1057	2431310403	Văn Thị Mỹ	Quyên	Nữ	24ĐHQT07	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1058	2431740111	Vi Việt	Hoàng	Nam	24ĐHKVC1	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1059	2431730227	Nguyễn Mỹ	Phương	Nữ	24ĐHDLK4	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1060	2431730229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLK4	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1061	2431730233	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	24ĐHDLK3	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1062	2431730240	Hà Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLK3	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1063	2431730250	Hồ Lê Cẩm	Quyên	Nữ	24ĐHDLK3	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1064	2431730254	Nguyễn Trương Phương	Nghi	Nữ	24ĐHDLK3	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1065	2431730258	Nguyễn Trần Nhật	My	Nữ	24ĐHDLK3	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1066	2431730267	Nguyễn Huỳnh Tú	My	Nữ	24ĐHDLK3	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1067	2431730279	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHDLK3	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1068	2431730310	Lâm Mỹ	Tuyền	Nữ	24ĐHDLH2	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1069	2431740141	Phan Hoàng Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC1	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1070	2431740163	Lê Dạ	Thảo	Nữ	24ĐHKVC1	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1071	2431740168	Lương Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC1	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1072	2431740341	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1073	2431740342	Đỗ Văn Vũ	Duy	Nam	24ĐHKVC2	010100024415	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1074	2331740054	Đỗ Phương	Vy	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1075	2331730112	Nguyễn Trọng	Long	Nam	23ĐHDL01	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1076	2431730206	Phạm Lê Bảo	Linh	Nữ	24ĐHDLK4	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1077	2431730208	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	24ĐHDLK4	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1078	2431730295	Liên Liễu	Trúc	Nữ	24ĐHDLK3	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1079	2431730297	Lưu Minh	Quân	Nam	24ĐHDLK3	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1080	2431330042	Lâm Tấn	Lợi	Nam	24ĐHKQ01	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1081	2433530120	Trần Thành	Mỹ	Nam	24DHTĐ03	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1082	2431730024	Phan Thụy Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHDLC1	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1083	2431730051	Đỗ Lâm Thảo	Dung	Nữ	24ĐHDLC1	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1084	2431330008	Lê Nhật	Tiên	Nữ	24ĐHKQ01	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1085	2431330010	Huỳnh Ngọc Khánh	Như	Nữ	24ĐHKQ01	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1086	2431310094	Trần Phước	Hiệp	Nam	24ĐHQT02	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1087	2431730073	Phan Xuân	Nhi	Nữ	24ĐHDLC1	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1088	2431730110	Võ Nguyễn Yến	My	Nữ	24ĐHDLC2	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1089	2431730143	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyết	Nữ	24ĐHDLC2	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1090	2431730162	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	24ĐHDLC2	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1091	2431730163	Phạm Lê Minh	Thùy	Nữ	24ĐHDLC2	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1092	2431730170	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	24ĐHDLLH2	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1093	2431310405	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1094	2431730177	Nguyễn Vũ Phương	Trình	Nữ	24ĐHDLLH2	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1095	2431730185	Hồng	Quân	Nam	24ĐHDLC2	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1096	2431730204	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	24ĐHDLLH1	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1097	2431730235	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHDLC3	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1098	2431730264	Đường Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1099	2431730293	Trần Hoàng Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC3	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1100	2431730347	Trần Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLLH3	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1101	2431330037	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	24ĐHKQ01	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1102	2431740219	Nguyễn Lê Ái	Vy	Nữ	24ĐHKVLQ3	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1103	2431730390	Đỗ Hải	Nguyên	Nam	24ĐHDLLH3	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1104	2431330054	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	Nữ	24ĐHKQ01	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1105	2431740333	Trương Quang	Khánh	Nam	24ĐHKVC2	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1106	2431740348	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	24ĐHKVC2	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1107	2431730400	Lê Quỳnh Quế	Trâm	Nữ	24ĐHDLKN	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1108	2431740364	Hồ Văn	Quý	Nam	24ĐHKVC2	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1109	2431730418	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHDLKN	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1110	2431330071	Đặng Ngọc Kim	Thanh	Nữ	24ĐHKQ01	010100024421	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1111	2331720304	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHNAHK2	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1112	2431330002	Phạm Ngọc Trúc	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1113	2431730026	Nguyễn Lê Hoàng	Minh	Nam	24ĐHDLC1	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1114	2431740036	Hà Thị Như	Ý	Nữ	24ĐHKVC1	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1115	2431740095	Mai Diệp Thiên	Kim	Nữ	24ĐHKVC1	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1116	2431330031	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHKQ01	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1117	2431330036	Trần Thị Hiền	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1118	2431740285	Hồ Lê Trường	Nam	Nam	24ĐHKVLQ3	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1119	2431330049	Huỳnh Như	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1120	2431740316	Phạm Văn	Nam	Nam	24ĐHKVLĐ	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1121	2431320278	Trần Thị Thu	Ngân	Nữ	24ĐHNL05	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1122	2431330070	Nguyễn Bảo Gia	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100024422	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1123	2253440072	Hoàng Đỗ	Quyên	Nữ	22ĐHNL02	010100025801	Quản trị sự thay đổi
1124	2331320027	Hoàng Ngọc Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNL04	010100025801	Quản trị sự thay đổi
1125	2331320028	Hoàng Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNL04	010100025801	Quản trị sự thay đổi
1126	2331320094	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	23ĐHNL02	010100025802	Quản trị sự thay đổi
1127	2331320095	Trần Thư	Kỳ	Nữ	23ĐHNL02	010100025802	Quản trị sự thay đổi
1128	2331320101	Đỗ Thảo	My	Nữ	23ĐHNL02	010100025802	Quản trị sự thay đổi
1129	2331320104	Nguyễn Ngọc Hoài	An	Nữ	23ĐHNL02	010100025802	Quản trị sự thay đổi
1130	2331320107	Nguyễn Ngô Ngọc	Linh	Nữ	23ĐHNL02	010100025802	Quản trị sự thay đổi
1131	2331320131	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL03	010100025802	Quản trị sự thay đổi
1132	2331320135	Quang Bảo	Nghi	Nữ	23ĐHNL03	010100025802	Quản trị sự thay đổi
1133	2331320159	Đoàn Lan Kim	Khánh	Nữ	23ĐHNL03	010100025802	Quản trị sự thay đổi
1134	2331320171	Trần Lương Thuận	Trân	Nữ	23ĐHNL03	010100025802	Quản trị sự thay đổi
1135	2331320011	Trần Lê Yên	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100025803	Quản trị sự thay đổi
1136	2331320058	Cao Trần Khánh	Huyền	Nữ	23ĐHNL01	010100025803	Quản trị sự thay đổi
1137	2331320077	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23ĐHNL04	010100025803	Quản trị sự thay đổi
1138	2331320092	Nguyễn Phạm Ánh	Vy	Nữ	23ĐHNL02	010100025803	Quản trị sự thay đổi
1139	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo	Như	Nữ	22ĐHNL01	010100025804	Quản trị sự thay đổi
1140	2431320085	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100044701	Hành vi tổ chức
1141	2431320123	Nguyễn Yến	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100044701	Hành vi tổ chức
1142	2431320148	Huỳnh Khả	Vy	Nữ	24ĐHNL03	010100044701	Hành vi tổ chức
1143	2431320165	Võ Bảo	Khánh	Nữ	24ĐHNL03	010100044701	Hành vi tổ chức
1144	2431320167	Phan Trịnh Yên	Ngọc	Nữ	24ĐHNL03	010100044701	Hành vi tổ chức
1145	2431320218	Nguyễn Thị Phước	Lộc	Nữ	24ĐHNL04	010100044701	Hành vi tổ chức
1146	2431320061	Nguyễn Vân	Dung	Nữ	24ĐHNL02	010100044702	Hành vi tổ chức
1147	2431320070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100044702	Hành vi tổ chức
1148	2431320078	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100044702	Hành vi tổ chức

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1149	2431320081	Nguyễn Khoa Chiêu	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100044702	Hành vi tổ chức
1150	2431320088	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100044702	Hành vi tổ chức
1151	2431320091	Bùi Ngọc	Ngân	Nữ	24ĐHNL02	010100044702	Hành vi tổ chức
1152	2431320112	Lê Thanh	An	Nam	24ĐHNL02	010100044702	Hành vi tổ chức
1153	2431320116	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHNL02	010100044702	Hành vi tổ chức
1154	2431320122	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100044702	Hành vi tổ chức
1155	2431320173	Phạm Trần Mai	Phương	Nữ	24ĐHNL03	010100044702	Hành vi tổ chức
1156	2431320042	Nguyễn Cao	Thành	Nam	24ĐHNL01	010100044703	Hành vi tổ chức
1157	2431320079	Phan Thanh	Phát	Nam	24ĐHNL02	010100044703	Hành vi tổ chức
1158	2431320155	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL03	010100044703	Hành vi tổ chức
1159	2431320250	Dương Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHNL05	010100044703	Hành vi tổ chức
1160	2431320141	Lưu Hoàng	Vũ	Nam	24ĐHNL03	010100044704	Hành vi tổ chức
1161	2253410234	Lê Nguyễn Hoàng	Trâm	Nữ	22ĐHQTTTH	010100044705	Hành vi tổ chức
1162	2431320028	Huỳnh Trọng	An	Nam	24ĐHNL01	010100044705	Hành vi tổ chức
1163	2431320029	Trương Hồng Tuyết	Như	Nữ	24ĐHNL01	010100044705	Hành vi tổ chức
1164	2431320052	Lê Thanh	Nhi	Nữ	24ĐHNL01	010100044705	Hành vi tổ chức
1165	2431320058	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL01	010100044705	Hành vi tổ chức
1166	2431320089	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100044705	Hành vi tổ chức
1167	2431320098	Lê Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100044705	Hành vi tổ chức
1168	2431320102	Võ Hiền	Hậu	Nữ	24ĐHNL02	010100044705	Hành vi tổ chức
1169	2431320107	Tô Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHNL02	010100044705	Hành vi tổ chức
1170	2431320109	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	24ĐHNL02	010100044705	Hành vi tổ chức
1171	2431320115	La Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL02	010100044705	Hành vi tổ chức
1172	2431320154	Đỗ Nguyễn Thu	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100044705	Hành vi tổ chức
1173	2431320243	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	24ĐHNL05	010100044705	Hành vi tổ chức
1174	2431320272	Đỗ Nguyễn Phương	Trình	Nữ	24ĐHNL05	010100044705	Hành vi tổ chức
1175	2431310006	Hà Trần Minh	Anh	Nữ	24ĐHQTT01	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1176	2431310007	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHQTT01	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1177	2431310011	Lê Thị Hồng	Hào	Nữ	24ĐHQTT01	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1178	2431310053	Phan Thị Thảo	Vy	Nữ	24ĐHQTT01	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1179	2431310070	Lê Thị Trúc	Phương	Nữ	24ĐHQTT02	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1180	2431310074	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHQTT02	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1181	2431310075	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	24ĐHQTT02	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1182	2431310077	Nguyễn Ngọc	Hoàng	Nam	24ĐHQTT02	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1183	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1184	2431310108	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT02	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1185	2431310109	Phan Minh	Hòa	Nữ	24ĐHQT02	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1186	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1187	2431310428	Lê Nguyễn Hoàng Quỳnh	Ni	Nữ	24ĐHQT07	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1188	2431310432	Nguyễn Khánh	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1189	2431310459	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAQT01	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1190	2431310461	Trần Gia	Hân	Nữ	24ĐAQT01	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1191	2431310471	Phạm Thùy	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1192	2431310089	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT02	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1193	2431310094	Trần Phước	Hiệp	Nam	24ĐHQT02	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1194	2431310100	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	24ĐHQT02	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1195	2431310104	Lê Nguyễn Hiếu	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1196	2431310187	Hà Thị Thanh	Tâm	Nữ	24ĐHQT03	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1197	2431310221	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT04	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1198	2431310226	Nguyễn Quách Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1199	2431310230	Đoàn Thị Thu	Uyên	Nữ	24ĐHQT04	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1200	2431310248	Nguyễn Đỗ Bảo	Châu	Nữ	24ĐHQT04	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1201	2431310400	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT07	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1202	2431310412	Phạm Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT07	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1203	2431310431	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT07	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1204	2431310568	Nguyễn Trần Châu	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1205	2331310387	Đào Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1206	2431310012	Trương Thiện	Tài	Nam	24ĐHQT01	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1207	2431310020	Ngô Ngọc Thanh	Vi	Nữ	24ĐHQT01	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1208	2431310026	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1209	2431310027	Dương Cát Tường	Vy	Nữ	24ĐHQT01	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1210	2431310036	Trần Văn	Duy	Nam	24ĐHQT01	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1211	2431310055	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	24ĐHQT01	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1212	2431310062	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT01	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1213	2431310111	Trịnh Quốc	Huy	Nam	24ĐHQT02	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1214	2431310125	Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	24ĐHQT02	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1215	2431310150	Tạ Bích	Hồng	Nữ	24ĐHQT03	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1216	2431310151	Mai Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT03	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1217	2431310155	Nguyễn Võ Mỹ	An	Nữ	24ĐHQTT03	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1218	2431310166	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	Nữ	24ĐHQTT03	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1219	2431310243	Phan Mai	Linh	Nữ	24ĐHQTT04	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1220	2431310320	Vũ Thúy	Hằng	Nữ	24ĐHQTT06	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1221	2431310322	Nguyễn Ánh	Tuyết	Nữ	24ĐHQTT06	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1222	2431310416	Phạm Đỗ Khánh	Ngân	Nữ	24ĐHQTT07	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1223	2431310081	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQTT02	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1224	2431310315	Võ Ngọc Hải	Yến	Nữ	24ĐHQTT09	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1225	2431310317	Ngô Thị Thanh	Kiều	Nữ	24ĐHQTT09	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1226	2431310439	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQTT09	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1227	2431310440	Tô Hoàng Triệu	Vy	Nữ	24ĐHQTT09	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1228	2331310419	Mai Thị Kim	Mỹ	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100055106	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1229	2331310488	Võ Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100055106	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1230	2431310139	Đoàn Phương	Ngân	Nữ	24ĐHQTT03	010100055106	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1231	2431310163	Phạm Gia	Phước	Nam	24ĐHQTT03	010100055106	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1232	2431310429	Khổng Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQTT07	010100055106	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1233	2331310315	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQTTAN	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1234	2431310080	Trần Khánh	Trình	Nam	24ĐHQTT02	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1235	2431310128	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQTT09	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1236	2431310141	La Minh	Đan	Nữ	24ĐHQTT03	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1237	2431310164	Trần Ngọc	Anh	Nữ	24ĐHQTT03	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1238	2431310208	Bùi Khánh	Vy	Nữ	24ĐHQTT04	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1239	2431310403	Văn Thị Mỹ	Quyên	Nữ	24ĐHQTT07	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1240	2431310407	Phạm Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQTT07	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1241	2431310419	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	24ĐHQTT07	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1242	2431310423	Trương Tấn	Phong	Nam	24ĐHQTT07	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1243	2431310433	Trần Hoàng Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQTT07	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1244	2431310441	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHQTT09	010100055107	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1245	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1246	2431310045	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQTT01	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1247	2431310068	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQTT09	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1248	2431310073	Trương Nguyễn Nhật	Phong	Nam	24ĐHQTT02	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1249	2431310083	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	24ĐHQTT02	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1250	2431310106	Lê	Quỳnh	Nữ	24ĐHQTT02	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1251	2431310194	Phan Thị Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1252	2431310195	Phan Nguyễn Minh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1253	2431310236	Hồ Cẩm	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1254	2431310245	Phạm Thành	Dương	Nam	24ĐHQT04	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1255	2431310413	Phan Đoàn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHQT07	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1256	2431310542	Trịnh Ý	Nhi	Nữ	24ĐHQT09	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1257	2431310555	Lê Ngọc Mỹ	Hương	Nữ	24ĐHQT09	010100055108	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1258	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1259	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1260	2431310031	Nguyễn Kiều Mai	Trâm	Nữ	24ĐHQT01	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1261	2431310033	Diệp Phương	Nghi	Nữ	24ĐHQT01	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1262	2431310034	Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	24ĐHQT01	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1263	2431310054	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHQT01	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1264	2431310063	Lê Nguyễn Thanh	Thương	Nữ	24ĐHQT01	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1265	2431310065	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT01	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1266	2431310207	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT04	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1267	2431310209	Lê Phước	Nguyên	Nam	24ĐHQT04	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1268	2431310234	Nguyễn Hoàng Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQT04	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1269	2431310238	Vương Minh	Hoàng	Nam	24ĐHQT04	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1270	2431310239	Quách Thị Xuân	Đào	Nữ	24ĐHQT04	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1271	2431310310	Trần Hoài Như	Ý	Nữ	24ĐHQT05	010100055109	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1272	2331310050	Trần Ngọc Yến	My	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100055110	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1273	2431310004	Hoàng Thủy Ngọc	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100055110	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1274	2431310110	Đinh Thiện	Tâm	Nữ	24ĐHQT02	010100055110	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1275	2431310418	Trần Tuấn	Phi	Nam	24ĐHQT07	010100055110	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1276	2431310453	Vũ Đức	Thiện	Nam	24ĐHQT08	010100055110	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1277	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100055110	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics
1278	2331720360	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	23ĐHNATM4	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1279	2433510002	Nguyễn Ngọc Hà	Nguyên	Nam	24ĐHĐT01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1280	2431720032	Lê Ái	Trân	Nữ	24ĐHNA01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1281	2431720036	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1282	2431720039	Phan Hoài Diễm	Phúc	Nữ	24ĐHNA01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1283	2431720045	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	Nữ	24ĐHNA01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1284	2431720060	Nguyễn Trương Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1285	2431720072	Phan Trần Ngọc	Trân	Nữ	24ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1286	2431720097	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1287	2431720108	Võ Nguyễn Ngọc	Thương	Nữ	24ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1288	2431720111	Nguyễn Ngọc Thái	Như	Nữ	24ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1289	2431720115	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	Nữ	24ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1290	2431720116	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	24ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1291	2431720119	Quách Trần Hoàng	Vy	Nữ	24ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1292	2431720156	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNA03	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1293	2431330027	Thân Tùng	Lâm	Nam	24ĐHKQ01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1294	2431730244	Nguyễn Phạm Quốc	Bảo	Nam	24ĐHDLC3	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1295	2431720188	Nguyễn Lê Lan	Anh	Nữ	24ĐHNA04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1296	2431730302	Nguyễn Hạnh Bảo	Trúc	Nữ	24ĐHDLC4	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1297	2431720257	Lê Ngọc Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNA05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1298	2431720270	Võ Trần Diễm	My	Nữ	24ĐHNA05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1299	2431720287	Võ Hoàng Nam	Phương	Nữ	24ĐHNA05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1300	2431720291	Tô Hoàng Thảo	Nhi	Nữ	24ĐHNA05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1301	2431720349	Đậu Thị Thanh	Thúy	Nữ	24ĐHNA06	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1302	2431720369	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1303	2431720377	Đàm Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1304	2431720385	Triệu Phú	Quý	Nữ	24ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1305	2431720388	Tạ Minh	Tâm	Nam	24ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1306	2431720390	Từ Gia	Hào	Nam	24ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1307	2431720400	Lương Thái Kim	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1308	2431720401	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1309	2431720413	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	24ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1310	2431720417	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1311	2431720419	Trịnh Đoàn Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1312	2431720001	Trần Thị Thanh	Ngọc	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1313	2431720003	Nguyễn Cao	Trí	Nam	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1314	2431720006	Võ Hoàng Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1315	2431720018	Nguyễn Võ Chang	Mi	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1316	2431720022	Phan Ngọc Khả	Nhu	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1317	2431720025	Nguyễn Lê Tường	Vy	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1318	2431720033	Cù Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1319	2431720035	Lê Thị Ngọc	Giàu	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1320	2431720037	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1321	2431720040	Đặng Thùy	Linh	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1322	2431720041	Đỗ Ngọc	Khánh	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1323	2431720042	Trần Mạnh	Cường	Nam	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1324	2431720044	Huỳnh Gia	Hân	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1325	2431720051	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1326	2431720052	Lê Hà Hương	Linh	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1327	2431720055	Nguyễn Nhật Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1328	2431720058	Châu Thái Thanh	Thư	Nữ	24ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1329	2431720075	Võ Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1330	2431720098	Trần Thị Ngọc	Thanh	Nữ	24ĐHNA02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1331	2431720105	Phạm Hà Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1332	2431720113	Nguyễn Lý Huyền	Trân	Nữ	24ĐHNA02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1333	2431720136	Lương Kim Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA03	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1334	2431310428	Lê Nguyễn Hoàng Quỳnh	Ni	Nữ	24ĐHQT07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1335	2431720165	Hồ Nguyễn Tú	Quyên	Nữ	24ĐHNA03	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1336	2431720273	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1337	2431720277	Huỳnh Tiến	Dũng	Nam	24ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1338	2431720292	Nguyễn Kiều	Vy	Nữ	24ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1339	2431720294	Phạm Hải	Trân	Nữ	24ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1340	2431720295	Huỳnh Minh	Tiến	Nam	24ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1341	2431720297	Hồ Ngọc Cát	Tường	Nữ	24ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1342	2431720356	Nguyễn Trương Phương	Trinh	Nữ	24ĐHNA06	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1343	2431720365	Cao Nguyễn Gia	Khang	Nam	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1344	2431720371	Trần Cẩm	Nhung	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1345	2431720372	Lương Hiếu	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1346	2431720373	Bùi Minh	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1347	2431720375	Võ Thị Mỹ	Dung	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1348	2431720382	Mai Nguyễn Thu	Huệ	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1349	2431720391	Đông Quốc	Khánh	Nam	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1350	2431720392	Trần Hà Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1351	2431720396	Dương Trương Nhã	Linh	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1352	2431720406	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1353	2431720407	Bùi Nguyễn Hà	My	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1354	2431720408	Quách Minh	Dũng	Nam	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1355	2431720410	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1356	2431720412	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1357	2431720415	Lương Huỳnh	Đức	Nam	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1358	2431720416	Hoàng Minh	Ánh	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1359	2431720418	Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1360	2431720420	Phan Thị Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1361	2431720422	Nguyễn Huỳnh	Thy	Nữ	24ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1362	2331510048	Nguyễn Chí	Bảo	Nam	23ĐHĐT01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1363	2431720021	Huỳnh Văn Trúc	Uyên	Nữ	24ĐHNA01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1364	2431720054	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	24ĐHNA01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1365	2431720062	Trần Nguyễn Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1366	2431720078	Lâm Hiếu	Nghi	Nữ	24ĐHNA02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1367	2431720080	Hồ Nguyễn Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1368	2431720094	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	24ĐHNA02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1369	2431720122	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1370	2431720134	Châu Huệ	Trân	Nữ	24ĐHNA03	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1371	2433520086	Lã Bùi Tuấn	Anh	Nam	24ĐAKT01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1372	2431730278	Trần Trịnh Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDL3	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1373	2431720193	Trần Ngọc Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1374	2431720200	Nguyễn Diệu	Thanh	Nữ	24ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1375	2431720205	Trần Phương	Anh	Nữ	24ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1376	2431720208	Lê Bảo	Nghi	Nữ	24ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1377	2431720238	Phạm Thanh	Hà	Nữ	24ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1378	2431720239	Phan Ngọc Huệ	Trân	Nữ	24ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1379	2431720240	Lê Đại	Vĩ	Nam	24ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1380	2431720258	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	24ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1381	2431720261	Nguyễn Xuân Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1382	2431720264	Nguyễn Thành	Long	Nam	24ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1383	2431720268	Dương Phước	Sang	Nam	24ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1384	2431720269	Phạm Khánh	Trân	Nữ	24ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1385	2431720271	Đỗ Võ Tường	Vi	Nữ	24ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1386	2431720280	Lê Hoài	My	Nữ	24ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1387	2431720282	Bùi Trần Nhật	Minh	Nam	24ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1388	2431720346	Ngô Thị Mỹ	Diễm	Nữ	24ĐHNA06	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1389	2431720364	Bùi Hương	Giang	Nữ	24ĐHNA07	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1390	2431720451	Đào Phạm Đan	Thanh	Nữ	24ĐHNA08	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1391	2431720456	Ngô Thị Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHNA08	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1392	2431720458	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	24ĐHNA08	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1393	2431720468	Nguyễn Phương Mai	Thi	Nữ	24ĐHNA08	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1394	2433520232	Phạm Ngô Gia	Bảo	Nam	24ĐAKT01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1395	2431720548	Trần Ngân	Hằng	Nữ	24ĐHNA06	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1396	2431720553	Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	24ĐHNA02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1397	2431720555	Mai Ngọc Bảo	Châu	Nữ	24ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1398	2431720061	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1399	2431720070	Phạm Đỗ Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1400	2431720071	Đỗ Bích	Ngọc	Nữ	24ĐHNA02	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1401	2431720084	Nguyễn Ngọc	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1402	2431720085	Nguyễn Như	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1403	2431730105	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	Nữ	24ĐHDLC2	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1404	2431730131	Ngô Thị Hương	Mơ	Nữ	24ĐHDLC2	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1405	2431720184	Hồng Khánh	Vy	Nữ	24ĐHNA04	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1406	2431720201	Lê Các	Vi	Nữ	24ĐHNA04	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1407	2431720217	Đào Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHNA04	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1408	2431720321	Vũ Tuấn	Bình	Nam	24ĐHNA06	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1409	2431720383	Nhan Thị Tuyết	Nghi	Nữ	24ĐHNA07	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1410	2431720529	Phạm Thị	Mi	Nữ	24ĐHNA09	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1411	2431720008	Lâm Gia	Bảo	Nam	24ĐHNA01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1412	2433520022	Hoàng Công	Nguyên	Nam	24ĐAKT01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1413	2431720076	Liên Quốc	Quân	Nam	24ĐHNA02	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1414	2431720093	Tiêu Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNA02	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1415	2431720095	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1416	2431720139	Lê Ngọc Thảo	Nhi	Nữ	24ĐHNA03	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1417	2431720154	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	24ĐHNA03	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1418	2431730235	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHDLC3	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1419	2431730293	Trần Hoàng Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC3	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1420	2431720203	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	24ĐHNA04	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1421	2431720245	Đoàn Hiếu	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1422	2431720290	Ngô Mỹ	Thư	Nữ	24ĐHNA05	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1423	2431720293	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1424	2431720301	Ngô Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1425	2431720380	Đình Nguyễn Hoàng	Hương	Nữ	24ĐHNA07	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1426	2431720386	Chung Khâ	Doanh	Nữ	24ĐHNA07	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1427	2431720443	Trương Thái	Như	Nữ	24ĐHNA08	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1428	2431540101	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	24ĐHTT02	010100084601	Toán rời rạc
1429	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100084601	Toán rời rạc
1430	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	Nữ	24ĐHTT03	010100084602	Toán rời rạc
1431	2431540203	Trần Lê Nam	Giang	Nam	24ĐHTT04	010100084602	Toán rời rạc
1432	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	010100084604	Toán rời rạc
1433	2431540245	Giang Gia	Mẫn	Nữ	24ĐHTT05	010100084604	Toán rời rạc
1434	2431540270	Phùng Văn	Vô	Nam	24ĐHTT05	010100084604	Toán rời rạc
1435	2431540271	Phan Minh	Trí	Nam	24ĐHTT05	010100084604	Toán rời rạc
1436	2431540277	Nguyễn Đảm	Chi	Nam	24ĐHTT05	010100084604	Toán rời rạc
1437	2431540263	Đỗ Việt	Hoàn	Nam	24ĐHTT05	010100084605	Toán rời rạc
1438	2431540280	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	24ĐHTT05	010100084605	Toán rời rạc
1439	2431540322	Nguyễn Nam	Phương	Nữ	24ĐHTT06	010100084606	Toán rời rạc
1440	2431540101	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	24ĐHTT02	010100084802	Lập trình hướng đối tượng
1441	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	Nữ	24ĐHTT03	010100084802	Lập trình hướng đối tượng
1442	2431540270	Phùng Văn	Vô	Nam	24ĐHTT05	010100084803	Lập trình hướng đối tượng
1443	2431540271	Phan Minh	Trí	Nam	24ĐHTT05	010100084803	Lập trình hướng đối tượng
1444	2431540277	Nguyễn Đảm	Chi	Nam	24ĐHTT05	010100084803	Lập trình hướng đối tượng
1445	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	010100084804	Lập trình hướng đối tượng
1446	2431540322	Nguyễn Nam	Phương	Nữ	24ĐHTT06	010100084804	Lập trình hướng đối tượng
1447	2431540245	Giang Gia	Mẫn	Nữ	24ĐHTT05	010100084805	Lập trình hướng đối tượng
1448	2431540263	Đỗ Việt	Hoàn	Nam	24ĐHTT05	010100084805	Lập trình hướng đối tượng
1449	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100084805	Lập trình hướng đối tượng
1450	2431540280	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	24ĐHTT05	010100084806	Lập trình hướng đối tượng
1451	2331540059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHTT02	010100086001	Quản trị mạng
1452	2331540070	Bùi Doanh	Nghiệp	Nam	23ĐHTT02	010100086001	Quản trị mạng
1453	2331540108	Văn Chí	Sên	Nam	23ĐHTT02	010100086001	Quản trị mạng
1454	2331540306	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	23ĐHTT02	010100086001	Quản trị mạng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1455	2331540077	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	Nam	23ĐHTT02	010100086002	Quản trị mạng
1456	2331540161	Lương Thế	Phong	Nam	23ĐHTT03	010100086002	Quản trị mạng
1457	2331540003	Lê Thị Kim	Lợi	Nữ	23ĐHTT01	010100086004	Quản trị mạng
1458	2331540009	Trần Thị	Thúy	Nữ	23ĐHTT01	010100086004	Quản trị mạng
1459	2331540010	Bùi Thanh	Hiền	Nam	23ĐHTT01	010100086004	Quản trị mạng
1460	2331540021	Hồ Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHTT01	010100086004	Quản trị mạng
1461	2331540036	Trương Quang Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT01	010100086004	Quản trị mạng
1462	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	Nữ	23ĐHTT01	010100086004	Quản trị mạng
1463	2331540041	Huỳnh Công	Thịnh	Nam	23ĐHTT01	010100086004	Quản trị mạng
1464	2331540102	Phạm Thanh	Bình	Nữ	23ĐHTT02	010100086004	Quản trị mạng
1465	2331540191	Nguyễn Hoàng Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT04	010100086005	Quản trị mạng
1466	2331540297	Lại Gia	Kiệt	Nam	23ĐHTT05	010100086101	Quản trị dự án CNTT
1467	2431540101	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	24ĐHTT02	010100086101	Quản trị dự án CNTT
1468	2331540070	Bùi Doanh	Nghiệp	Nam	23ĐHTT02	010100086102	Quản trị dự án CNTT
1469	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100086102	Quản trị dự án CNTT
1470	2331540028	Vũ Nguyễn Minh	Đức	Nam	23ĐHTT01	010100086103	Quản trị dự án CNTT
1471	2331540161	Lương Thế	Phong	Nam	23ĐHTT03	010100086103	Quản trị dự án CNTT
1472	2331540306	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	23ĐHTT02	010100086103	Quản trị dự án CNTT
1473	2331540003	Lê Thị Kim	Lợi	Nữ	23ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT
1474	2331540009	Trần Thị	Thúy	Nữ	23ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT
1475	2331540010	Bùi Thanh	Hiền	Nam	23ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT
1476	2331540021	Hồ Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT
1477	2331540036	Trương Quang Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT
1478	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	Nữ	23ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT
1479	2331540041	Huỳnh Công	Thịnh	Nam	23ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT
1480	2331540078	Trần Lưu Yên	Nhi	Nữ	23ĐHTT02	010100086104	Quản trị dự án CNTT
1481	2331540102	Phạm Thanh	Bình	Nữ	23ĐHTT02	010100086104	Quản trị dự án CNTT
1482	2331540059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHTT02	010100086105	Quản trị dự án CNTT
1483	2331540077	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	Nam	23ĐHTT02	010100086105	Quản trị dự án CNTT
1484	2331540108	Văn Chí	Sến	Nam	23ĐHTT02	010100086105	Quản trị dự án CNTT
1485	2331540191	Nguyễn Hoàng Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT04	010100086105	Quản trị dự án CNTT
1486	2254810094	Phạm Trần Lan	Anh	Nữ	22ĐHTT02	010100086601	Kiểm chứng phần mềm
1487	2331540070	Bùi Doanh	Nghiệp	Nam	23ĐHTT02	010100086601	Kiểm chứng phần mềm
1488	2331540191	Nguyễn Hoàng Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT04	010100086601	Kiểm chứng phần mềm

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1489	2331540003	Lê Thị Kim	Lợi	Nữ	23ĐHTT01	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1490	2331540009	Trần Thị	Thúy	Nữ	23ĐHTT01	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1491	2331540010	Bùi Thanh	Hiền	Nam	23ĐHTT01	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1492	2331540021	Hồ Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHTT01	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1493	2331540036	Trương Quang Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT01	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1494	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	Nữ	23ĐHTT01	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1495	2331540041	Huỳnh Công	Thịnh	Nam	23ĐHTT01	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1496	2331540078	Trần Lưu Yến	Nhi	Nữ	23ĐHTT02	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1497	2331540102	Phạm Thanh	Bình	Nữ	23ĐHTT02	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1498	2331540108	Văn Chí	Sến	Nam	23ĐHTT02	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1499	2331540306	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	23ĐHTT02	010100086602	Kiểm chứng phần mềm
1500	2331540028	Vũ Nguyễn Minh	Đức	Nam	23ĐHTT01	010100086603	Kiểm chứng phần mềm
1501	2331540077	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	Nam	23ĐHTT02	010100086603	Kiểm chứng phần mềm
1502	2254810094	Phạm Trần Lan	Anh	Nữ	22ĐHTT02	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1503	2331540003	Lê Thị Kim	Lợi	Nữ	23ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1504	2331540009	Trần Thị	Thúy	Nữ	23ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1505	2331540010	Bùi Thanh	Hiền	Nam	23ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1506	2331540021	Hồ Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1507	2331540036	Trương Quang Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1508	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	Nữ	23ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1509	2331540041	Huỳnh Công	Thịnh	Nam	23ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1510	2331540070	Bùi Doanh	Nghiệp	Nam	23ĐHTT02	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1511	2331540078	Trần Lưu Yến	Nhi	Nữ	23ĐHTT02	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1512	2331540102	Phạm Thanh	Bình	Nữ	23ĐHTT02	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin
1513	2331540028	Vũ Nguyễn Minh	Đức	Nam	23ĐHTT01	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin
1514	2331540059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHTT02	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin
1515	2331540077	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	Nam	23ĐHTT02	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin
1516	2331540108	Văn Chí	Sến	Nam	23ĐHTT02	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin
1517	2331540306	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	23ĐHTT02	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin
1518	2252210071	Huỳnh Thảo	Nguyên	Nữ	22ĐHNATM2	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3
1519	2252210074	Võ Huỳnh	Anh	Nữ	22ĐHNATM1	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3
1520	2252210076	Trương Quế	Ngân	Nữ	22ĐHNATM2	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3
1521	2252210090	Lê Anh	Thư	Nữ	22ĐHNADL	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3
1522	2252210094	Trần Ngọc Lan	Anh	Nữ	22ĐHNADL	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1523	2252210161	Phạm Đoàn Phi	Yến	Nữ	22ĐHNAHK	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3
1524	2331720260	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3
1525	2331720039	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	23ĐHNATM1	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1526	2331720067	Bùi Ái	Thi	Nữ	23ĐHNATM1	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1527	2331720169	Đỗ Thị Kim	Mẫn	Nữ	23ĐHNATM2	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1528	2331720201	Hà Tường	Vy	Nữ	23ĐHNATM3	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1529	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1530	2331720236	Nguyễn Cẩm	Xuân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1531	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1532	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	Nữ	23ĐHNATM3	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1533	2331720255	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHNATM3	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1534	2331720260	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1535	2331720284	Lê Thị Thảo	Tiên	Nữ	23ĐHNATM4	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1536	2331720393	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	Nữ	23ĐHNATM4	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1537	2331720441	Nguyễn Nhứt	Trường	Nam	23ĐHNATM3	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2
1538	2331720184	Lê Thùy Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHNATM2	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2
1539	2331720203	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHNATM3	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2
1540	2331720220	Lê Thị	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2
1541	2331720303	Phan Thị Kiều	Nhi	Nữ	23ĐHNATM4	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2
1542	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNATM4	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2
1543	2331720421	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNATM4	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2
1544	2331720438	Huỳnh Thùy Minh	Á	Nữ	23ĐHNATM2	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2
1545	2331720024	Lê Đăng Quốc	Bảo	Nam	23ĐHNATM1	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1546	2331720082	Nguyễn Quang	Huy	Nam	23ĐHNATM1	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1547	2331720161	Đoàn Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM2	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1548	2331720186	Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1549	2331720211	Hoàng Hải	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1550	2331720267	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	23ĐHNATM3	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1551	2331720292	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1552	2331720308	Ngô Thùy Thảo	Trinh	Nữ	23ĐHNATM4	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1553	2331720336	Nguyễn Hoàng Cát	Tiên	Nữ	23ĐHNATM4	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1554	2331720360	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	23ĐHNATM4	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1555	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHNATM4	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1556	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	Nữ	23ĐHNATM4	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1557	2331720374	Phan Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNATM4	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1558	2331720424	Trần Cẩm	Nhung	Nữ	23ĐHNATM1	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1559	2331720449	Phạm Tường	Vi	Nữ	23ĐHNATM4	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1560	2331720470	Nguyễn Trần	Tiến	Nam	23ĐHNATM1	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2
1561	2331720175	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Quỳnh	Nữ	23ĐHNATM3	010100094704	Tiếng Anh thương mại 2
1562	2331720187	Đinh Hoàng Ánh	Nguyệt	Nữ	23ĐHNATM2	010100094704	Tiếng Anh thương mại 2
1563	2331720271	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094704	Tiếng Anh thương mại 2
1564	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐHNATM3	010100094704	Tiếng Anh thương mại 2
1565	2331720462	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	Nữ	23ĐHNATM2	010100094704	Tiếng Anh thương mại 2
1566	2331720104	Trịnh Lê Quỳnh	Nga	Nữ	23ĐHNATM1	010100094705	Tiếng Anh thương mại 2
1567	2331720050	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	23ĐHNATM1	010100094706	Tiếng Anh thương mại 2
1568	2331720170	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM2	010100094706	Tiếng Anh thương mại 2
1569	2331720182	Phạm Hoàng Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHNATM2	010100094706	Tiếng Anh thương mại 2
1570	2331720193	Lê Phương	Uyên	Nữ	23ĐHNATM3	010100094706	Tiếng Anh thương mại 2
1571	2331720195	Lê Thị Mai	Linh	Nữ	23ĐHNATM2	010100094706	Tiếng Anh thương mại 2
1572	2331720196	Trương Gia	Linh	Nữ	23ĐHNATM2	010100094706	Tiếng Anh thương mại 2
1573	2331720213	Mai Nguyễn Xuân	Thảo	Nữ	23ĐHNATM3	010100094706	Tiếng Anh thương mại 2
1574	2331720217	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	Nữ	23ĐHNATM2	010100094706	Tiếng Anh thương mại 2
1575	2331720013	Lê Thị Tuyết	Anh	Nữ	23ĐHNAHK1	010100095301	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1576	2331720027	Đặng Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100095301	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1577	2331720051	Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	23ĐHNAHK1	010100095301	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1578	2331720202	Nguyễn Thiên	Kim	Nữ	23ĐHNAHK2	010100095301	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1579	2331720304	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHNAHK2	010100095301	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1580	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	Nữ	23ĐHNAHK2	010100095301	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1581	2152210093	Lý Thị Kim	Hằng	Nữ	21ĐHNAHK	010100095302	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1582	2331720053	Đinh Hồng Hoài	Ân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100095303	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1583	2331720093	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	23ĐHNAHK1	010100095303	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1584	2331720107	Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNAHK1	010100095303	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1585	2331720188	Nguyễn Hiền	Linh	Nữ	23ĐHNAHK2	010100095303	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1586	2331720221	Nguyễn Lê Ý	Nhi	Nữ	23ĐHNAHK2	010100095303	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1587	2331720257	Nguyễn Phạm Uyên	Thy	Nữ	23ĐHNAHK2	010100095303	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1588	2331720258	Trương Vũ Hoàng	Phúc	Nam	23ĐHNAHK2	010100095303	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1589	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100095303	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1590	2331720405	Trần Hồng	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100095303	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1591	2331720436	Võ Mai	Thi	Nữ	23ĐHNAHK1	010100095303	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1
1592	2331720332	Phạm Hoài Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNADL	010100095702	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2
1593	2331720332	Phạm Hoài Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNADL	010100095802	Tiếng Anh Nghiệp vụ Nhà hàng Khách sạn
1594	2431720001	Trần Thị Thanh	Ngọc	Nữ	24ĐHNA01	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1595	2431720006	Võ Hoàng Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHNA01	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1596	2431720035	Lê Thị Ngọc	Giàu	Nữ	24ĐHNA01	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1597	2431720080	Hồ Nguyễn Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1598	2431720122	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1599	2431720134	Châu Huệ	Trân	Nữ	24ĐHNA03	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1600	2431720188	Nguyễn Lê Lan	Anh	Nữ	24ĐHNA04	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1601	2431720346	Ngô Thị Mỹ	Diễm	Nữ	24ĐHNA06	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1602	2431720367	Nhâm Thị Mai	Hoa	Nữ	24ĐHNA07	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1603	2431720374	Đào Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHNA07	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1604	2431720381	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	24ĐHNA07	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1605	2431720403	Lê Ngọc Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1606	2431720417	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1607	2431720025	Nguyễn Lê Tường	Vy	Nữ	24ĐHNA01	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1608	2431720037	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	24ĐHNA01	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1609	2431720042	Trần Mạnh	Cường	Nam	24ĐHNA01	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1610	2431720058	Châu Thái Thanh	Thư	Nữ	24ĐHNA01	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1611	2431720078	Lâm Hiếu	Nghi	Nữ	24ĐHNA02	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1612	2431720154	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	24ĐHNA03	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1613	2431720161	Phạm Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	24ĐHNA03	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1614	2431720203	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	24ĐHNA04	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1615	2431720375	Võ Thị Mỹ	Dung	Nữ	24ĐHNA07	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1616	2431720529	Phạm Thị	Mi	Nữ	24ĐHNA09	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1617	2431720072	Phan Trần Ngọc	Trân	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1618	2431720075	Võ Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1619	2431720097	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1620	2431720098	Trần Thị Ngọc	Thanh	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1621	2431720105	Phạm Hà Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1622	2431720108	Võ Nguyễn Ngọc	Thương	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1623	2431720111	Nguyễn Ngọc Thái	Như	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1624	2431720113	Nguyễn Lý Huyền	Trân	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1625	2431720115	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1626	2431720116	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1627	2431720119	Quách Trần Hoàng	Vy	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1628	2431720200	Nguyễn Diệu	Thanh	Nữ	24ĐHNA04	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1629	2431720238	Phạm Thanh	Hà	Nữ	24ĐHNA04	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1630	2431720239	Phan Ngọc Huế	Trân	Nữ	24ĐHNA04	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1631	2431720377	Đàm Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1632	2431720382	Mai Nguyễn Thu	Huệ	Nữ	24ĐHNA07	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1633	2431720388	Tạ Minh	Tâm	Nam	24ĐHNA07	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1634	2431720401	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1635	2431720413	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	24ĐHNA07	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1636	2431720416	Hoàng Minh	Ánh	Nữ	24ĐHNA07	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1637	2431720555	Mai Ngọc Bảo	Châu	Nữ	24ĐHNA04	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1638	2431720061	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1639	2431720084	Nguyễn Ngọc	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1640	2431720085	Nguyễn Như	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1641	2431720139	Lê Ngọc Thảo	Nhi	Nữ	24ĐHNA03	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1642	2431720333	Nguyễn Vân	Anh	Nữ	24ĐHNA06	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1643	2431720371	Trần Cẩm	Nhung	Nữ	24ĐHNA07	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1644	2431720383	Nhan Thị Tuyết	Nghi	Nữ	24ĐHNA07	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1645	2431720400	Lương Thái Kim	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1646	2431720410	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1647	2431720459	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Nữ	24ĐHNA08	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1648	2431720021	Huỳnh Văn Trúc	Uyên	Nữ	24ĐHNA01	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1649	2431720032	Lê Ái	Trân	Nữ	24ĐHNA01	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1650	2431720054	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	24ĐHNA01	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1651	2431720165	Hồ Nguyễn Tú	Quyên	Nữ	24ĐHNA03	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1652	2431720184	Hồng Khánh	Vy	Nữ	24ĐHNA04	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1653	2431720356	Nguyễn Trương Phương	Trinh	Nữ	24ĐHNA06	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1654	2431720384	Trần Đặng Mỹ	Huyền	Nữ	24ĐHNA07	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1655	2431720392	Trần Hà Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA07	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1656	2431720418	Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1657	2431720451	Đào Phạm Đan	Thanh	Nữ	24ĐHNA08	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1658	2431720456	Ngô Thị Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHNA08	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1659	2431720458	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	24ĐHNA08	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1660	2431720468	Nguyễn Phương Mai	Thi	Nữ	24ĐHNA08	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
1661	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	010100109501	Tiếng Anh 2
1662	2433520086	Lã Bùi Tuấn	Anh	Nam	24ĐAKT01	010100109501	Tiếng Anh 2
1663	2431540263	Đỗ Việt	Hoàn	Nam	24ĐHTT05	010100109501	Tiếng Anh 2
1664	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	010100109503	Tiếng Anh 2
1665	2431730043	Trịnh Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHDL01	010100109503	Tiếng Anh 2
1666	2431740224	Đào Bùi Anh	Thư	Nữ	24ĐHKVC2	010100109503	Tiếng Anh 2
1667	2250000130	Lê Ánh	Linh	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100109506	Tiếng Anh 2
1668	2258130109	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	22ĐHDL01	010100109506	Tiếng Anh 2
1669	2331530008	Nguyễn Thành	An	Nam	23ĐHTĐ01	010100109506	Tiếng Anh 2
1670	2331530046	Võ Tấn	Kiệt	Nam	23ĐHTĐ02	010100109506	Tiếng Anh 2
1671	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100109506	Tiếng Anh 2
1672	2431310109	Phan Minh	Hòa	Nữ	24ĐHQT02	010100109506	Tiếng Anh 2
1673	2431730303	Trang Thảo	Lam	Nữ	24ĐHDLKN	010100109506	Tiếng Anh 2
1674	2253440072	Hoàng Đỗ	Quyên	Nữ	22ĐHNL02	010100112001	Tiếng Anh 4
1675	2253440094	Nguyễn Trung	Hậu	Nam	22ĐHNL02	010100112001	Tiếng Anh 4
1676	2253410225	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22ĐHQTC2	010100112002	Tiếng Anh 4
1677	2258130065	Trương Trần Phương	Thảo	Nữ	22ĐHDL02	010100112002	Tiếng Anh 4
1678	2431320078	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100118402	Nguyên lý thống kê
1679	2431320079	Phan Thanh	Phát	Nam	24ĐHNL02	010100118402	Nguyên lý thống kê
1680	2431320102	Võ Hiền	Hậu	Nữ	24ĐHNL02	010100118402	Nguyên lý thống kê
1681	2431320141	Lưu Hoàng	Vũ	Nam	24ĐHNL03	010100118402	Nguyên lý thống kê
1682	2431320070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100118403	Nguyên lý thống kê
1683	2431320081	Nguyễn Khoa Chiêu	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100118403	Nguyên lý thống kê
1684	2431320089	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100118403	Nguyên lý thống kê
1685	2431320098	Lê Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100118403	Nguyên lý thống kê
1686	2431320107	Tô Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHNL02	010100118403	Nguyên lý thống kê
1687	2431320109	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	24ĐHNL02	010100118403	Nguyên lý thống kê
1688	2431320115	La Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL02	010100118403	Nguyên lý thống kê
1689	2431320122	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100118403	Nguyên lý thống kê
1690	2431320165	Võ Bảo	Khánh	Nữ	24ĐHNL03	010100118403	Nguyên lý thống kê
1691	2431320052	Lê Thanh	Nhi	Nữ	24ĐHNL01	010100118404	Nguyên lý thống kê
1692	2431320058	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL01	010100118404	Nguyên lý thống kê

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1693	2431320061	Nguyễn Văn	Dung	Nữ	24ĐHNL02	010100118404	Nguyên lý thống kê
1694	2431320085	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100118404	Nguyên lý thống kê
1695	2431320088	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100118404	Nguyên lý thống kê
1696	2431320091	Bùi Ngọc	Ngân	Nữ	24ĐHNL02	010100118404	Nguyên lý thống kê
1697	2431320154	Đỗ Nguyễn Thu	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100118404	Nguyên lý thống kê
1698	2431320155	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL03	010100118404	Nguyên lý thống kê
1699	2431320173	Phạm Trần Mai	Phương	Nữ	24ĐHNL03	010100118404	Nguyên lý thống kê
1700	2431320042	Nguyễn Cao	Thành	Nam	24ĐHNL01	010100118405	Nguyên lý thống kê
1701	2431320116	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHNL02	010100118405	Nguyên lý thống kê
1702	2431320123	Nguyễn Yến	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100118405	Nguyên lý thống kê
1703	2431320218	Nguyễn Thị Phước	Lộc	Nữ	24ĐHNL04	010100118405	Nguyên lý thống kê
1704	2431320243	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	24ĐHNL05	010100118405	Nguyên lý thống kê
1705	2431320250	Dương Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHNL05	010100118405	Nguyên lý thống kê
1706	2431320272	Đỗ Nguyễn Phương	Trinh	Nữ	24ĐHNL05	010100118405	Nguyên lý thống kê
1707	2331320027	Hoàng Ngọc Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNL04	010100119201	Đào tạo và phát triển
1708	2331320028	Hoàng Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNL04	010100119201	Đào tạo và phát triển
1709	2331320131	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL03	010100119201	Đào tạo và phát triển
1710	2331320135	Quang Bảo	Nghi	Nữ	23ĐHNL03	010100119201	Đào tạo và phát triển
1711	2331320159	Đoàn Lan Kim	Khánh	Nữ	23ĐHNL03	010100119201	Đào tạo và phát triển
1712	2331320171	Trần Lương Thuận	Trân	Nữ	23ĐHNL03	010100119201	Đào tạo và phát triển
1713	2253440072	Hoàng Đỗ	Quyên	Nữ	22ĐHNL02	010100119202	Đào tạo và phát triển
1714	2331320001	Hồ Ngọc Thuy	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100119202	Đào tạo và phát triển
1715	2331320049	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL04	010100119203	Đào tạo và phát triển
1716	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo	Như	Nữ	22ĐHNL01	010100119204	Đào tạo và phát triển
1717	2331320011	Trần Lê Yến	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100119204	Đào tạo và phát triển
1718	2331320058	Cao Trần Khánh	Huyền	Nữ	23ĐHNL01	010100119204	Đào tạo và phát triển
1719	2331320077	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23ĐHNL04	010100119204	Đào tạo và phát triển
1720	2331320092	Nguyễn Phạm Ánh	Vy	Nữ	23ĐHNL02	010100119204	Đào tạo và phát triển
1721	2331320094	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	23ĐHNL02	010100119204	Đào tạo và phát triển
1722	2331320095	Trần Thư	Kỳ	Nữ	23ĐHNL02	010100119204	Đào tạo và phát triển
1723	2331320101	Đỗ Thảo	My	Nữ	23ĐHNL02	010100119204	Đào tạo và phát triển
1724	2331320104	Nguyễn Ngọc Hoài	An	Nữ	23ĐHNL02	010100119204	Đào tạo và phát triển
1725	2331320107	Nguyễn Ngô Ngọc	Linh	Nữ	23ĐHNL02	010100119204	Đào tạo và phát triển
1726	2431320042	Nguyễn Cao	Thành	Nam	24ĐHNL01	010100121201	Luật lao động

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1727	2431320061	Nguyễn Văn	Dung	Nữ	24ĐHNL02	010100121201	Luật lao động
1728	2431320079	Phan Thanh	Phát	Nam	24ĐHNL02	010100121201	Luật lao động
1729	2431320085	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100121201	Luật lao động
1730	2431320088	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100121201	Luật lao động
1731	2331320131	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL03	010100121202	Luật lao động
1732	2331320135	Quang Bảo	Nghi	Nữ	23ĐHNL03	010100121202	Luật lao động
1733	2331320159	Đoàn Lan Kim	Khánh	Nữ	23ĐHNL03	010100121202	Luật lao động
1734	2431320078	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100121202	Luật lao động
1735	2431320098	Lê Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100121202	Luật lao động
1736	2431320102	Võ Hiền	Hậu	Nữ	24ĐHNL02	010100121202	Luật lao động
1737	2431320107	Tô Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHNL02	010100121202	Luật lao động
1738	2431320109	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	24ĐHNL02	010100121202	Luật lao động
1739	2431320089	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100121203	Luật lao động
1740	2431320112	Lê Thanh	An	Nam	24ĐHNL02	010100121203	Luật lao động
1741	2431320115	La Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL02	010100121203	Luật lao động
1742	2431320116	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHNL02	010100121203	Luật lao động
1743	2431320122	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100121203	Luật lao động
1744	2431320123	Nguyễn Yến	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100121203	Luật lao động
1745	2431320155	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL03	010100121203	Luật lao động
1746	2431320165	Võ Bảo	Khánh	Nữ	24ĐHNL03	010100121203	Luật lao động
1747	2431320167	Phan Trịnh Yến	Ngọc	Nữ	24ĐHNL03	010100121203	Luật lao động
1748	2431320218	Nguyễn Thị Phước	Lộc	Nữ	24ĐHNL04	010100121203	Luật lao động
1749	2431320250	Dương Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHNL05	010100121203	Luật lao động
1750	2431320028	Huỳnh Trọng	An	Nam	24ĐHNL01	010100121204	Luật lao động
1751	2431320052	Lê Thanh	Nhi	Nữ	24ĐHNL01	010100121204	Luật lao động
1752	2431320058	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL01	010100121204	Luật lao động
1753	2431320081	Nguyễn Khoa Chiêu	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100121204	Luật lao động
1754	2431320173	Phạm Trần Mai	Phương	Nữ	24ĐHNL03	010100121204	Luật lao động
1755	2431320278	Trần Thị Thu	Ngân	Nữ	24ĐHNL05	010100121204	Luật lao động
1756	2431320070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100121205	Luật lao động
1757	2431320091	Bùi Ngọc	Ngân	Nữ	24ĐHNL02	010100121205	Luật lao động
1758	2431320141	Lưu Hoàng	Vũ	Nam	24ĐHNL03	010100121205	Luật lao động
1759	2431320272	Đỗ Nguyễn Phương	Trinh	Nữ	24ĐHNL05	010100121205	Luật lao động
1760	2331720093	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	23ĐHNAHK1	010100121601	Cú pháp học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1761	2331720360	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	23ĐHNATM4	010100121601	Cú pháp học
1762	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHNATM4	010100121601	Cú pháp học
1763	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	Nữ	23ĐHNATM4	010100121601	Cú pháp học
1764	2331720374	Phan Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNATM4	010100121601	Cú pháp học
1765	2331720393	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	Nữ	23ĐHNATM4	010100121601	Cú pháp học
1766	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNATM4	010100121601	Cú pháp học
1767	2331720421	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNATM4	010100121601	Cú pháp học
1768	2331720462	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	Nữ	23ĐHNATM2	010100121601	Cú pháp học
1769	2331720039	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	23ĐHNATM1	010100121602	Cú pháp học
1770	2331720050	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	23ĐHNATM1	010100121602	Cú pháp học
1771	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	Nữ	23ĐHNATM3	010100121602	Cú pháp học
1772	2331720284	Lê Thị Thảo	Tiên	Nữ	23ĐHNATM4	010100121602	Cú pháp học
1773	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100121602	Cú pháp học
1774	2331720178	Dương Thị Ngọc	Dung	Nữ	23ĐHNAHK2	010100121603	Cú pháp học
1775	2331720187	Đinh Hoàng Ánh	Nguyệt	Nữ	23ĐHNATM2	010100121603	Cú pháp học
1776	2331720211	Hoàng Hải	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100121603	Cú pháp học
1777	2331720213	Mai Nguyễn Xuân	Thảo	Nữ	23ĐHNATM3	010100121603	Cú pháp học
1778	2331720181	Nguyễn Thị Hiếu	Thảo	Nữ	23ĐHNATM3	010100121605	Cú pháp học
1779	2331720201	Hà Tường	Vy	Nữ	23ĐHNATM3	010100121605	Cú pháp học
1780	2331720258	Trương Vũ Hoàng	Phúc	Nam	23ĐHNAHK2	010100121605	Cú pháp học
1781	2331720024	Lê Đăng Quốc	Bảo	Nam	23ĐHNATM1	010100121606	Cú pháp học
1782	2331720082	Nguyễn Quang	Huy	Nam	23ĐHNATM1	010100121606	Cú pháp học
1783	2331720161	Đoàn Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM2	010100121606	Cú pháp học
1784	2331720220	Lê Thị	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100121606	Cú pháp học
1785	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM3	010100121606	Cú pháp học
1786	2331720236	Nguyễn Cẩm	Xuân	Nữ	23ĐHNATM3	010100121606	Cú pháp học
1787	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	Nữ	23ĐHNATM3	010100121606	Cú pháp học
1788	2331720255	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHNATM3	010100121606	Cú pháp học
1789	2331720257	Nguyễn Phạm Uyên	Thy	Nữ	23ĐHNAHK2	010100121606	Cú pháp học
1790	2331720267	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	23ĐHNATM3	010100121606	Cú pháp học
1791	2331720292	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	23ĐHNATM3	010100121606	Cú pháp học
1792	2331720441	Nguyễn Nhật	Trường	Nam	23ĐHNATM3	010100121606	Cú pháp học
1793	2331720304	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHNAHK2	010100121607	Cú pháp học
1794	2331720308	Ngô Thuỳ Thảo	Trình	Nữ	23ĐHNATM4	010100121607	Cú pháp học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1795	2331720336	Nguyễn Hoàng Cát	Tiên	Nữ	23ĐHNATM4	010100121607	Cú pháp học
1796	2331720169	Đỗ Thị Kim	Mân	Nữ	23ĐHNATM2	010100121609	Cú pháp học
1797	2331720175	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Quỳnh	Nữ	23ĐHNATM3	010100121609	Cú pháp học
1798	2331720182	Phạm Hoàng Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHNATM2	010100121609	Cú pháp học
1799	2331720184	Lê Thùy Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHNATM2	010100121609	Cú pháp học
1800	2331720186	Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100121609	Cú pháp học
1801	2331720193	Lê Phương	Uyên	Nữ	23ĐHNATM3	010100121609	Cú pháp học
1802	2331720196	Trương Gia	Linh	Nữ	23ĐHNATM2	010100121609	Cú pháp học
1803	2331720203	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHNATM3	010100121609	Cú pháp học
1804	2331720260	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100121609	Cú pháp học
1805	2331720271	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100121609	Cú pháp học
1806	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐHNATM3	010100121609	Cú pháp học
1807	2331720438	Huỳnh Thùy Minh	Á	Nữ	23ĐHNATM2	010100121609	Cú pháp học
1808	2331720188	Nguyễn Hiền	Linh	Nữ	23ĐHNAHK2	010100121610	Cú pháp học
1809	2331720221	Nguyễn Lê Ý	Nhi	Nữ	23ĐHNAHK2	010100121610	Cú pháp học
1810	2331720332	Phạm Hoài Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNADL	010100121610	Cú pháp học
1811	2331720405	Trần Hồng	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100121610	Cú pháp học
1812	2331720436	Võ Mai	Thi	Nữ	23ĐHNAHK1	010100121610	Cú pháp học
1813	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	Nữ	23ĐHNAHK2	010100121610	Cú pháp học
1814	2331720449	Phạm Tường	Vi	Nữ	23ĐHNATM4	010100121610	Cú pháp học
1815	2331720053	Đinh Hồng Hoài	Ân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100122301	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1816	2331720178	Dương Thị Ngọc	Dung	Nữ	23ĐHNAHK2	010100122301	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1817	2331720221	Nguyễn Lê Ý	Nhi	Nữ	23ĐHNAHK2	010100122301	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1818	2331720093	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	23ĐHNAHK1	010100122302	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1819	2331720202	Nguyễn Thiên	Kim	Nữ	23ĐHNAHK2	010100122302	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1820	2331720013	Lê Thị Tuyết	Anh	Nữ	23ĐHNAHK1	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1821	2331720027	Đặng Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1822	2331720051	Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	23ĐHNAHK1	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1823	2331720107	Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNAHK1	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1824	2331720188	Nguyễn Hiền	Linh	Nữ	23ĐHNAHK2	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1825	2331720257	Nguyễn Phạm Uyên	Thy	Nữ	23ĐHNAHK2	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1826	2331720258	Trương Vũ Hoàng	Phúc	Nam	23ĐHNAHK2	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1827	2331720304	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHNAHK2	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1828	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1829	2331720405	Trần Hồng	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1830	2331720436	Võ Mai	Thi	Nữ	23ĐHNAHK1	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1831	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	Nữ	23ĐHNAHK2	010100122303	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1
1832	2255130063	Bùi Đoàn Nguyễn	Hung	Nam	22ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch
1833	2331730014	Phạm Thị Kim	Thi	Nữ	23ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch
1834	2331730018	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	23ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch
1835	2331730033	Chiêm Nguyễn Minh	Thư	Nữ	23ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch
1836	2331730037	Lê Ngọc Như	Ý	Nữ	23ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch
1837	2331730064	Vũ Hoàng Gia	Huy	Nam	23ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch
1838	2331730066	Phạm Thị Mỹ	Châu	Nữ	23ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch
1839	2331730069	Đoàn Thái	Thanh	Nữ	23ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch
1840	2331730077	Bùi Minh	Tiến	Nam	23ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch
1841	2331730015	Đỗ Thị Diệu	Như	Nữ	23ĐHDL01	010100124302	Luật du lịch
1842	2331730035	Lê Minh	Giàu	Nam	23ĐHDL01	010100124302	Luật du lịch
1843	2331730054	Nguyễn Đức Tiến	Đạt	Nam	23ĐHDL01	010100124302	Luật du lịch
1844	2331730061	Trần Nghi	Thư	Nữ	23ĐHDL01	010100124302	Luật du lịch
1845	2331730140	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23ĐHDL03	010100124302	Luật du lịch
1846	2331730146	Lưu Hồng	Phát	Nam	23ĐHDL03	010100124302	Luật du lịch
1847	2331730247	Lê Minh	Toàn	Nam	23ĐHDL03	010100124302	Luật du lịch
1848	2258130114	Trần Như	Thụy	Nữ	22ĐHDL02	010100124303	Luật du lịch
1849	2331730043	Đoàn Gia	Hào	Nam	23ĐHDL01	010100124303	Luật du lịch
1850	2252210013	Bùi Tấn	Duy	Nam	22ĐHNAHK	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1851	2331720175	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Quỳnh	Nữ	23ĐHNATM3	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1852	2331720186	Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1853	2431720033	Cù Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1854	2431720040	Đặng Thùy	Linh	Nữ	24ĐHNA01	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1855	2431720052	Lê Hà Hương	Linh	Nữ	24ĐHNA01	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1856	2431720245	Đoàn Hiếu	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1857	2431720257	Lê Ngọc Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNA05	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1858	2431720264	Nguyễn Thành	Long	Nam	24ĐHNA05	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1859	2431720267	Nguyễn Phan Thảo	Linh	Nữ	24ĐHNA05	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1860	2431720270	Võ Trần Diễm	My	Nữ	24ĐHNA05	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1861	2431720271	Đỗ Võ Tường	Vi	Nữ	24ĐHNA05	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1862	2431720277	Huỳnh Tiến	Dũng	Nam	24ĐHNA05	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1863	2431720282	Bùi Trần Nhật	Minh	Nam	24ĐHNA05	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1864	2431720372	Lương Hiếu	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1865	2431720018	Nguyễn Võ Chang	Mi	Nữ	24ĐHNA01	010100132202	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1866	2431720060	Nguyễn Trương Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA01	010100132202	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1867	2431720258	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	24ĐHNA05	010100132202	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1868	2431720291	Tô Hoàng Thảo	Nhi	Nữ	24ĐHNA05	010100132202	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1869	2431720297	Hồ Ngọc Cát	Tường	Nữ	24ĐHNA05	010100132202	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1870	2431720349	Đậu Thị Thanh	Thúy	Nữ	24ĐHNA06	010100132202	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1871	2331720217	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	Nữ	23ĐHNATM2	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1872	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	Nữ	23ĐHNATM3	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1873	2331720255	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHNATM3	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1874	2331720348	Mai Liêng Mỹ	Trà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1875	2331720351	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHNAHK2	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1876	2431720022	Phan Ngọc Khả	Nhu	Nữ	24ĐHNA01	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1877	2431720044	Huỳnh Gia	Hân	Nữ	24ĐHNA01	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1878	2431720051	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	24ĐHNA01	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1879	2431720055	Nguyễn Nhật Yên	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1880	2431720070	Phạm Đỗ Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1881	2431720094	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	24ĐHNA02	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1882	2431720156	Võ Thị Yên	Nhi	Nữ	24ĐHNA03	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1883	2431720287	Võ Hoàng Nam	Phương	Nữ	24ĐHNA05	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1884	2431720293	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1885	2431720301	Ngô Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1886	2431720364	Bùi Hương	Giang	Nữ	24ĐHNA07	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1887	2431720443	Trương Thái	Như	Nữ	24ĐHNA08	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1888	2431720531	Lưu Ngọc	Thương	Nữ	24ĐHNA09	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1889	2431720542	Lê Mai	Ngọc	Nữ	24ĐHNA09	010100132203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1890	2252210102	Nguyễn Phương	Vy	Nữ	22ĐHNATM2	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1891	2331720108	Nông Thị Thúy	Kiều	Nữ	23ĐHNAHK1	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1892	2431720062	Trần Nguyễn Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1893	2431720093	Tiêu Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNA02	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1894	2431720201	Lê Các	Vi	Nữ	24ĐHNA04	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1895	2431720217	Đào Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHNA04	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1896	2431720273	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA05	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1897	2431720292	Nguyễn Kiều	Vy	Nữ	24ĐHNA05	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1898	2431720294	Phạm Hải	Trân	Nữ	24ĐHNA05	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1899	2431720295	Huỳnh Minh	Tiến	Nam	24ĐHNA05	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1900	2431720420	Phan Thị Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100132207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1901	2152210047	Nguyễn Ngọc Trà	My	Nữ	21ĐHNATM	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1902	2331720050	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	23ĐHNATM1	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1903	2331720187	Đinh Hoàng Ánh	Nguyệt	Nữ	23ĐHNATM2	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1904	2431720076	Liên Quốc	Quân	Nam	24ĐHNA02	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1905	2431720095	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1906	2431720193	Trần Ngọc Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA04	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1907	2431720205	Trần Phương	Anh	Nữ	24ĐHNA04	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1908	2431720208	Lê Bảo	Nghi	Nữ	24ĐHNA04	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1909	2431720268	Dương Phước	Sang	Nam	24ĐHNA05	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1910	2431720290	Ngô Mỹ	Thư	Nữ	24ĐHNA05	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1911	2431720369	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHNA07	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1912	2431720440	Phùng Hải	Yến	Nữ	24ĐHNA08	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1913	2431720447	Đỗ Thúy	Phận	Nữ	24ĐHNA08	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1914	2431720529	Phạm Thị	Mi	Nữ	24ĐHNA09	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1915	2252210070	Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	22ĐHNATM2	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1916	2252210071	Huỳnh Thảo	Nguyên	Nữ	22ĐHNATM2	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1917	2252210074	Võ Huỳnh	Anh	Nữ	22ĐHNATM1	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1918	2252210076	Trương Quế	Ngân	Nữ	22ĐHNATM2	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1919	2252210080	Lê Hoài Bảo	Uyên	Nữ	22ĐHNATM2	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1920	2252210090	Lê Anh	Thư	Nữ	22ĐHNADL	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1921	2252210091	Nguyễn Trần Khả	Uyên	Nữ	22ĐHNATM2	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1922	2252210094	Trần Ngọc Lan	Anh	Nữ	22ĐHNADL	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1923	2252210161	Phạm Đoàn Phi	Yến	Nữ	22ĐHNAHK	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1924	2331720436	Võ Mai	Thi	Nữ	23ĐHNAHK1	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1925	2431720261	Nguyễn Xuân Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100132211	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1926	2431720269	Phạm Khánh	Trân	Nữ	24ĐHNA05	010100132211	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2
1927	2331320011	Trần Lê Yến	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100138501	Lập kế hoạch kinh doanh
1928	2331320058	Cao Trần Khánh	Huyền	Nữ	23ĐHNL01	010100138501	Lập kế hoạch kinh doanh
1929	2331320094	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	23ĐHNL02	010100138501	Lập kế hoạch kinh doanh
1930	2331320107	Nguyễn Ngô Ngọc	Linh	Nữ	23ĐHNL02	010100138501	Lập kế hoạch kinh doanh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1931	2253440072	Hoàng Đỗ	Quyên	Nữ	22ĐHNL02	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1932	2331320028	Hoàng Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNL04	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1933	2331320077	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23ĐHNL04	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1934	2331320092	Nguyễn Phạm Ánh	Vy	Nữ	23ĐHNL02	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1935	2331320095	Trần Thư	Kỳ	Nữ	23ĐHNL02	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1936	2331320101	Đỗ Thảo	My	Nữ	23ĐHNL02	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1937	2331320104	Nguyễn Ngọc Hoài	An	Nữ	23ĐHNL02	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1938	2331320131	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL03	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1939	2331320135	Quang Bảo	Nghi	Nữ	23ĐHNL03	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1940	2331320159	Đoàn Lan Kim	Khánh	Nữ	23ĐHNL03	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1941	2331320171	Trần Lương Thuận	Trân	Nữ	23ĐHNL03	010100138503	Lập kế hoạch kinh doanh
1942	2331310037	Nguyễn Thị Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100145401	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1943	2331310194	Trần Anh	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100145401	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1944	2331310199	Võ Ngọc Phương	Uyên	Nữ	23ĐHQTC2	010100145401	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1945	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100145401	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1946	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100145401	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1947	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100145401	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1948	2331310584	Phạm Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTVT1	010100145401	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1949	2331310317	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100145402	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1950	2331310318	Phan Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100145402	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1951	2331310329	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100145402	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1952	2331310519	Mai Phương	Anh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100145402	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1953	2331310571	Nguyễn Phan Minh	Hạnh	Nữ	23ĐHQTC2	010100145402	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1954	2331310580	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100145402	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1955	2331310217	Lê Thị Cẩm	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100145403	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1956	2331310315	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQATAN	010100145403	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1957	2331310360	Ngô Hoàng Kiều	Oanh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100145403	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1958	2331310369	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100145403	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1959	2331310380	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100145403	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1960	2331310383	Tạ Phương	Lan	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100145403	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1961	2331310384	Trịnh Thu	Ngân	Nữ	23ĐHQTC3	010100145403	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1962	2331310385	Nguyễn Ngọc Phú	Linh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100145403	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1963	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100145403	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1964	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTVT1	010100145403	Quản trị sáng tạo và đổi mới

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1965	2331310018	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23ĐHQTVT1	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1966	2331310044	Nguyễn Trường Lan	Trinh	Nữ	23ĐHQTC1	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1967	2331310050	Trần Ngọc Yến	My	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1968	2331310056	Lê Thị Ngọc	Diễm	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1969	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1970	2331310128	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	Nữ	23ĐHQTC1	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1971	2331310147	Phan Thị Mỹ	Kim	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1972	2331720138	Nguyễn Trần Yến	My	Nữ	23ĐHQTC1	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1973	2331720160	Trần Ngọc Yến	Vy	Nữ	23ĐHQTC1	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1974	2331310349	Phạm Thanh	Hiền	Nữ	23ĐHQTC2	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1975	2331310378	Mai Thị	Hương	Nữ	23ĐHQTC3	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1976	2331310399	Tô Hồng	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1977	2331310420	Phan Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTC2	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1978	2331310421	Vương Ngọc	Thảo	Nữ	23ĐHQTC3	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1979	2331310428	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1980	2331310455	Nguyễn Dương Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100145404	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1981	2331310179	Trần Phạm Thanh	Vy	Nữ	23ĐHQTC2	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1982	2331310219	Bùi Dương Tổ	Như	Nữ	23ĐHQTC2	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1983	2331310232	Nguyễn Nhật	Thanh	Nữ	23ĐHQTC2	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1984	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1985	2331310320	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1986	2331310366	Phan Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHQTC3	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1987	2331310432	Phạm Thị Minh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1988	2331310434	Đào Thị Thuỳ	Linh	Nữ	23ĐHQTC2	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1989	2331310439	Trần Thanh	Thanh	Nữ	23ĐHQTC3	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1990	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1991	2331310534	Dương Phạm Tường	Anh	Nữ	23ĐHQTC2	010100145405	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1992	2331310419	Mai Thị Kim	Mỹ	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100145407	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1993	2331310488	Võ Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100145407	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1994	2331310504	Phạm Thị Ánh	Hà	Nữ	23ĐHQTC3	010100145407	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1995	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100145407	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1996	2331310119	Trương Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC1	010100145408	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1997	2331310136	Nguyễn Thuỳ	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100145408	Quản trị sáng tạo và đổi mới
1998	2331310140	Phan Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100145408	Quản trị sáng tạo và đổi mới

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1999	2331310546	Nguyễn Thị Tú	Viên	Nữ	23ĐHQTVT2	010100145408	Quản trị sáng tạo và đổi mới
2000	2331710007	Nguyễn Lê Ngọc	Phụng	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100146601	Luật thương mại QT
2001	2331740167	Nguyễn Trúc	Huỳnh	Nữ	23ĐHKVKH	010100146601	Luật thương mại QT
2002	2431740029	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	24ĐHKVC1	010100146601	Luật thương mại QT
2003	2431740065	Nguyễn Thiên	Phú	Nam	24ĐHKVC1	010100146601	Luật thương mại QT
2004	2431740101	Lê Ngọc Như	Đoan	Nữ	24ĐHKVC1	010100146601	Luật thương mại QT
2005	2431740141	Phan Hoàng Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC1	010100146601	Luật thương mại QT
2006	2431740163	Lê Dạ	Thảo	Nữ	24ĐHKVC1	010100146601	Luật thương mại QT
2007	2431740190	Phan Tấn	Đạt	Nam	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2008	2431740196	Lý Thị Huyền	Trình	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2009	2431740208	Lê Ngọc Bảo	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2010	2431740209	Nguyễn Hoàng Tô	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2011	2431740241	Nguyễn Lê Bảo	Hân	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2012	2431740242	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2013	2431740244	Nguyễn Tuyết	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2014	2431740253	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2015	2431740310	Nguyễn Hải	Dương	Nam	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2016	2431740320	Phạm Thị Quỳnh	Hương	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2017	2431740321	Hoàng Gia	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2018	2431740326	Lê Hà Minh	Vy	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2019	2431740330	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2020	2431740336	Nguyễn Hải	Ngân	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2021	2431740339	Tăng Thủy	Trúc	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2022	2431740341	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2023	2431740342	Đỗ Văn Vũ	Duy	Nam	24ĐHKVC2	010100146601	Luật thương mại QT
2024	2331740092	Mai Thị Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100146602	Luật thương mại QT
2025	2331740199	Huỳnh Lê Phương	Trúc	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100146602	Luật thương mại QT
2026	2431740095	Mai Diệp Thiên	Kim	Nữ	24ĐHKVC1	010100146602	Luật thương mại QT
2027	2431740111	Vì Việt	Hoàng	Nam	24ĐHKVC1	010100146602	Luật thương mại QT
2028	2431740168	Lương Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC1	010100146602	Luật thương mại QT
2029	2431740216	Châu Ai	Len	Nữ	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT
2030	2431740224	Đào Bùi Anh	Thư	Nữ	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT
2031	2431740240	Nguyễn Hoàng Kim	Yến	Nữ	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT
2032	2431740255	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2033	2431740325	Nguyễn Phương	Thoa	Nữ	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT
2034	2431740327	Võ Thủy Triều	Tiên	Nữ	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT
2035	2431740333	Trương Quang	Khánh	Nam	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT
2036	2431740338	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT
2037	2431740347	Trần Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT
2038	2431740348	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT
2039	2431740364	Hồ Văn	Quý	Nam	24ĐHKVC2	010100146602	Luật thương mại QT
2040	2331310315	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQATAN	010100149501	Môi trường an ninh Hàng không toàn cầu
2041	2331310037	Nguyễn Thị Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100150101	Quản trị quan hệ khách hàng
2042	2331310044	Nguyễn Trường Lan	Trình	Nữ	23ĐHQTC1	010100150101	Quản trị quan hệ khách hàng
2043	2331310140	Phan Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100150101	Quản trị quan hệ khách hàng
2044	2331310378	Mai Thị	Hương	Nữ	23ĐHQTC3	010100150101	Quản trị quan hệ khách hàng
2045	2331310504	Phạm Thị Ánh	Hà	Nữ	23ĐHQTC3	010100150101	Quản trị quan hệ khách hàng
2046	2331310033	Phan Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC1	010100150102	Quản trị quan hệ khách hàng
2047	2331720138	Nguyễn Trần Yến	My	Nữ	23ĐHQTC1	010100150102	Quản trị quan hệ khách hàng
2048	2331720160	Trần Ngọc Yến	Vy	Nữ	23ĐHQTC1	010100150102	Quản trị quan hệ khách hàng
2049	2331310018	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23ĐHQTVT1	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2050	2331310056	Lê Thị Ngọc	Diễm	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2051	2331310128	Nguyễn Thị Thuý	Dương	Nữ	23ĐHQTC1	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2052	2331310420	Phan Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTC2	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2053	2331310421	Vương Ngọc	Thảo	Nữ	23ĐHQTC3	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2054	2331310428	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2055	2331310429	Nguyễn Hà An	Thái	Nam	23ĐHQTTTH2	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2056	2331310432	Phạm Thị Minh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2057	2331310439	Trần Thanh	Thanh	Nữ	23ĐHQTC3	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2058	2331310455	Nguyễn Dương Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2059	2331310519	Mai Phương	Anh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2060	2331310580	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100150103	Quản trị quan hệ khách hàng
2061	2331310179	Trần Phạm Thanh	Vy	Nữ	23ĐHQTC2	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2062	2331310219	Bùi Dương Tố	Như	Nữ	23ĐHQTC2	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2063	2331310232	Nguyễn Nhật	Thanh	Nữ	23ĐHQTC2	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2064	2331310360	Ngô Hoàng Kiều	Oanh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2065	2331310369	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2066	2331310383	Tạ Phương	Lan	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2067	2331310384	Trịnh Thu	Ngân	Nữ	23ĐHQTC3	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2068	2331310387	Đào Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2069	2331310419	Mai Thị Kim	Mỹ	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2070	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2071	2331310488	Võ Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2072	2331310534	Dương Phạm Tường	Anh	Nữ	23ĐHQTC2	010100150105	Quản trị quan hệ khách hàng
2073	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100150106	Quản trị quan hệ khách hàng
2074	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100150106	Quản trị quan hệ khách hàng
2075	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100150106	Quản trị quan hệ khách hàng
2076	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100150106	Quản trị quan hệ khách hàng
2077	2331310119	Trương Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC1	010100150108	Quản trị quan hệ khách hàng
2078	2331310136	Nguyễn Thuý	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100150108	Quản trị quan hệ khách hàng
2079	2331310147	Phan Thị Mỹ	Kim	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100150108	Quản trị quan hệ khách hàng
2080	2331310194	Trần Anh	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100150108	Quản trị quan hệ khách hàng
2081	2331310349	Phạm Thanh	Hiền	Nữ	23ĐHQTC2	010100150108	Quản trị quan hệ khách hàng
2082	2331310399	Tô Hồng	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100150108	Quản trị quan hệ khách hàng
2083	2331310546	Nguyễn Thị Tú	Viên	Nữ	23ĐHQTVT2	010100150108	Quản trị quan hệ khách hàng
2084	2331310584	Phạm Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTVT1	010100150108	Quản trị quan hệ khách hàng
2085	2331310050	Trần Ngọc Yến	My	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100150110	Quản trị quan hệ khách hàng
2086	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100150110	Quản trị quan hệ khách hàng
2087	2331310315	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQTTAN	010100150110	Quản trị quan hệ khách hàng
2088	2331310317	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100150110	Quản trị quan hệ khách hàng
2089	2331310318	Phan Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100150110	Quản trị quan hệ khách hàng
2090	2331310320	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100150110	Quản trị quan hệ khách hàng
2091	2331310329	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100150110	Quản trị quan hệ khách hàng
2092	2331310366	Phan Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHQTC3	010100150110	Quản trị quan hệ khách hàng
2093	2331310434	Đào Thị Thuý	Linh	Nữ	23ĐHQTC2	010100150110	Quản trị quan hệ khách hàng
2094	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100150110	Quản trị quan hệ khách hàng
2095	2334330016	Phan Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐAQT01	010100152001	International Marketing
2096	2334330045	Trần Phương	Thùy	Nữ	23ĐAQT01	010100152001	International Marketing
2097	2431310004	Hoàng Thủy Ngọc	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management
2098	2431310458	Phùng Thị Mộng	Thy	Nữ	24ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management
2099	2431310459	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management
2100	2431310461	Trần Gia	Hân	Nữ	24ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2101	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management
2102	2431310471	Phạm Thùy	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management
2103	2431310004	Hoàng Thủy Ngọc	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100153201	Marketing Management
2104	2431310458	Phùng Thị Mộng	Thy	Nữ	24ĐAQT01	010100153201	Marketing Management
2105	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100153201	Marketing Management
2106	2334330016	Phan Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐAQT01	010100154001	Aviation Safety
2107	2334330045	Trần Phương	Thùy	Nữ	23ĐAQT01	010100154001	Aviation Safety
2108	2431310004	Hoàng Thủy Ngọc	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100154201	Aviation Law
2109	2431310458	Phùng Thị Mộng	Thy	Nữ	24ĐAQT01	010100154201	Aviation Law
2110	2431310459	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAQT01	010100154201	Aviation Law
2111	2431310461	Trần Gia	Hân	Nữ	24ĐAQT01	010100154201	Aviation Law
2112	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100154201	Aviation Law
2113	2431310471	Phạm Thùy	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100154201	Aviation Law
2114	2334330016	Phan Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐAQT01	010100154601	Commercial Aircraft Operation
2115	2334330045	Trần Phương	Thùy	Nữ	23ĐAQT01	010100154601	Commercial Aircraft Operation
2116	2334330016	Phan Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐAQT01	010100155001	Customer relationship Management
2117	2334330045	Trần Phương	Thùy	Nữ	23ĐAQT01	010100155001	Customer relationship Management
2118	2334330016	Phan Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐAQT01	010100155201	Enterprise Risk Management
2119	2334330045	Trần Phương	Thùy	Nữ	23ĐAQT01	010100155201	Enterprise Risk Management
2120	2334330018	Phan Thành	Nam	Nam	23ĐAQT01	010100155401	International Business
2121	2431310004	Hoàng Thủy Ngọc	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100155401	International Business
2122	2431310458	Phùng Thị Mộng	Thy	Nữ	24ĐAQT01	010100155401	International Business
2123	2431310459	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAQT01	010100155401	International Business
2124	2431310461	Trần Gia	Hân	Nữ	24ĐAQT01	010100155401	International Business
2125	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100155401	International Business
2126	2431310471	Phạm Thùy	Linh	Nữ	24ĐAQT01	010100155401	International Business
2127	2331740065	Phan Thị Cẩm	Thi	Nữ	23ĐHKVLQ1	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2128	2331740108	Trần Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKVLQ2	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2129	2331740207	Đàm Thị	Nương	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2130	2331740222	Nguyễn Cao Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2131	2331740223	Trần Đặng Thanh	Huyền	Nữ	23ĐHKVLQ2	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2132	2331740255	Tôn Nữ Minh	Anh	Nữ	23ĐHKVLQ2	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2133	2331740261	Phạm Thị Ngọc	Quyên	Nữ	23ĐHKVLQ1	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2134	2331740271	Trịnh Thị	Quỳnh	Nữ	23ĐHKVLQ1	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2135	2431330003	Đinh Ngô Khánh	Linh	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2136	2431330009	Trương Quang	Huy	Nam	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2137	2431330017	Trương Thị Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2138	2431330022	Nguyễn Ngọc An	Tâm	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2139	2431330023	Nguyễn Hoàng Tinh	Thuận	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2140	2431330026	Trần Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2141	2431330028	Phùng Như Bảo	Nghi	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2142	2431330030	Võ Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2143	2431330036	Trần Thị Hiền	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2144	2431330039	Thái Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2145	2431330044	Phạm Thúy	An	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2146	2431330046	Nguyễn La Hân	Hân	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2147	2431330049	Huỳnh Như	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2148	2431330053	Vũ Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2149	2431330054	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2150	2431330057	Nguyễn Chi	Lan	Nữ	24ĐHKQ01	010100163301	Quản trị logistics
2151	2431740148	Mai Thị Thiên	Thanh	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100172002	Kinh tế vận tải & Logistics
2152	2431740153	Tăng Bích	Hoa	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100172002	Kinh tế vận tải & Logistics
2153	2431740162	Quách Tiểu	Bích	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100172002	Kinh tế vận tải & Logistics
2154	2431740219	Nguyễn Lê Ái	Vy	Nữ	24ĐHKVLQ3	010100172002	Kinh tế vận tải & Logistics
2155	2431740316	Phạm Văn	Nam	Nam	24ĐHKVLĐ	010100172002	Kinh tế vận tải & Logistics
2156	2431740354	Nguyễn Phú	Hiệp	Nam	24ĐHKVLQ2	010100172002	Kinh tế vận tải & Logistics
2157	2431740249	Lương Hồng	Huế	Nữ	24ĐHKVLĐ	010100172003	Kinh tế vận tải & Logistics
2158	2431740356	Tăng Ái	Quân	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100172003	Kinh tế vận tải & Logistics
2159	2431740043	Cao Trà	My	Nữ	24ĐHKVLQ1	010100172004	Kinh tế vận tải & Logistics
2160	2431740285	Hồ Lê Trường	Nam	Nam	24ĐHKVLQ3	010100172004	Kinh tế vận tải & Logistics
2161	2431740050	Bùi Thị Khánh	Linh	Nữ	24ĐHKVLQ1	010100172201	Quản trị chuỗi cung ứng
2162	2431740148	Mai Thị Thiên	Thanh	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100172201	Quản trị chuỗi cung ứng
2163	2431740162	Quách Tiểu	Bích	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100172201	Quản trị chuỗi cung ứng
2164	2431740153	Tăng Bích	Hoa	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100172202	Quản trị chuỗi cung ứng
2165	2431740219	Nguyễn Lê Ái	Vy	Nữ	24ĐHKVLQ3	010100172202	Quản trị chuỗi cung ứng
2166	2431740356	Tăng Ái	Quân	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100172202	Quản trị chuỗi cung ứng
2167	2431740004	Nguyễn Vương Bảo	Triết	Nam	24ĐAKV01	010100172701	Transport Economics & Logistics
2168	2431740029	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	24ĐHKVC1	010100192802	Hàng hóa

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2169	2431740050	Bùi Thị Khánh	Linh	Nữ	24ĐHKVLQ1	010100192802	Hàng hóa
2170	2431740253	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100192802	Hàng hóa
2171	2431740316	Phạm Văn	Nam	Nam	24ĐHKVLĐ	010100192802	Hàng hóa
2172	2431740330	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHKVC2	010100192802	Hàng hóa
2173	2431740348	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	24ĐHKVC2	010100192802	Hàng hóa
2174	2431740111	Vì Việt	Hoàng	Nam	24ĐHKVC1	010100192803	Hàng hóa
2175	2431740196	Lý Thị Huyền	Trinh	Nữ	24ĐHKVC2	010100192803	Hàng hóa
2176	2431740249	Lương Hồng	Huế	Nữ	24ĐHKVLĐ	010100192803	Hàng hóa
2177	2431740285	Hồ Lê Trường	Nam	Nam	24ĐHKVLQ3	010100192803	Hàng hóa
2178	2431740341	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100192803	Hàng hóa
2179	2431740342	Đỗ Văn Vũ	Duy	Nam	24ĐHKVC2	010100192803	Hàng hóa
2180	2431740354	Nguyễn Phú	Hiệp	Nam	24ĐHKVLQ2	010100192803	Hàng hóa
2181	2431740065	Nguyễn Thiên	Phú	Nam	24ĐHKVC1	010100192804	Hàng hóa
2182	2431740101	Lê Ngọc Như	Đoan	Nữ	24ĐHKVC1	010100192804	Hàng hóa
2183	2431740141	Phan Hoàng Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC1	010100192804	Hàng hóa
2184	2431740163	Lê Dạ	Thảo	Nữ	24ĐHKVC1	010100192804	Hàng hóa
2185	2431740224	Đào Bùi Anh	Thư	Nữ	24ĐHKVC2	010100192804	Hàng hóa
2186	2431740240	Nguyễn Hoàng Kim	Yến	Nữ	24ĐHKVC2	010100192804	Hàng hóa
2187	2431740241	Nguyễn Lê Bảo	Hân	Nữ	24ĐHKVC2	010100192804	Hàng hóa
2188	2431740244	Nguyễn Tuyết	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100192804	Hàng hóa
2189	2431740255	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKVC2	010100192804	Hàng hóa
2190	2431740310	Nguyễn Hải	Dương	Nam	24ĐHKVC2	010100192804	Hàng hóa
2191	2431740325	Nguyễn Phương	Thoa	Nữ	24ĐHKVC2	010100192804	Hàng hóa
2192	2431740168	Lương Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC1	010100192805	Hàng hóa
2193	2431740190	Phan Tấn	Đạt	Nam	24ĐHKVC2	010100192805	Hàng hóa
2194	2431740208	Lê Ngọc Bảo	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100192805	Hàng hóa
2195	2431740259	Nguyễn Minh	Khang	Nam	24ĐHKVC2	010100192805	Hàng hóa
2196	2431740327	Võ Thủy Triều	Tiên	Nữ	24ĐHKVC2	010100192805	Hàng hóa
2197	2431740333	Trương Quang	Khánh	Nam	24ĐHKVC2	010100192805	Hàng hóa
2198	2431740347	Trần Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	24ĐHKVC2	010100192805	Hàng hóa
2199	2431740356	Tăng Ái	Quân	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100192805	Hàng hóa
2200	2431740036	Hà Thị Như	Ý	Nữ	24ĐHKVC1	010100192806	Hàng hóa
2201	2431740043	Cao Trà	My	Nữ	24ĐHKVLQ1	010100192806	Hàng hóa
2202	2431740095	Mai Diệp Thiên	Kim	Nữ	24ĐHKVC1	010100192806	Hàng hóa

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2203	2431740148	Mai Thị Thiên	Thanh	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100192806	Hàng hóa
2204	2431740162	Quách Tiêu	Bích	Nữ	24ĐHKVLQ2	010100192806	Hàng hóa
2205	2431740209	Nguyễn Hoàng Tổ	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100192806	Hàng hóa
2206	2431740216	Châu Ai	Len	Nữ	24ĐHKVC2	010100192806	Hàng hóa
2207	2431740219	Nguyễn Lê Ái	Vy	Nữ	24ĐHKVLQ3	010100192806	Hàng hóa
2208	2431740242	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24ĐHKVC2	010100192806	Hàng hóa
2209	2431740320	Phạm Thị Quỳnh	Hương	Nữ	24ĐHKVC2	010100192806	Hàng hóa
2210	2431740321	Hoàng Gia	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100192806	Hàng hóa
2211	2431740326	Lê Hà Minh	Vy	Nữ	24ĐHKVC2	010100192806	Hàng hóa
2212	2431740338	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	24ĐHKVC2	010100192806	Hàng hóa
2213	2431740339	Tăng Thủy	Trúc	Nữ	24ĐHKVC2	010100192806	Hàng hóa
2214	2431740364	Hồ Văn	Quý	Nam	24ĐHKVC2	010100192806	Hàng hóa
2215	2332710001	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2216	2332710002	Ngô Nhật	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2217	2332710004	Trần	Sang	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2218	2332710005	Ngô Gia	Tuệ	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2219	2332710006	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2220	2332710007	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2221	2332710010	Phạm Minh	Phúc	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2222	2332710011	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2223	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2224	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2225	2332710019	Ngô Nguyễn Hà	Vy	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2226	2332710020	Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2227	2332710021	Ngô Đăng	Khoa	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2228	2332710023	Trần Thanh	Huyền	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2229	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2230	2332710026	Lê Khánh	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2231	2332710027	Trần Gia	Cường	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2232	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2233	2332710038	Hồ Hoàng	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2234	2332710039	Nguyễn Bùi Huyền	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2235	2332710040	Phạm Quang	Khải	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2236	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2237	2332710043	Trần Nguyễn Thanh	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2238	2332710045	Hoàng Ngọc	Đức	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2239	2332710047	Phạm Thị Thu	Hòa	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2240	2332710050	Lê Minh	Nghi	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2241	2332710051	Vũ Hoàng	Lân	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2242	2332710053	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2243	2332710056	Đinh Nam	Du	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2244	2332710059	Đinh Sỹ Tuấn	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2245	2332710001	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2246	2332710002	Ngô Nhật	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2247	2332710003	Lê Nguyễn Việt	Hằng	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2248	2332710004	Trần	Sang	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2249	2332710005	Ngô Gia	Tuệ	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2250	2332710006	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2251	2332710007	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2252	2332710008	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2253	2332710009	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2254	2332710010	Phạm Minh	Phúc	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2255	2332710011	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2256	2332710012	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2257	2332710014	Trần Trung	Đạt	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2258	2332710015	Vũ Hoài	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2259	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2260	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2261	2332710019	Ngô Nguyễn Hà	Vy	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2262	2332710020	Nguyễn Thị Thủy	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2263	2332710021	Ngô Đăng	Khoa	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2264	2332710022	Ngô Lan	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2265	2332710023	Trần Thanh	Huyền	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2266	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2267	2332710025	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2268	2332710026	Lê Khánh	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2269	2332710027	Trần Gia	Cường	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2270	2332710028	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2271	2332710031	Trần Thị Việt	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2272	2332710033	Trần Thái	Son	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2273	2332710034	Nguyễn Đức	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2274	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2275	2332710036	Hoàng Thị Bảo	Trân	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2276	2332710038	Hồ Hoàng	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2277	2332710039	Nguyễn Bùi Huyền	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2278	2332710040	Phạm Quang	Khải	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2279	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2280	2332710042	Dương Hồng	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2281	2332710043	Trần Nguyễn Thanh	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2282	2332710044	Nguyễn Khánh	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2283	2332710045	Hoàng Ngọc	Đức	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2284	2332710046	Lã Thị Mai	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2285	2332710047	Phạm Thị Thu	Hòa	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2286	2332710048	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2287	2332710049	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2288	2332710050	Lê Minh	Nghi	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2289	2332710051	Vũ Hoàng	Lân	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2290	2332710052	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2291	2332710053	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2292	2332710054	Nguyễn Quang	Minh	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2293	2332710056	Đình Nam	Du	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2294	2332710059	Đình Sỹ Tuấn	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200003601	Dịch vụ không lưu
2295	2332710001	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2296	2332710002	Ngô Nhật	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2297	2332710003	Lê Nguyễn Việt	Hằng	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2298	2332710004	Trần	Sang	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2299	2332710005	Ngô Gia	Tuệ	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2300	2332710006	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2301	2332710007	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2302	2332710008	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2303	2332710009	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2304	2332710010	Phạm Minh	Phúc	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2305	2332710011	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2306	2332710012	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2307	2332710014	Trần Trung	Đạt	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2308	2332710015	Vũ Hoài	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2309	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2310	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2311	2332710019	Ngô Nguyễn Hà	Vy	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2312	2332710020	Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2313	2332710021	Ngô Đăng	Khoa	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2314	2332710022	Ngô Lan	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2315	2332710023	Trần Thanh	Huyền	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2316	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2317	2332710025	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2318	2332710026	Lê Khánh	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2319	2332710027	Trần Gia	Cường	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2320	2332710028	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2321	2332710031	Trần Thị Việt	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2322	2332710033	Trần Thái	Son	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2323	2332710034	Nguyễn Đức	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2324	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2325	2332710036	Hoàng Thị Bảo	Trân	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2326	2332710038	Hồ Hoàng	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2327	2332710039	Nguyễn Bùi Huyền	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2328	2332710040	Phạm Quang	Khải	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2329	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2330	2332710042	Dương Hồng	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2331	2332710043	Trần Nguyễn Thanh	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2332	2332710044	Nguyễn Khánh	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2333	2332710045	Hoàng Ngọc	Đức	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2334	2332710046	Lê Thị Mai	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2335	2332710047	Phạm Thị Thu	Hòa	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2336	2332710048	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2337	2332710049	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2338	2332710050	Lê Minh	Nghi	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2339	2332710051	Vũ Hoàng	Lân	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2340	2332710052	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2341	2332710053	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2342	2332710054	Nguyễn Quang	Minh	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2343	2332710056	Đình Nam	Du	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2344	2332710059	Đình Sỹ Tuấn	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không
2345	2332710001	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2346	2332710002	Ngô Nhật	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2347	2332710003	Lê Nguyễn Việt	Hằng	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2348	2332710004	Trần	Sang	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2349	2332710005	Ngô Gia	Tuệ	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2350	2332710006	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2351	2332710007	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2352	2332710008	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2353	2332710009	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2354	2332710010	Phạm Minh	Phúc	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2355	2332710011	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2356	2332710012	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2357	2332710014	Trần Trung	Đạt	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2358	2332710015	Vũ Hoài	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2359	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2360	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2361	2332710019	Ngô Nguyễn Hà	Vy	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2362	2332710020	Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2363	2332710021	Ngô Đăng	Khoa	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2364	2332710022	Ngô Lan	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2365	2332710023	Trần Thanh	Huyền	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2366	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2367	2332710025	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2368	2332710026	Lê Khánh	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2369	2332710027	Trần Gia	Cường	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2370	2332710028	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2371	2332710031	Trần Thị Việt	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2372	2332710033	Trần Thái	Son	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2373	2332710034	Nguyễn Đức	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2374	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2375	2332710036	Hoàng Thị Bảo	Trân	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2376	2332710038	Hồ Hoàng	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2377	2332710039	Nguyễn Bùi Huyền	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2378	2332710040	Phạm Quang	Khải	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2379	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2380	2332710042	Dương Hồng	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2381	2332710043	Trần Nguyễn Thanh	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2382	2332710044	Nguyễn Khánh	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2383	2332710045	Hoàng Ngọc	Đức	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2384	2332710046	Lã Thị Mai	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2385	2332710047	Phạm Thị Thu	Hòa	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2386	2332710048	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2387	2332710049	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2388	2332710050	Lê Minh	Nghi	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2389	2332710051	Vũ Hoàng	Lân	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2390	2332710052	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2391	2332710053	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2392	2332710054	Nguyễn Quang	Minh	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2393	2332710056	Đình Nam	Du	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2394	2332710059	Đình Sỹ Tuấn	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2395	2254810092	Phạm Ngọc	Nhi	Nữ	22ĐHTT02	010200106101	Tiếng Anh 1
2396	2254810094	Phạm Trần Lan	Anh	Nữ	22ĐHTT02	010200106101	Tiếng Anh 1
2397	2250000188	Quách Minh	Hiếu	Nam	22ĐHKVLQ1	010200106101	Tiếng Anh 1
2398	2258130109	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	22ĐHDL01	010200106101	Tiếng Anh 1
2399	2332710001	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2400	2332710002	Ngô Nhật	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2401	2332710003	Lê Nguyễn Việt	Hằng	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2402	2332710004	Trần	Sang	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2403	2332710005	Ngô Gia	Tuệ	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2404	2332710006	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2405	2332710007	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2406	2332710008	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2407	2332710009	Nguyễn Thanh	Huong	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2408	2332710010	Phạm Minh	Phúc	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2409	2332710011	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2410	2332710012	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2411	2332710014	Trần Trung	Đạt	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2412	2332710015	Vũ Hoài	Huong	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2413	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2414	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2415	2332710019	Ngô Nguyễn Hà	Vy	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2416	2332710020	Nguyễn Thị Thủy	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2417	2332710021	Ngô Đăng	Khoa	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2418	2332710022	Ngô Lan	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2419	2332710023	Trần Thanh	Huyền	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2420	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2421	2332710025	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2422	2332710026	Lê Khánh	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2423	2332710027	Trần Gia	Cường	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2424	2332710028	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2425	2332710031	Trần Thị Việt	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2426	2332710033	Trần Thái	Son	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2427	2332710034	Nguyễn Đức	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2428	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2429	2332710036	Hoàng Thị Bảo	Trân	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2430	2332710038	Hồ Hoàng	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2431	2332710039	Nguyễn Bùi Huyền	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2432	2332710040	Phạm Quang	Khải	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2433	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2434	2332710042	Dương Hồng	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2435	2332710043	Trần Nguyễn Thanh	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2436	2332710044	Nguyễn Khánh	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2437	2332710045	Hoàng Ngọc	Đức	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2438	2332710046	Lã Thị Mai	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2439	2332710047	Phạm Thị Thu	Hòa	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2440	2332710048	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2441	2332710049	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2442	2332710050	Lê Minh	Nghi	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2443	2332710051	Vũ Hoàng	Lân	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2444	2332710052	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2445	2332710053	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2446	2332710054	Nguyễn Quang	Minh	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2447	2332710056	Đinh Nam	Du	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2448	2332710059	Đinh Sỹ Tuấn	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
2449	2332710002	Ngô Nhật	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2450	2332710004	Trần	Sang	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2451	2332710007	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2452	2332710009	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2453	2332710012	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2454	2332710015	Vũ Hoài	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2455	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2456	2332710020	Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2457	2332710021	Ngô Đăng	Khoa	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2458	2332710025	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2459	2332710027	Trần Gia	Cường	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2460	2332710028	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2461	2332710033	Trần Thái	Son	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2462	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2463	2332710036	Hoàng Thị Bảo	Trân	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2464	2332710038	Hồ Hoàng	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2465	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2466	2332710046	Lã Thị Mai	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2467	2332710048	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2468	2332710049	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2469	2332710050	Lê Minh	Nghi	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2470	2332710051	Vũ Hoàng	Lân	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2471	2332710053	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2472	2332710059	Đinh Sỹ Tuấn	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2473	2332710001	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1
2474	2332710003	Lê Nguyễn Việt	Hằng	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHDB 1

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2475	2332710005	Ngô Gia	Tuệ	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2476	2332710006	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2477	2332710008	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2478	2332710010	Phạm Minh	Phúc	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2479	2332710011	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2480	2332710014	Trần Trung	Đạt	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2481	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2482	2332710019	Ngô Nguyễn Hà	Vy	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2483	2332710022	Ngô Lan	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2484	2332710023	Trần Thanh	Huyền	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2485	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2486	2332710026	Lê Khánh	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2487	2332710031	Trần Thị Việt	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2488	2332710034	Nguyễn Đức	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2489	2332710039	Nguyễn Bùi Huyền	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2490	2332710040	Phạm Quang	Khải	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2491	2332710042	Dương Hồng	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2492	2332710043	Trần Nguyễn Thanh	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2493	2332710044	Nguyễn Khánh	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2494	2332710045	Hoàng Ngọc	Đức	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2495	2332710047	Phạm Thị Thu	Hòa	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2496	2332710052	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2497	2332710054	Nguyễn Quang	Minh	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2498	2332710056	Đinh Nam	Du	Nam	23ĐVKL01	010200142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
2499	2431720060	Nguyễn Trương Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2500	2431310208	Bùi Khánh	Vy	Nữ	24ĐHQT04	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2501	2433530120	Trần Thành	Mỹ	Nam	24ĐHTĐ03	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2502	2431720553	Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	24ĐHNA02	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2503	2431310074	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2504	2431310075	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2505	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2506	2431310108	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT02	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2507	2431310109	Phan Minh	Hòa	Nữ	24ĐHQT02	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2508	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2509	2431310221	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT04	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2510	2431310226	Nguyễn Quách Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2511	2431310248	Nguyễn Đỗ Bảo	Châu	Nữ	24ĐHQT04	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2512	2431720400	Lương Thái Kim	Thư	Nữ	24ĐHNA07	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2513	2433530099	Trần Mạnh	Duy	Nam	24ĐHTĐ03	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2514	2331720221	Nguyễn Lê Ý	Nhi	Nữ	23ĐHNAHK2	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2515	2331720244	Lâm Thanh	Ngân	Nữ	23ĐHNATM3	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2516	2431720184	Hồng Khánh	Vy	Nữ	24ĐHNA04	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2517	2431720201	Lê Các	Vi	Nữ	24ĐHNA04	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2518	2431720217	Đào Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHNA04	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2519	2331530008	Nguyễn Thành	An	Nam	23ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương
2520	2331510010	Nguyễn Đăng	Khiêm	Nam	23ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương
2521	2331510014	Phạm Quang	Vinh	Nam	23ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương
2522	2331740254	Phạm Thị Thảo	Vi	Nữ	23ĐHKVKH	011100000301	Pháp luật đại cương
2523	2331510059	Nguyễn Hữu	Tân	Nam	23ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương
2524	2331510061	Nguyễn Việt	Huy	Nam	23ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương
2525	2331510063	Lê Văn Diễm	Đan	Nam	23ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương
2526	2331510073	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương
2527	2331530105	Trần Lê	Kiệt	Nam	23ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương
2528	2433510002	Nguyễn Ngọc Hà	Nguyên	Nam	24ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương
2529	2331530046	Võ Tấn	Kiệt	Nam	23ĐHTĐ02	011100000302	Pháp luật đại cương
2530	2431730382	Tô Hữu	Thành	Nam	24ĐHDLKN	011100000302	Pháp luật đại cương
2531	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	011100008702	Toán chuyên đề
2532	2331530047	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2
2533	2331530049	Nguyễn Cửu	Thông	Nam	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2
2534	2331530067	Cáp Hữu	Vinh	Nam	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2
2535	2331530103	Đặng Anh	Tuấn	Nam	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2
2536	2433530027	Phan Đặng	Dũng	Nam	24ĐHTĐ01	011100009301	Lý thuyết mạch 2
2537	2433530106	Phạm Công	Trung	Nam	24ĐHTĐ03	011100009301	Lý thuyết mạch 2
2538	2433530021	Trần Lê Khánh	Hung	Nam	24ĐHTĐ01	011100009302	Lý thuyết mạch 2
2539	2433530114	Nguyễn Thị Phương	Bằng	Nữ	24ĐHTĐ03	011100009302	Lý thuyết mạch 2
2540	2433530117	Vũ Sỹ	Thành	Nam	24ĐHTĐ03	011100009302	Lý thuyết mạch 2
2541	2433530068	Hoàng Quốc	Cường	Nam	24ĐHTĐ02	011100009303	Lý thuyết mạch 2
2542	2433530100	Khổng Trần Thiên	Son	Nam	24ĐHTĐ03	011100009303	Lý thuyết mạch 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2543	2433530111	Trần Nguyễn Anh	Minh	Nam	24ĐHTĐ03	011100009303	Lý thuyết mạch 2
2544	2433530120	Trần Thành	Mỹ	Nam	24ĐHTĐ03	011100009303	Lý thuyết mạch 2
2545	2433530122	Phạm Hữu	Thịnh	Nam	24ĐHTĐ03	011100009303	Lý thuyết mạch 2
2546	2433510002	Nguyễn Ngọc Hà	Nguyên	Nam	24ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình
2547	2433510011	Nguyễn Trần Thiên	Vũ	Nam	24ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình
2548	2433510012	Đào Nguyễn Khoa	Đăng	Nam	24ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình
2549	2433510045	Đỗ Việt	Tuấn	Nam	24ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình
2550	2433510023	Vũ Phong	Thái	Nam	24ĐHĐT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình
2551	2433520179	Nguyễn Quốc	Bình	Nam	24ĐHKT03	011100009502	Kỹ thuật lập trình
2552	2433550079	Ngô Bùi Bảo	Hân	Nữ	24ĐHXD02	011100010702	Nguyên lý kế toán
2553	2433550086	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	24ĐHXD02	011100010702	Nguyên lý kế toán
2554	2433550088	Huỳnh Tấn Thành	Đạt	Nam	24ĐHXD02	011100010702	Nguyên lý kế toán
2555	2331510004	Lã Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHĐT01	011100015601	Hệ thống viễn thông
2556	2331510013	Đặng Trọng	Khôi	Nam	23ĐHĐT01	011100015601	Hệ thống viễn thông
2557	2331510014	Phạm Quang	Vinh	Nam	23ĐHĐT01	011100015601	Hệ thống viễn thông
2558	2331510059	Nguyễn Hữu	Tân	Nam	23ĐHĐT01	011100015601	Hệ thống viễn thông
2559	2331510061	Nguyễn Việt	Huy	Nam	23ĐHĐT01	011100015601	Hệ thống viễn thông
2560	2331510063	Lê Văn Diễm	Đan	Nam	23ĐHĐT01	011100015601	Hệ thống viễn thông
2561	2331510073	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐHĐT01	011100015601	Hệ thống viễn thông
2562	2433550061	Nguyễn Minh	Quân	Nam	24ĐHXDC1	011100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng hàng không
2563	2433550089	Nguyễn Tuấn Anh	Tâm	Nam	24ĐHXDC1	011100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng hàng không
2564	2433550097	Dương Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHXDC1	011100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng hàng không
2565	2433550110	Hoàng Ngọc Thành	Nam	Nam	24ĐHXDC1	011100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng hàng không
2566	2433550117	Phan Hải	Yến	Nữ	24ĐHXDC1	011100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng hàng không
2567	2433550120	Võ Gia	Khiêm	Nam	24ĐHXDC1	011100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng hàng không
2568	2433710011	Đỗ Đình	Thành	Nam	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2569	2433710012	Nguyễn Hoài	Anh	Nam	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2570	2433520019	Võ Thiện	Trung	Nam	24ĐHKT01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2571	2431730037	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	24ĐHDLH1	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2572	2431730043	Trịnh Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHDL1	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2573	2433710034	Nguyễn Lan	Nhi	Nữ	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2574	2433710038	Trương Khánh	Toàn	Nam	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2575	2433710045	Trần Đình Lan	Yên	Nữ	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2576	2433710046	Vũ Tuấn	Long	Nam	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2577	2433520051	Cao Thị Tường	Vy	Nữ	24ĐHKT01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2578	2433710058	Nguyễn Vũ An	Khôi	Nam	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2579	2433520060	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	24ĐHKT01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2580	2433710063	Lê Hoàng Gia	Bảo	Nam	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2581	2431730137	Ngô Thị Cẩm	Tú	Nữ	24ĐHDLH2	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2582	2433710072	Đỗ Cẩm	Vân	Nữ	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2583	2433710087	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2584	2433710092	Phan Nguyễn Lâm	Bình	Nam	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2585	2433710093	Lê Trần Gia	Minh	Nam	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2586	2433710110	Lê Phương	Anh	Nữ	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2587	2433710114	Nguyễn Yến	Phương	Nữ	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2588	2433710118	Nguyễn Phú	Quý	Nam	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2589	2433710131	Đào Phương	Trinh	Nữ	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2590	2433710138	Lê Đặng Bảo	Trần	Nữ	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2591	2431740216	Châu Ai	Len	Nữ	24ĐHKVC2	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2592	2433710143	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2593	2433710149	Nguyễn Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2594	2433710162	Đặng Nhật	Nam	Nam	24ĐAKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2595	2431740338	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	24ĐHKVC2	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2596	2433520224	Nguyễn Yến Huyền	Trâm	Nữ	24ĐHKT02	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2597	2433550079	Ngô Bùi Bảo	Hân	Nữ	24ĐHXD02	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2598	2431730417	Lương Bảo	Thư	Nữ	24ĐHDLH2	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2599	2431730420	Lê Ngô Loan	Phụng	Nữ	24ĐHDLH4	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2600	2331530103	Đặng Anh	Tuấn	Nam	23ĐHTĐ02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2601	2433710004	Nguyễn Xuân	An	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2602	2433710005	Nguyễn Trần Hà	Son	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2603	2433710010	Tiêu Trung	Nguyễn	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2604	2433710016	Phạm Thùy Minh	Giang	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2605	2433710017	Nguyễn Ngọc Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2606	2433710018	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2607	2433710020	Nguyễn Nam	Khánh	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2608	2433710021	Phan Duy	Uyên	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2609	2433710030	Lê Nguyễn Quỳnh	Giao	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2610	2433710031	Bé Ngọc Huyền	Trần	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2611	2433710032	Cao Đặng Minh	Thư	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2612	2433520025	Nguyễn Kim Quốc	Huy	Nam	24ĐHKT01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2613	2433710037	Nguyễn Đăng Phi	Long	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2614	2433710039	Trần Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2615	2433710041	Lê	Quang	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2616	2433710044	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2617	2433710049	Bùi Hữu Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2618	2433710050	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2619	2433710054	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2620	2433710061	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2621	2433710062	Vũ Tuấn	Phong	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2622	2433710064	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2623	2433710066	Nguyễn Hoàng	An	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2624	2433710067	Phan Đình	Dũng	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2625	2433710070	Nguyễn Phúc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2626	2433710071	Cao Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2627	2433710075	Phan Đặng Tâm	Như	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2628	2431330024	Trần Bội	Di	Nữ	24ĐHKQ01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2629	2433710079	Đỗ Phương	Chi	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2630	2433710080	Nguyễn Thành	Trung	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2631	2431310400	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT07	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2632	2431310431	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT07	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2633	2433710086	Đỗ Tiến	Anh	Nam	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2634	2433710090	Nguyễn Lê Phương	Thảo	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2635	2431320088	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2636	2433710095	Nguyễn Ngọc Chi	Mai	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2637	2433710100	Trần Hoàng	Lâm	Nam	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2638	2433710104	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2639	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2640	2433710107	Trương Khánh	An	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2641	2433710109	Lưu Thành	Công	Nam	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2642	2433710113	Vũ Thị Ngọc	Nhâm	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2643	2433710117	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2644	2433710120	Lưu Vũ Đình	Nhật	Nam	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2645	2433710125	Lương Kiều Khánh	Vy	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2646	2433710130	Huỳnh Quốc	Hoàng	Nam	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2647	2433710134	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2648	2433710135	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2649	2433710136	Trần Nữ Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2650	2433710137	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2651	2433710142	Nguyễn Bảo Quỳnh	Giao	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2652	2433710147	Trần Hữu	Phúc	Nam	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2653	2433710148	Hứa Hải	Tâm	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2654	2433710153	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2655	2433710154	Đặng Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2656	2433520179	Nguyễn Quốc	Bình	Nam	24ĐHKT03	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2657	2433710156	Nguyễn Trần Tấn	Lân	Nam	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2658	2433710157	Nguyễn Thị Huyền	Trần	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2659	2433710158	Trần Minh Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2660	2433710161	Nguyễn Thị Hà	Vy	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2661	2433710169	Ừng Anh	Thiên	Nam	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2662	2433710173	Huỳnh Nhật	Hoàng	Nữ	24ĐHKL01	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2663	2433710177	Dương Nguyễn Yến	Ngọc	Nữ	24ĐHKL02	011100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2664	2331310399	Tô Hồng	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ2	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2665	2431730002	Trần Ái	Phụng	Nữ	24ĐHDLLH1	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2666	2431310111	Trịnh Quốc	Huy	Nam	24ĐHQT02	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2667	2431310229	Trần Phương	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2668	2431310317	Ngô Thị Thanh	Kiều	Nữ	24ĐHQT09	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2669	2431310320	Vũ Thúy	Hằng	Nữ	24ĐHQT06	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2670	2431310322	Nguyễn Ánh	Tuyết	Nữ	24ĐHQT06	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2671	2433530021	Trần Lê Khánh	Hung	Nam	24ĐHTĐ01	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2672	2431310407	Phạm Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT07	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2673	2431310423	Trương Tấn	Phong	Nam	24ĐHQT07	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2674	2431310439	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT09	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2675	2433520090	Võ Trung	Văn	Nam	24ĐHKT02	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2676	2431730343	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLKN	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2677	2431740249	Lương Hồng	Huế	Nữ	24ĐHKVLĐ	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2678	2433520176	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	24ĐHKT03	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2679	2433520191	Lê Chí	Vỹ	Nam	24ĐHKT03	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2680	2433550037	Trần Thanh	Tuấn	Nam	24ĐHXDC1	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2681	2433550044	Huỳnh Tấn	Lợi	Nam	24ĐHXDC1	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2682	2433520226	Hồ Thị Mỹ	Trúc	Nữ	24ĐHKT02	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2683	2433550046	Phạm Hữu Hải	Đăng	Nam	24ĐHXDC1	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2684	2433550056	Đoàn Anh Thư	Kỳ	Nữ	24ĐHXDC1	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2685	2433550086	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	24ĐHXD02	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2686	2433550088	Huỳnh Tấn Thành	Đạt	Nam	24ĐHXD02	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2687	2433530106	Phạm Công	Trung	Nam	24ĐHTĐ03	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2688	2433550097	Dương Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHXDC1	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2689	2433550120	Võ Gia	Khiêm	Nam	24ĐHXDC1	011100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2690	2258420003	Trần Mỹ	Liên	Nữ	22ĐHKL01	011100029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2691	2258420020	Lê Quốc Nhật	Nguyên	Nam	22ĐHKL01	011100029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2692	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	22ĐHKL01	011100029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2693	2258420067	Lê Hà	Vy	Nữ	22ĐHKL02	011100029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2694	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	Nam	22ĐHKL02	011100029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2695	2258420075	Trần Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	22ĐHKL02	011100029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2696	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	Nữ	22ĐHKL02	011100029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2697	2258420100	Nguyễn Minh	Trường	Nam	22ĐHKL02	011100029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2698	2252210016	Hồ Tấn	Đạt	Nam	22ĐHKL02	011100029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2699	2258420005	Trần Minh	Quân	Nam	22ĐHKL01	011100029302	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2700	2258420018	Hách Trường	Son	Nam	22ĐHKL01	011100029302	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2701	2258420023	Trương Kim	Thành	Nam	22ĐHKL01	011100029302	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2702	2258420031	Trần Phương	Linh	Nữ	22ĐHKL01	011100029302	Thiết kế và tổ chức vùng trời
2703	2433710004	Nguyễn Xuân	An	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2704	2433710005	Nguyễn Trần Hà	Son	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2705	2433710010	Tiêu Trung	Nguyễn	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2706	2433710016	Phạm Thùy Minh	Giang	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2707	2433710017	Nguyễn Ngọc Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2708	2433710018	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2709	2433710020	Nguyễn Nam	Khánh	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2710	2433710021	Phan Duy	Uyên	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2711	2433710030	Lê Nguyễn Quỳnh	Giao	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2712	2433710031	Bé Ngọc Huyền	Trân	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2713	2433710037	Nguyễn Đăng Phi	Long	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2714	2433710039	Trần Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2715	2433710041	Lê	Quang	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2716	2433710044	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2717	2433710047	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2718	2433710049	Bùi Hữu Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2719	2433710050	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2720	2433710051	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2721	2433710054	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2722	2433710061	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2723	2433710062	Vũ Tuấn	Phong	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2724	2433710066	Nguyễn Hoàng	An	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2725	2433710067	Phan Đình	Dũng	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2726	2433710070	Nguyễn Phúc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2727	2433710071	Cao Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2728	2433710080	Nguyễn Thành	Trung	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2729	2433710086	Đỗ Tiến	Anh	Nam	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2730	2433710090	Nguyễn Lê Phương	Thảo	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2731	2433710104	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	24ĐHKL02	011100031401	Qui tắc bay
2732	2433710109	Lưu Thành	Công	Nam	24ĐHKL02	011100031401	Qui tắc bay
2733	2433710134	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKL02	011100031401	Qui tắc bay
2734	2433710173	Huỳnh Nhật	Hoàng	Nữ	24ĐHKL01	011100031401	Qui tắc bay
2735	2433710032	Cao Đặng Minh	Thư	Nữ	24ĐHKL01	011100031402	Qui tắc bay
2736	2433710064	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHKL01	011100031402	Qui tắc bay
2737	2433710075	Phan Đặng Tâm	Như	Nữ	24ĐHKL01	011100031402	Qui tắc bay
2738	2433710079	Đỗ Phương	Chi	Nữ	24ĐHKL01	011100031402	Qui tắc bay
2739	2433710095	Nguyễn Ngọc Chi	Mai	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2740	2433710100	Trần Hoàng	Lâm	Nam	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2741	2433710101	Dương Ngọc Cẩm	Tuyền	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2742	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2743	2433710107	Trương Khánh	An	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2744	2433710113	Vũ Thị Ngọc	Nhâm	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2745	2433710117	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2746	2433710120	Lưu Vũ Đình	Nhật	Nam	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2747	2433710125	Lương Kiều Khánh	Vy	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2748	2433710130	Huỳnh Quốc	Hoàng	Nam	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2749	2433710135	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2750	2433710136	Trần Nữ Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2751	2433710137	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2752	2433710142	Nguyễn Bảo Quỳnh	Giao	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2753	2433710147	Trần Hữu	Phúc	Nam	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2754	2433710148	Hứa Hải	Tâm	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2755	2433710151	Nguyễn Phạm Mai	Phương	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2756	2433710153	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2757	2433710154	Đặng Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2758	2433710156	Nguyễn Trần Tấn	Lân	Nam	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2759	2433710157	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2760	2433710158	Trần Minh Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2761	2433710161	Nguyễn Thị Hà	Vy	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2762	2433710169	Ứng Anh	Thiên	Nam	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2763	2433710177	Dương Nguyễn Yến	Ngọc	Nữ	24ĐHKL02	011100031402	Qui tắc bay
2764	2258420046	Trần Lê Cẩm	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2765	2231710121	Nguyễn Ngọc Tố	Phụng	Nữ	22ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2766	2331710020	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	23ĐHKL03	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2767	2331710026	Nguyễn Diệp Thùy	Giang	Nữ	23ĐHKL03	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2768	2331710038	Dương Thị Hương	Thảo	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2769	2331710042	Vì Nhật	Nam	Nam	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2770	2331710043	Nguyễn Bùi Thảo	Trang	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2771	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2772	2331710058	Nguyễn Minh	Thế	Nam	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2773	2331710064	Phan Thúy	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2774	2331710066	Nguyễn Xuân Nhật	Khôi	Nam	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2775	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2776	2331710076	Hoàng Thu	Hương	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2777	2331710078	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2778	2331710081	Nguyễn Hữu Hồng	Quang	Nam	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2779	2331710084	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2780	2331710085	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2781	2331710092	Lê Cao	Bằng	Nam	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2782	2331710105	Lê Ngọc Huyền	Trân	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2783	2331710112	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2784	2331710116	Nguyễn Thị Liễu	Chi	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2785	2331710119	Trần Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2786	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2787	2331710022	Ngô Tuệ	Thanh	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2788	2331710033	Phạm Minh	Quang	Nam	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2789	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2790	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2791	2331710094	Tòng Bùi Thành	Long	Nam	23ĐHKL02	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2792	2331710108	Nguyễn Thế	Quốc	Nam	23ĐHKL02	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2793	2331710114	Nguyễn Ngọc	Saphidan	Nữ	23ĐHKL02	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2794	2331710117	Cao Thị Thùy	Linh	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2795	2331710135	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2796	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2797	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2798	2331710139	Trần Kim	Tiên	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2799	2331710140	Lê Thị Thu	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2800	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2801	2331710147	Đoàn Thị Yến	Oanh	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2802	2331710148	Bùi Thị Phi	Nhi	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2803	2331710149	Đỗ Thái	My	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2804	2331710152	Trần Hồng Phúc	An	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2805	2331710154	Phan Thị Thảo	Vân	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2806	2331710159	Trần Đặng Tường	San	Nữ	23ĐHKL03	011100033002	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
2807	2433710005	Nguyễn Trần Hà	Son	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2808	2433710010	Tiêu Trung	Nguyễn	Nam	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2809	2433710017	Nguyễn Ngọc Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2810	2433710031	Bế Ngọc Huyền	Trân	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2811	2433710032	Cao Đặng Minh	Thư	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2812	2433710039	Trần Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2813	2433710041	Lê	Quang	Nam	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2814	2433710044	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2815	2433710050	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2816	2433710054	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2817	2433710061	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2818	2433710064	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2819	2433710066	Nguyễn Hoàng	An	Nam	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2820	2433710067	Phan Đình	Dũng	Nam	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2821	2433710070	Nguyễn Phúc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2822	2433710071	Cao Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2823	2433710075	Phan Đặng Tâm	Như	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2824	2433710079	Đỗ Phương	Chi	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2825	2433710086	Đỗ Tiến	Anh	Nam	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2826	2433710090	Nguyễn Lê Phương	Thảo	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2827	2433710101	Dương Ngọc Cẩm	Tuyền	Nữ	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2828	2433710107	Trương Khánh	An	Nữ	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2829	2433710113	Vũ Thị Ngọc	Nhâm	Nữ	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2830	2433710135	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2831	2433710136	Trần Nữ Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2832	2433710142	Nguyễn Bảo Quỳnh	Giao	Nữ	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2833	2433710147	Trần Hữu	Phúc	Nam	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2834	2433710148	Hứa Hải	Tâm	Nữ	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2835	2433710154	Đặng Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2836	2433710161	Nguyễn Thị Hà	Vy	Nữ	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2837	2433710173	Huỳnh Nhật	Hoàng	Nữ	24ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2838	2433710177	Dương Nguyễn Yến	Ngọc	Nữ	24ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2839	2252210016	Hồ Tấn	Đạt	Nam	22ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2840	2331710092	Lê Cao	Bằng	Nam	23ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2841	2331710094	Tòng Bùi Thành	Long	Nam	23ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2842	2331710113	Nguyễn Hoàng Thiên	Thư	Nữ	23ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2843	2331710114	Nguyễn Ngọc	Saphidan	Nữ	23ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2844	2433710004	Nguyễn Xuân	An	Nữ	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2845	2433710016	Phạm Thùy Minh	Giang	Nữ	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2846	2433710018	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2847	2433710020	Nguyễn Nam	Khánh	Nam	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2848	2433710021	Phan Duy	Uyên	Nữ	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2849	2433710030	Lê Nguyễn Quỳnh	Giao	Nữ	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2850	2433710037	Nguyễn Đăng Phi	Long	Nam	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2851	2433710047	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2852	2433710049	Bùi Hữu Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2853	2433710051	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2854	2433710062	Vũ Tuấn	Phong	Nam	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2855	2433710080	Nguyễn Thành	Trung	Nam	24ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2856	2433710095	Nguyễn Ngọc Chi	Mai	Nữ	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2857	2433710100	Trần Hoàng	Lâm	Nam	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2858	2433710104	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2859	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2860	2433710109	Lưu Thành	Công	Nam	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2861	2433710117	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2862	2433710120	Lưu Vũ Đình	Nhật	Nam	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2863	2433710125	Lương Kiều Khánh	Vy	Nữ	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2864	2433710130	Huỳnh Quốc	Hoàng	Nam	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2865	2433710134	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2866	2433710137	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2867	2433710151	Nguyễn Phạm Mai	Phương	Nữ	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2868	2433710153	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2869	2433710156	Nguyễn Trần Tấn	Lân	Nam	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2870	2433710157	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2871	2433710158	Trần Minh Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK
2872	2255200043	Đặng Ngọc	Minh	Nam	22ĐHKT01	011100046702	Khai thác và quản lý tàu bay
2873	2255200045	Nguyễn Nhật	Lâm	Nam	22ĐHKT01	011100046702	Khai thác và quản lý tàu bay
2874	2331710001	Lê Nam	Anh	Nam	23ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2875	2331710003	Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	23ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2876	2331710012	Nguyễn Lý Phương	Quang	Nam	23ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2877	2331710016	Lê Hồng Nguyên	Thanh	Nữ	23ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2878	2331710020	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	23ĐHKL03	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2879	2331710024	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	23ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2880	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	Nữ	23ĐHKL03	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2881	2331710037	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	Nữ	23ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2882	2331710040	Đặng Thị Thảo	My	Nữ	23ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2883	2331710046	Trần Nguyễn Hoài	An	Nữ	23ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2884	2331710054	Phạm Minh	Phú	Nam	23ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2885	2331710059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2886	2331710063	Huỳnh Thụy Song	Kim	Nữ	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2887	2331710065	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2888	2331710066	Nguyễn Xuân Nhật	Khôi	Nam	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2889	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2890	2331710070	Phan Đỗ An	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2891	2331710081	Nguyễn Hữu Hồng	Quang	Nam	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2892	2331710085	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2893	2331710087	Hoàng Ngọc Hiếu	Đức	Nam	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2894	2331710088	Nguyễn Tuyết	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2895	2331710090	Nguyễn Huyền	My	Nữ	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2896	2331710105	Lê Ngọc Huyền	Trân	Nữ	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2897	2331710110	Hồ Ngọc Bội	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2898	2331710116	Nguyễn Thị Liễu	Chi	Nữ	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2899	2331710121	Mai Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2900	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2901	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL03	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2902	2331710147	Đoàn Thị Yến	Oanh	Nữ	23ĐHKL03	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2903	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2904	2258420046	Trần Lê Cẩm	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2905	2231710121	Nguyễn Ngọc Tố	Phụng	Nữ	22ĐHKL01	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2906	2331710022	Ngô Tuệ	Thanh	Nữ	23ĐHKL03	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2907	2331710026	Nguyễn Diệp Thùy	Giang	Nữ	23ĐHKL03	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2908	2331710043	Nguyễn Bùi Thảo	Trang	Nữ	23ĐHKL01	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2909	2331710047	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	23ĐHKL01	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2910	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	Nữ	23ĐHKL01	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2911	2331710071	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23ĐHKL03	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2912	2331710076	Hoàng Thu	Hương	Nữ	23ĐHKL02	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2913	2331710078	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2914	2331710084	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2915	2331710089	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2916	2331710093	Nguyễn Ngọc Thúy	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL02	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2917	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	Nữ	23ĐHKL02	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2918	2331710108	Nguyễn Thế	Quốc	Nam	23ĐHKL02	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2919	2331710117	Cao Thị Thùy	Linh	Nữ	23ĐHKL03	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2920	2331710127	Nguyễn Phúc Anh	Hào	Nam	23ĐHKL03	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2921	2331710156	Nguyễn Trung	Chiến	Nam	23ĐHKL03	011100049002	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2922	2331710004	Châu Ngọc	Xuân	Nữ	23ĐHKL01	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2923	2331710008	Nguyễn Doãn	Phương	Nữ	23ĐHKL01	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2924	2331710029	Trần Lê Minh	Anh	Nữ	23ĐHKL01	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2925	2331710033	Phạm Minh	Quang	Nam	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2926	2331710038	Dương Thị Hương	Thảo	Nữ	23ĐHKL01	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2927	2331710042	Vi Nhật	Nam	Nam	23ĐHKL01	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2928	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	Nữ	23ĐHKL01	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2929	2331710058	Nguyễn Minh	Thế	Nam	23ĐHKL01	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2930	2331710062	Trần Vũ Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2931	2331710064	Phan Thúy	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2932	2331710069	Lưu Gia	Hân	Nữ	23ĐHKL02	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2933	2331710077	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	23ĐHKL02	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2934	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2935	2331710099	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKL02	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2936	2331710112	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	23ĐHKL02	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2937	2331710119	Trần Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKL02	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2938	2331710135	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2939	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2940	2331710139	Trần Kim	Tiên	Nữ	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2941	2331710140	Lê Thị Thu	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2942	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2943	2331710148	Bùi Thị Phi	Nhi	Nữ	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2944	2331710149	Đỗ Thái	My	Nữ	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2945	2331710152	Trần Hồng Phúc	An	Nữ	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2946	2331710154	Phan Thị Thảo	Vân	Nữ	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2947	2331710159	Trần Đặng Tường	San	Nữ	23ĐHKL03	011100049003	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)
2948	2253440091	Nguyễn Vinh	Quang	Nam	22ĐHKT01	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2949	2255200008	Đỗ Trần Ngọc	Hải	Nam	22ĐHKT01	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2950	2255200014	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	22ĐHKT01	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2951	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	Nữ	22ĐHKT01	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2952	2255200021	Nguyễn Gia	Kiệt	Nam	22ĐHKT01	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2953	2255200032	Đặng Phú	Hào	Nam	22ĐHKT01	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2954	2255200034	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22ĐHKT01	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2955	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	22ĐHKT01	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2956	2255200043	Đặng Ngọc	Minh	Nam	22ĐHKT01	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2957	2255200045	Nguyễn Nhật	Lâm	Nam	22ĐHKT01	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2958	2255200069	Lê Trần Hoàng	Vũ	Nam	22ĐHKT02	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2959	2255200075	Lê Anh	Tuấn	Nam	22ĐHKT02	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2960	2255200092	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	Nữ	22ĐHKT02	011100050801	Hệ thống quản lý an toàn HK
2961	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	Nữ	22ĐHKT01	011100054201	Các hệ thống trên tàu bay 2
2962	2255200032	Đặng Phú	Hào	Nam	22ĐHKT01	011100054201	Các hệ thống trên tàu bay 2
2963	2255200034	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22ĐHKT01	011100054201	Các hệ thống trên tàu bay 2
2964	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	22ĐHKT01	011100054201	Các hệ thống trên tàu bay 2
2965	2255200043	Đặng Ngọc	Minh	Nam	22ĐHKT01	011100054201	Các hệ thống trên tàu bay 2
2966	2255200092	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	Nữ	22ĐHKT02	011100054201	Các hệ thống trên tàu bay 2
2967	2253440091	Nguyễn Vinh	Quang	Nam	22ĐHKT01	011100054202	Các hệ thống trên tàu bay 2
2968	2255200008	Đỗ Trần Ngọc	Hải	Nam	22ĐHKT01	011100054202	Các hệ thống trên tàu bay 2
2969	2255200014	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	22ĐHKT01	011100054202	Các hệ thống trên tàu bay 2
2970	2255200021	Nguyễn Gia	Kiệt	Nam	22ĐHKT01	011100054202	Các hệ thống trên tàu bay 2
2971	2255200029	Trần Hoài	Giang	Nam	22ĐHKT01	011100054202	Các hệ thống trên tàu bay 2
2972	2255200045	Nguyễn Nhật	Lâm	Nam	22ĐHKT01	011100054202	Các hệ thống trên tàu bay 2
2973	2255200069	Lê Trần Hoàng	Vũ	Nam	22ĐHKT02	011100054202	Các hệ thống trên tàu bay 2
2974	2255200075	Lê Anh	Tuấn	Nam	22ĐHKT02	011100054202	Các hệ thống trên tàu bay 2
2975	2331530046	Võ Tấn	Kiệt	Nam	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện
2976	2331530047	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện
2977	2331530067	Cáp Hữu	Vinh	Nam	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện
2978	2331530103	Đặng Anh	Tuấn	Nam	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện
2979	2433530021	Trần Lê Khánh	Hung	Nam	24ĐHTĐ01	011100058602	Khí cụ điện
2980	2433530027	Phan Đặng	Dũng	Nam	24ĐHTĐ01	011100058602	Khí cụ điện
2981	2433530099	Trần Mạnh	Duy	Nam	24ĐHTĐ03	011100058602	Khí cụ điện
2982	2433530100	Khổng Trần Thiên	Son	Nam	24ĐHTĐ03	011100058602	Khí cụ điện
2983	2433530106	Phạm Công	Trung	Nam	24ĐHTĐ03	011100058602	Khí cụ điện
2984	2433530111	Trần Nguyễn Anh	Minh	Nam	24ĐHTĐ03	011100058602	Khí cụ điện

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2985	2433530114	Nguyễn Thị Phương	Bằng	Nữ	24ĐHTĐ03	011100058602	Khí cụ điện
2986	2433530117	Vũ Sỹ	Thành	Nam	24ĐHTĐ03	011100058602	Khí cụ điện
2987	2433530122	Phạm Hữu	Thịnh	Nam	24ĐHTĐ03	011100058602	Khí cụ điện
2988	2433530132	Nguyễn Đỗ Thái	An	Nam	24ĐHTĐ03	011100058602	Khí cụ điện
2989	2331530065	Lại Lê Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHTĐ02	011100058603	Khí cụ điện
2990	2331530090	Võ Bá	Hồ	Nam	23ĐHTĐ02	011100058603	Khí cụ điện
2991	2433530120	Trần Thành	Mỹ	Nam	24ĐHTĐ03	011100058603	Khí cụ điện
2992	2252210016	Hồ Tấn	Đạt	Nam	22ĐHKL02	011100063801	Điện và điện tử hàng không
2993	2433710004	Nguyễn Xuân	An	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
2994	2433710005	Nguyễn Trần Hà	Son	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
2995	2433710010	Tiêu Trung	Nguyễn	Nam	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
2996	2433710018	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
2997	2433710020	Nguyễn Nam	Khánh	Nam	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
2998	2433710021	Phan Duy	Uyên	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
2999	2433710030	Lê Nguyễn Quỳnh	Giao	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3000	2433710032	Cao Đặng Minh	Thư	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3001	2433710039	Trần Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3002	2433710041	Lê	Quang	Nam	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3003	2433710044	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3004	2433710050	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3005	2433710051	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3006	2433710054	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3007	2433710062	Vũ Tuấn	Phong	Nam	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3008	2433710066	Nguyễn Hoàng	An	Nam	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3009	2433710067	Phan Đình	Dũng	Nam	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3010	2433710070	Nguyễn Phúc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3011	2433710090	Nguyễn Lê Phương	Thảo	Nữ	24ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3012	2433710101	Dương Ngọc Cẩm	Tuyền	Nữ	24ĐHKL02	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3013	2433710151	Nguyễn Phạm Mai	Phương	Nữ	24ĐHKL02	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3014	2433710154	Đặng Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100063801	Điện và điện tử hàng không
3015	2258420005	Trần Minh	Quân	Nam	22ĐHKL01	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3016	2258420018	Hách Trường	Son	Nam	22ĐHKL01	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3017	2258420023	Trương Kim	Thành	Nam	22ĐHKL01	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3018	2258420046	Trần Lê Cẩm	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100063802	Điện và điện tử hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3019	2231710121	Nguyễn Ngọc Tố	Phụng	Nữ	22ĐHKL01	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3020	2331710043	Nguyễn Bùi Thảo	Trang	Nữ	23ĐHKL01	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3021	2331710092	Lê Cao	Bằng	Nam	23ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3022	2331710094	Tòng Bùi Thành	Long	Nam	23ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3023	2331710147	Đoàn Thị Yên	Oanh	Nữ	23ĐHKL03	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3024	2433710095	Nguyễn Ngọc Chi	Mai	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3025	2433710100	Trần Hoàng	Lâm	Nam	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3026	2433710104	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3027	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3028	2433710107	Trương Khánh	An	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3029	2433710109	Lưu Thành	Công	Nam	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3030	2433710113	Vũ Thị Ngọc	Nhâm	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3031	2433710117	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3032	2433710120	Lưu Vũ Đình	Nhật	Nam	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3033	2433710125	Lương Kiều Khánh	Vy	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3034	2433710130	Huỳnh Quốc	Hoàng	Nam	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3035	2433710134	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3036	2433710135	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3037	2433710136	Trần Nữ Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3038	2433710137	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3039	2433710142	Nguyễn Bảo Quỳnh	Giao	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3040	2433710147	Trần Hữu	Phúc	Nam	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3041	2433710148	Hứa Hải	Tâm	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3042	2433710156	Nguyễn Trần Tấn	Lân	Nam	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3043	2433710157	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3044	2433710158	Trần Minh Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3045	2433710161	Nguyễn Thị Hà	Vy	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3046	2433710169	Ứng Anh	Thiên	Nam	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3047	2433710177	Dương Nguyễn Yên	Ngọc	Nữ	24ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không
3048	2253440091	Nguyễn Vinh	Quang	Nam	22ĐHKT01	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3049	2255200008	Đỗ Trần Ngọc	Hải	Nam	22ĐHKT01	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3050	2255200014	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	22ĐHKT01	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3051	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	Nữ	22ĐHKT01	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3052	2255200021	Nguyễn Gia	Kiệt	Nam	22ĐHKT01	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3053	2255200029	Trần Hoài	Giang	Nam	22ĐHKT01	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3054	2255200032	Đặng Phú	Hào	Nam	22ĐHKT01	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3055	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	22ĐHKT01	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3056	2255200045	Nguyễn Nhật	Lâm	Nam	22ĐHKT01	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3057	2255200069	Lê Trần Hoàng	Vũ	Nam	22ĐHKT02	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3058	2255200075	Lê Anh	Tuấn	Nam	22ĐHKT02	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3059	2255200092	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	Nữ	22ĐHKT02	011100071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3060	2255200034	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22ĐHKT01	011100071502	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay
3061	2331710001	Lê Nam	Anh	Nam	23ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3062	2331710003	Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	23ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3063	2331710012	Nguyễn Lý Phương	Quang	Nam	23ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3064	2331710016	Lê Hồng Nguyên	Thanh	Nữ	23ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3065	2331710024	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	23ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3066	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	Nữ	23ĐHKL03	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3067	2331710037	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	Nữ	23ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3068	2331710040	Đặng Thị Thảo	My	Nữ	23ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3069	2331710046	Trần Nguyễn Hoài	An	Nữ	23ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3070	2331710054	Phạm Minh	Phú	Nam	23ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3071	2331710059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3072	2331710063	Huỳnh Thụy Song	Kim	Nữ	23ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3073	2331710065	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	23ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3074	2331710066	Nguyễn Xuân Nhật	Khôi	Nam	23ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3075	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	23ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3076	2331710070	Phan Đỗ An	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3077	2331710071	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23ĐHKL03	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3078	2331710081	Nguyễn Hữu Hồng	Quang	Nam	23ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3079	2331710085	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3080	2331710088	Nguyễn Tuyết	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3081	2331710110	Hồ Ngọc Bội	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3082	2331710116	Nguyễn Thị Liễu	Chi	Nữ	23ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3083	2331710121	Mai Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3084	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3085	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL03	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3086	2331710139	Trần Kim	Tiên	Nữ	23ĐHKL03	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3087	2331710147	Đoàn Thị Yến	Oanh	Nữ	23ĐHKL03	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3088	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3089	2331710020	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	23ĐHKL03	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3090	2331710026	Nguyễn Diệp Thùy	Giang	Nữ	23ĐHKL03	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3091	2331710064	Phan Thúy	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3092	2331710069	Lưu Gia	Hân	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3093	2331710076	Hoàng Thu	Hương	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3094	2331710078	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3095	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3096	2331710084	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3097	2331710087	Hoàng Ngọc Hiếu	Đức	Nam	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3098	2331710089	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3099	2331710090	Nguyễn Huyền	My	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3100	2331710093	Nguyễn Ngọc Thúy	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3101	2331710094	Tòng Bùi Thành	Long	Nam	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3102	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3103	2331710105	Lê Ngọc Huyền	Trần	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3104	2331710112	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3105	2331710114	Nguyễn Ngọc	Saphidan	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3106	2331710119	Trần Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3107	2331710127	Nguyễn Phúc Anh	Hào	Nam	23ĐHKL03	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3108	2258420046	Trần Lê Cẩm	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3109	2231710121	Nguyễn Ngọc Tổ	Phụng	Nữ	22ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3110	2331710004	Châu Ngọc	Xuân	Nữ	23ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3111	2331710008	Nguyễn Doãn	Phương	Nữ	23ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3112	2331710022	Ngô Tuệ	Thanh	Nữ	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3113	2331710029	Trần Lê Minh	Anh	Nữ	23ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3114	2331710033	Phạm Minh	Quang	Nam	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3115	2331710038	Dương Thị Hương	Thảo	Nữ	23ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3116	2331710042	Vì Nhật	Nam	Nam	23ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3117	2331710043	Nguyễn Bùi Thảo	Trang	Nữ	23ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3118	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	Nữ	23ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3119	2331710047	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	23ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3120	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	Nữ	23ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3121	2331710058	Nguyễn Minh	Thê	Nam	23ĐHKL01	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3122	2331710062	Trần Vũ Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3123	2331710077	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	23ĐHKL02	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3124	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3125	2331710099	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKL02	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3126	2331710135	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3127	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3128	2331710140	Lê Thị Thu	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3129	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3130	2331710148	Bùi Thị Phi	Nhi	Nữ	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3131	2331710149	Đỗ Thái	My	Nữ	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3132	2331710152	Trần Hồng Phúc	An	Nữ	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3133	2331710154	Phan Thị Thảo	Vân	Nữ	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3134	2331710156	Nguyễn Trung	Chiến	Nam	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3135	2331710159	Trần Đặng Tường	San	Nữ	23ĐHKL03	011100074303	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3136	2258420003	Trần Mỹ	Liên	Nữ	22ĐHKL01	011100081801	Thiết kế phương thức bay
3137	2258420022	Trần Vô Bảo	Ngọc	Nữ	22ĐHKL01	011100081801	Thiết kế phương thức bay
3138	2258420067	Lê Hà	Vy	Nữ	22ĐHKL02	011100081801	Thiết kế phương thức bay
3139	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	Nam	22ĐHKL02	011100081801	Thiết kế phương thức bay
3140	2258420075	Trần Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	22ĐHKL02	011100081801	Thiết kế phương thức bay
3141	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	Nữ	22ĐHKL02	011100081801	Thiết kế phương thức bay
3142	2258420100	Nguyễn Minh	Trường	Nam	22ĐHKL02	011100081801	Thiết kế phương thức bay
3143	2252210016	Hồ Tấn	Đạt	Nam	22ĐHKL02	011100081801	Thiết kế phương thức bay
3144	2331710114	Nguyễn Ngọc	Saphidan	Nữ	23ĐHKL02	011100082001	Dẫn đường hàng không
3145	2433710004	Nguyễn Xuân	An	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3146	2433710005	Nguyễn Trần Hà	Son	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3147	2433710010	Tiêu Trung	Nguyễn	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3148	2433710016	Phạm Thùy Minh	Giang	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3149	2433710017	Nguyễn Ngọc Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3150	2433710018	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3151	2433710020	Nguyễn Nam	Khánh	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3152	2433710021	Phan Duy	Uyên	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3153	2433710030	Lê Nguyễn Quỳnh	Giao	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3154	2433710032	Cao Đặng Minh	Thư	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3155	2433710039	Trần Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3156	2433710041	Lê	Quang	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3157	2433710044	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3158	2433710049	Bùi Hữu Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3159	2433710050	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3160	2433710051	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3161	2433710054	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3162	2433710061	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3163	2433710062	Vũ Tuấn	Phong	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3164	2433710066	Nguyễn Hoàng	An	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3165	2433710067	Phan Đình	Dũng	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3166	2433710070	Nguyễn Phúc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3167	2433710071	Cao Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3168	2433710075	Phan Đặng Tâm	Như	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3169	2433710079	Đỗ Phương	Chi	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3170	2433710080	Nguyễn Thành	Trung	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3171	2433710086	Đỗ Tiến	Anh	Nam	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3172	2433710090	Nguyễn Lê Phương	Thảo	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3173	2433710101	Dương Ngọc Cẩm	Tuyền	Nữ	24ĐHKL02	011100082001	Dẫn đường hàng không
3174	2433710151	Nguyễn Phạm Mai	Phương	Nữ	24ĐHKL02	011100082001	Dẫn đường hàng không
3175	2433710154	Đặng Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100082001	Dẫn đường hàng không
3176	2433710173	Huỳnh Nhật	Hoàng	Nữ	24ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không
3177	2331710092	Lê Cao	Bằng	Nam	23ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3178	2331710094	Tòng Bùi Thành	Long	Nam	23ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3179	2331710113	Nguyễn Hoàng Thiên	Thư	Nữ	23ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3180	2433710031	Bế Ngọc Huyền	Trân	Nữ	24ĐHKL01	011100082002	Dẫn đường hàng không
3181	2433710047	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	24ĐHKL01	011100082002	Dẫn đường hàng không
3182	2433710064	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHKL01	011100082002	Dẫn đường hàng không
3183	2433710095	Nguyễn Ngọc Chi	Mai	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3184	2433710100	Trần Hoàng	Lâm	Nam	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3185	2433710104	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3186	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3187	2433710107	Trương Khánh	An	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3188	2433710113	Vũ Thị Ngọc	Nhâm	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3189	2433710117	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3190	2433710120	Lưu Vũ Đình	Nhật	Nam	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3191	2433710125	Lương Kiều Khánh	Vy	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3192	2433710130	Huỳnh Quốc	Hoàng	Nam	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3193	2433710134	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3194	2433710135	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3195	2433710136	Trần Nữ Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3196	2433710137	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3197	2433710142	Nguyễn Bảo Quỳnh	Giao	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3198	2433710147	Trần Hữu	Phúc	Nam	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3199	2433710148	Hứa Hải	Tâm	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3200	2433710153	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3201	2433710156	Nguyễn Trần Tấn	Lân	Nam	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3202	2433710157	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3203	2433710158	Trần Minh Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3204	2433710161	Nguyễn Thị Hà	Vy	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3205	2433710169	Ừng Anh	Thiên	Nam	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3206	2433710177	Dương Nguyễn Yến	Ngọc	Nữ	24ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không
3207	2258420003	Trần Mỹ	Liên	Nữ	22ĐHKL01	011100102501	Quản lý không lưu
3208	2258420005	Trần Minh	Quân	Nam	22ĐHKL01	011100102501	Quản lý không lưu
3209	2258420018	Hách Trường	Son	Nam	22ĐHKL01	011100102501	Quản lý không lưu
3210	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	22ĐHKL01	011100102501	Quản lý không lưu
3211	2258420023	Trương Kim	Thành	Nam	22ĐHKL01	011100102501	Quản lý không lưu
3212	2258420031	Trần Phương	Linh	Nữ	22ĐHKL01	011100102501	Quản lý không lưu
3213	2258420100	Nguyễn Minh	Trường	Nam	22ĐHKL02	011100102501	Quản lý không lưu
3214	2252210016	Hồ Tấn	Đạt	Nam	22ĐHKL02	011100102501	Quản lý không lưu
3215	2258420020	Lê Quốc Nhật	Nguyên	Nam	22ĐHKL01	011100102502	Quản lý không lưu
3216	2258420067	Lê Hà	Vy	Nữ	22ĐHKL02	011100102502	Quản lý không lưu
3217	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	Nam	22ĐHKL02	011100102502	Quản lý không lưu
3218	2258420075	Trần Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	22ĐHKL02	011100102502	Quản lý không lưu
3219	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	Nữ	22ĐHKL02	011100102502	Quản lý không lưu
3220	2255200008	Đỗ Trần Ngọc	Hải	Nam	22ĐHKT01	011100105601	Kết cấu Hàng không 2
3221	2255200043	Đặng Ngọc	Minh	Nam	22ĐHKT01	011100105601	Kết cấu Hàng không 2
3222	2331520061	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	Nam	23ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3223	2331520098	Hồ Văn	Son	Nam	23ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2
3224	2331520109	Bùi Hoàng	Huy	Nam	23ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2
3225	2331520114	Võ Lê	Khang	Nam	23ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2
3226	2331520021	Tổng Nguyên	Phương	Nam	23ĐHKT01	011100105603	Kết cấu Hàng không 2
3227	2250000066	Nguyễn Thị Kim	Hiếu	Nữ	22ĐHKVLQ1	011100109502	Tiếng Anh 2
3228	2331740261	Phạm Thị Ngọc	Quyên	Nữ	23ĐHKVLQ1	011100109502	Tiếng Anh 2
3229	2431740356	Tăng Ái	Quân	Nữ	24ĐHKVLQ2	011100109502	Tiếng Anh 2
3230	2331710156	Nguyễn Trung	Chiến	Nam	23ĐHKL03	011100109503	Tiếng Anh 2
3231	2433510002	Nguyễn Ngọc Hà	Nguyên	Nam	24ĐHĐT01	011100109503	Tiếng Anh 2
3232	2258420003	Trần Mỹ	Liên	Nữ	22ĐHKL01	011100111901	Tiếng Anh 3
3233	2253440020	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	Nữ	22ĐHNL01	011100111902	Tiếng Anh 3
3234	2253440036	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	Nữ	22ĐHNL01	011100111902	Tiếng Anh 3
3235	2253440041	Lén Ngọc Bảo	Ngân	Nữ	22ĐHNL01	011100111902	Tiếng Anh 3
3236	2253440063	Đào Ngọc Linh	Đan	Nữ	22ĐHNL02	011100111902	Tiếng Anh 3
3237	2253440081	Nguyễn Thị Kim	Hòa	Nữ	22ĐHNL02	011100111902	Tiếng Anh 3
3238	2253440100	Trần Ngô Yến	Thi	Nữ	22ĐHNL02	011100111902	Tiếng Anh 3
3239	2253410067	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	22ĐHQTTTH	011100111903	Tiếng Anh 3
3240	2258130015	Lê Trọng	Phúc	Nam	22ĐHDL01	011100111903	Tiếng Anh 3
3241	2258130066	Lê Trần Phương	Trang	Nữ	22ĐHDL02	011100111903	Tiếng Anh 3
3242	2253440039	Trần Tuệ	Khanh	Nữ	22ĐHNL01	011100111904	Tiếng Anh 3
3243	2253440046	Chiêm Phúc	Phương	Nữ	22ĐHNL01	011100111904	Tiếng Anh 3
3244	2254810078	Bùi Việt	Khánh	Nam	22ĐHTT02	011100111904	Tiếng Anh 3
3245	2253410007	Trần Nhã	Khanh	Nữ	22ĐHQTTTH	011100111904	Tiếng Anh 3
3246	2253410057	Trần Thanh	Hiên	Nữ	22ĐHQTTTH	011100111904	Tiếng Anh 3
3247	2253410350	Nguyễn Thành	Lợi	Nữ	22ĐHQTTTH	011100111904	Tiếng Anh 3
3248	2253410352	Lê Thị Thu	Phương	Nữ	22ĐHQTC1	011100111904	Tiếng Anh 3
3249	2433550037	Trần Thanh	Tuấn	Nam	24ĐHXDC1	011100115802	Cơ học đất
3250	2433550044	Huỳnh Tấn	Lợi	Nam	24ĐHXDC1	011100115802	Cơ học đất
3251	2433550046	Phạm Hữu Hải	Đặng	Nam	24ĐHXDC1	011100115802	Cơ học đất
3252	2433550056	Đoàn Anh Thư	Kỳ	Nữ	24ĐHXDC1	011100115802	Cơ học đất
3253	2433550061	Nguyễn Minh	Quân	Nam	24ĐHXDC1	011100115802	Cơ học đất
3254	2433550089	Nguyễn Tuấn Anh	Tâm	Nam	24ĐHXDC1	011100115802	Cơ học đất
3255	2433550097	Dương Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHXDC1	011100115802	Cơ học đất
3256	2433550110	Hoàng Ngọc Thành	Nam	Nam	24ĐHXDC1	011100115802	Cơ học đất

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3257	2433550117	Phan Hải	Yến	Nữ	24ĐHXDC1	011100115802	Cơ học đất
3258	2433550120	Võ Gia	Khiêm	Nam	24ĐHXDC1	011100115802	Cơ học đất
3259	2331520114	Võ Lê	Khang	Nam	23ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt
3260	2331520061	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	Nam	23ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt
3261	2331520098	Hồ Văn	Son	Nam	23ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt
3262	2331520109	Bùi Hoàng	Huy	Nam	23ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt
3263	2331520021	Tổng Nguyên	Phương	Nam	23ĐHKT01	011100132703	Động cơ piston và cánh quạt
3264	2258420046	Trần Lê Cẩm	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3265	2231710121	Nguyễn Ngọc Tổ	Phụng	Nữ	22ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3266	2331710043	Nguyễn Bùi Thảo	Trang	Nữ	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3267	2331710062	Trần Vũ Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3268	2331710063	Huỳnh Thụy Song	Kim	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3269	2331710071	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3270	2331710076	Hoàng Thu	Hương	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3271	2331710077	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3272	2331710085	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3273	2331710087	Hoàng Ngọc Hiếu	Đức	Nam	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3274	2331710088	Nguyễn Tuyết	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3275	2331710093	Nguyễn Ngọc Thúy	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3276	2331710094	Tòng Bùi Thành	Long	Nam	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3277	2331710099	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3278	2331710101	Huỳnh Ngọc Tú	Anh	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3279	2331710135	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3280	2331710139	Trần Kim	Tiên	Nữ	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3281	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3282	2331710148	Bùi Thị Phi	Nhi	Nữ	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3283	2331710154	Phan Thị Thảo	Vân	Nữ	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3284	2331710159	Trần Đặng Tường	San	Nữ	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3285	2331710001	Lê Nam	Anh	Nam	23ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3286	2331710008	Nguyễn Doãn	Phương	Nữ	23ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3287	2331710012	Nguyễn Lý Phương	Quang	Nam	23ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3288	2331710020	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	23ĐHKL03	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3289	2331710024	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	23ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3290	2331710033	Phạm Minh	Quang	Nam	23ĐHKL03	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3291	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	Nữ	23ĐHKL03	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3292	2331710037	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	Nữ	23ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3293	2331710038	Dương Thị Hương	Thảo	Nữ	23ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3294	2331710046	Trần Nguyễn Hoài	An	Nữ	23ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3295	2331710054	Phạm Minh	Phú	Nam	23ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3296	2331710065	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3297	2331710066	Nguyễn Xuân Nhật	Khôi	Nam	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3298	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3299	2331710070	Phan Đỗ An	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3300	2331710081	Nguyễn Hữu Hồng	Quang	Nam	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3301	2331710089	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3302	2331710090	Nguyễn Huyền	My	Nữ	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3303	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	Nữ	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3304	2331710105	Lê Ngọc Huyền	Trân	Nữ	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3305	2331710112	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3306	2331710116	Nguyễn Thị Liễu	Chi	Nữ	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3307	2331710121	Mai Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3308	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3309	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐHKL03	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3310	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL03	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3311	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3312	2331710003	Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	23ĐHKL01	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3313	2331710004	Châu Ngọc	Xuân	Nữ	23ĐHKL01	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3314	2331710016	Lê Hồng Nguyên	Thanh	Nữ	23ĐHKL01	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3315	2331710022	Ngô Tuệ	Thanh	Nữ	23ĐHKL03	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3316	2331710026	Nguyễn Diệp Thùy	Giang	Nữ	23ĐHKL03	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3317	2331710029	Trần Lê Minh	Anh	Nữ	23ĐHKL01	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3318	2331710042	Vì Nhật	Nam	Nam	23ĐHKL01	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3319	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	Nữ	23ĐHKL01	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3320	2331710058	Nguyễn Minh	Thế	Nam	23ĐHKL01	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3321	2331710059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHKL01	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3322	2331710064	Phan Thúy	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3323	2331710069	Lưu Gia	Hân	Nữ	23ĐHKL02	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3324	2331710078	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3325	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3326	2331710084	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3327	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3328	2331710114	Nguyễn Ngọc	Saphidan	Nữ	23ĐHKL02	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3329	2331710119	Trần Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKL02	011100142602	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2
3330	2331710001	Lê Nam	Anh	Nam	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3331	2331710003	Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3332	2331710008	Nguyễn Doãn	Phương	Nữ	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3333	2331710012	Nguyễn Lý Phương	Quang	Nam	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3334	2331710029	Trần Lê Minh	Anh	Nữ	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3335	2331710037	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	Nữ	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3336	2331710038	Dương Thị Hương	Thảo	Nữ	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3337	2331710040	Đặng Thị Thảo	My	Nữ	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3338	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	Nữ	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3339	2331710046	Trần Nguyễn Hoài	An	Nữ	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3340	2331710047	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3341	2331710054	Phạm Minh	Phú	Nam	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3342	2331710058	Nguyễn Minh	Thê	Nam	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3343	2331710059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3344	2331710062	Trần Vũ Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3345	2331710063	Huỳnh Thụy Song	Kim	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3346	2331710065	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3347	2331710066	Nguyễn Xuân Nhật	Khôi	Nam	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3348	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3349	2331710070	Phan Đỗ An	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3350	2331710076	Hoàng Thu	Hương	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3351	2331710077	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3352	2331710081	Nguyễn Hữu Hồng	Quang	Nam	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3353	2331710084	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3354	2331710099	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3355	2331710105	Lê Ngọc Huyền	Trân	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3356	2331710110	Hồ Ngọc Bội	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3357	2331710112	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3358	2331710116	Nguyễn Thị Liễu	Chi	Nữ	23ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3359	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3360	2331710127	Nguyễn Phúc Anh	Hào	Nam	23ĐHKL03	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3361	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3362	2331710004	Châu Ngọc	Xuân	Nữ	23ĐHKL01	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3363	2331710016	Lê Hồng Nguyên	Thanh	Nữ	23ĐHKL01	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3364	2331710024	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	23ĐHKL01	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3365	2331710033	Phạm Minh	Quang	Nam	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3366	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	Nữ	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3367	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	Nữ	23ĐHKL01	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3368	2331710069	Lưu Gia	Hân	Nữ	23ĐHKL02	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3369	2331710078	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3370	2331710087	Hoàng Ngọc Hiếu	Đức	Nam	23ĐHKL02	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3371	2331710088	Nguyễn Tuyết	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3372	2331710090	Nguyễn Huyền	My	Nữ	23ĐHKL02	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3373	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3374	2331710093	Nguyễn Ngọc Thúy	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL02	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3375	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	Nữ	23ĐHKL02	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3376	2331710119	Trần Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKL02	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3377	2331710121	Mai Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKL02	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3378	2331710135	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3379	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3380	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3381	2331710139	Trần Kim	Tiên	Nữ	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3382	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3383	2331710148	Bùi Thị Phi	Nhi	Nữ	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3384	2331710152	Trần Hồng Phúc	An	Nữ	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3385	2331710156	Nguyễn Trung	Chiến	Nam	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3386	2331710159	Trần Đặng Tường	San	Nữ	23ĐHKL03	011100142902	Liên lạc và giám sát theo tình năng
3387	2433710011	Đỗ Đình	Thành	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3388	2433710012	Nguyễn Hoài	Anh	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3389	2433710013	Hồ Trần Phương	Như	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3390	2433710034	Nguyễn Lan	Nhi	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3391	2433710038	Trương Khánh	Toàn	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3392	2433710042	Trần Đăng Hải	Long	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3393	2433710045	Trần Đình Lan	Yên	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3394	2433710046	Vũ Tuấn	Long	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3395	2433710056	Nguyễn Trần Tuệ	Anh	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3396	2433710058	Nguyễn Vũ An	Khôi	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3397	2433710063	Lê Hoàng Gia	Bảo	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3398	2433710072	Đỗ Cẩm	Vân	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3399	2433710087	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3400	2433710092	Phan Nguyễn Lâm	Bình	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3401	2433710093	Lê Trần Gia	Minh	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3402	2433710110	Lê Phương	Anh	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3403	2433710114	Nguyễn Yến	Phuong	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3404	2433710118	Nguyễn Phú	Quý	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3405	2433710131	Đào Phương	Trinh	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3406	2433710138	Lê Đặng Bảo	Trần	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3407	2433710143	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3408	2433710149	Nguyễn Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3409	2433710162	Đặng Nhật	Nam	Nam	24ĐAKL01	011100178401	Fundamental for Air Transport
3410	2433710011	Đỗ Đình	Thành	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3411	2433710012	Nguyễn Hoài	Anh	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3412	2433710013	Hồ Trần Phương	Như	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3413	2433710034	Nguyễn Lan	Nhi	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3414	2433710038	Trương Khánh	Toàn	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3415	2433710042	Trần Đăng Hải	Long	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3416	2433710045	Trần Đình Lan	Yên	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3417	2433710046	Vũ Tuấn	Long	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3418	2433710056	Nguyễn Trần Tuệ	Anh	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3419	2433710058	Nguyễn Vũ An	Khôi	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3420	2433710063	Lê Hoàng Gia	Bảo	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3421	2433710072	Đỗ Cẩm	Vân	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3422	2433710087	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3423	2433710092	Phan Nguyễn Lâm	Bình	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3424	2433710093	Lê Trần Gia	Minh	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3425	2433710110	Lê Phương	Anh	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3426	2433710114	Nguyễn Yến	Phuong	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3427	2433710118	Nguyễn Phú	Quý	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3428	2433710131	Đào Phương	Trình	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3429	2433710138	Lê Đăng Bảo	Trân	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3430	2433710143	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3431	2433710149	Nguyễn Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3432	2433710162	Đặng Nhật	Nam	Nam	24ĐAKL01	011100178601	Aeronautical Telecommunications System
3433	2433710012	Nguyễn Hoài	Anh	Nam	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3434	2433710013	Hồ Trần Phương	Như	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3435	2433710034	Nguyễn Lan	Nhi	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3436	2433710038	Trương Khánh	Toàn	Nam	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3437	2433710045	Trần Đình Lan	Yên	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3438	2433710046	Vũ Tuấn	Long	Nam	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3439	2433710056	Nguyễn Trần Tuệ	Anh	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3440	2433710058	Nguyễn Vũ An	Khôi	Nam	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3441	2433710063	Lê Hoàng Gia	Bảo	Nam	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3442	2433710072	Đỗ Cẩm	Vân	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3443	2433710087	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3444	2433710092	Phan Nguyễn Lâm	Bình	Nam	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3445	2433710093	Lê Trần Gia	Minh	Nam	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3446	2433710110	Lê Phương	Anh	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3447	2433710114	Nguyễn Yên	Phương	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3448	2433710131	Đào Phương	Trình	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3449	2433710138	Lê Đăng Bảo	Trân	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3450	2433710143	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3451	2433710149	Nguyễn Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3452	2433710162	Đặng Nhật	Nam	Nam	24ĐAKL01	011100178801	Aircraft electronic & electrical technics
3453	2433550086	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	24ĐHXD02	011100197502	Địa chất, cơ đất, nền móng
3454	2433550088	Huỳnh Tấn Thành	Đạt	Nam	24ĐHXD02	011100197502	Địa chất, cơ đất, nền móng
3455	2433550079	Ngô Bùi Bảo	Hân	Nữ	24ĐHXD02	011100197503	Địa chất, cơ đất, nền móng
3456	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	Nam	23CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay
3457	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	Nữ	23CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay
3458	2341820013	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	23CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay
3459	2341820016	Đàm Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	23CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay
3460	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	Nữ	23CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3461	2341820023	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay
3462	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	23CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay
3463	2341820023	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23CĐKL01	030100032301	Dẫn đường hàng không
3464	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	23CĐKL01	030100032301	Dẫn đường hàng không
3465	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	Nam	23CĐKL01	030100064801	Sử dụng hệ thống giám sát trong công tác điều hành bay
3466	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	Nữ	23CĐKL01	030100064801	Sử dụng hệ thống giám sát trong công tác điều hành bay
3467	2341820013	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	23CĐKL01	030100064801	Sử dụng hệ thống giám sát trong công tác điều hành bay
3468	2341820016	Đàm Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	23CĐKL01	030100064801	Sử dụng hệ thống giám sát trong công tác điều hành bay
3469	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	Nữ	23CĐKL01	030100064801	Sử dụng hệ thống giám sát trong công tác điều hành bay
3470	2341820023	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23CĐKL01	030100064801	Sử dụng hệ thống giám sát trong công tác điều hành bay
3471	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	23CĐKL01	030100064801	Sử dụng hệ thống giám sát trong công tác điều hành bay
3472	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	Nam	23CĐKL01	030100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3473	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	Nữ	23CĐKL01	030100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3474	2341820013	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	23CĐKL01	030100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3475	2341820016	Đàm Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	23CĐKL01	030100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3476	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	Nữ	23CĐKL01	030100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3477	2341820023	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23CĐKL01	030100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3478	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	23CĐKL01	030100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài

Lập danh sách



Dương Gia Bảo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Thiện Lưu